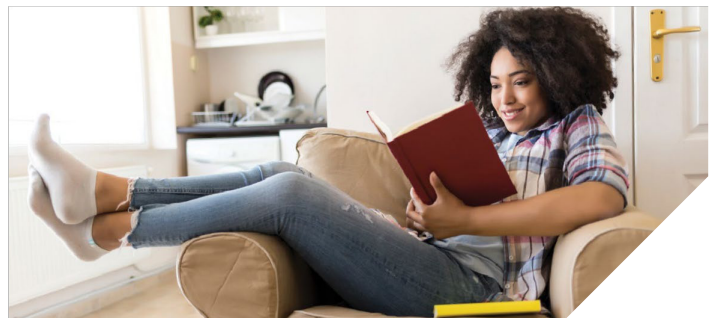


# DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY  
1 THÁNG 1 NĂM 2025



# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1<sub>A</sub>** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1<sub>B</sub>** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>					
<b>Amphetamines</b>					
ADDERALL XR CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG (Use amphetamine-dextroamphetamine)	9	QL(2 EA daily)	DESOXYN PO (Use methamphetamine hcl)	9	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
ADDERALL XR CP24 PO 5 MG, 10 MG (Use amphetamine-dextroamphetamine)	9	QL(1 EA daily)	DEXEDRINE CP24 PO 10 MG, 15 MG (Use dextroamphetamine sulfate)	9	QL(4 EA daily)
ADDERALL XR CP24 PO 15 MG (Use amphetamine-dextroamphetamine)	9		dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG	1	QL(4 EA daily)
ADDERALL TABS PO 30 MG (Use amphetamine-dextroamphetamine)	9	QL(2 EA daily)	dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG	1	
ADDERALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG (Use amphetamine-dextroamphetamine)	9	QL(3 EA daily)	dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1	
amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG	1	QL(1 EA daily)	dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG	1	QL(4 EA daily)
amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG	1		lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO	1	QL(1 EA daily); ST
amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	QL(2 EA daily)	lisdexamfetamine dimesylate CHEW	1	QL(1 EA daily); ST
amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1	QL(3 EA daily)	methamphetamine hcl PO	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG	1	QL(2 EA daily)	<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
			ADIPEX-P CAPS PO (Use phentermine hcl)	9	PA
			phendimetrazine tartrate TABS PO	1	PA
			phentermine hcl CAPS PO	1	PA
			<b>Anti-Obesity Agents</b>		
			CONTRAVE PO	3	QL(4 EA daily); PA
			<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
			atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	FOCALIN XR CP24 PO (Use <i>dexmethylphenidate hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12 PO</i>	1		FOCALIN TABS PO (Use <i>dexmethylphenidate hcl</i> )	9	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>guanfacine hcl (adhd) PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	METADATE CD CPR PO (Use <i>methylphenidate hcl</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
INTUNIV PO (Use <i>guanfacine hcl (adhd)</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	METHYLIN SOLN PO (Use <i>methylphenidate hcl</i> )	9	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
KAPVAY TB12 PO (Use <i>clonidine hcl (adhd)</i> )	9		<i>methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
STRATTERA PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG (Use <i>atomoxetine hcl</i> )	9	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
STRATTERA PO 60 MG, 80 MG, 100 MG (Use <i>atomoxetine hcl</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)			<i>methylphenidate hcl CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
SUNOSI PO 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA	<i>methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
SUNOSI PO 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA	<i>methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Stimulants - Misc.			<i>methylphenidate hcl CPR PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
APTENSIO XR CP24 PO (Use <i>methylphenidate hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>methylphenidate hcl SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>armodafinil PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA	<i>methylphenidate hcl TABS PO 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
CONCERTA TBCR PO 36 MG, 54 MG (Use <i>methylphenidate hcl</i> )	9	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
CONCERTA TBCR PO 18 MG, 27 MG (Use <i>methylphenidate hcl</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
DAYTRANA PTCH (Use <i>methylphenidate</i> )	9	QL(1 EA daily); PA	<i>methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dexmethylphenidate hcl CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 EA daily); PA	<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1	
<i>modafinil PO 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA	KITABIS PAK NEBU (Use tobramycin)	9	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
<i>modafinil PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>neomycin sulfate TABS PO</i>	1	
NUVIGIL PO (Use armodafinil)	9	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA	<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
PROVIGIL PO 100 MG (Use modafinil)	9	QL(1 EA daily); PA	TOBI NEBU (Use tobramycin)	9	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
PROVIGIL PO 200 MG (Use modafinil)	9	QL(2 EA daily); PA	<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
RITALIN LA CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG (Use methylphenidate hcl)	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
RITALIN LA CP24 PO 30 MG (Use methylphenidate hcl)	9	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
RITALIN TABS PO 5 MG (Use methylphenidate hcl)	9	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RITALIN TABS PO 10 MG, 20 MG (Use methylphenidate hcl)	9	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>			RINVOQ TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
Allergenic Extracts			XELJANZ XR TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
GRASTEK SUBL	3	PA	XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
<b>AMEBICIDES</b>			XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Amebicides			XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
SOLOSEC	3	PA	Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>			CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA
Aminoglycosides					
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1				

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	<b>Gold Compounds</b>		
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	RIDAURA PO	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	<b>Interleukin-1 Blockers</b>		
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	<b>Interleukin-6 Receptor Inhibitors</b>		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			<b>Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)</b>		
			ANAPROX DS TABS PO (Use naproxen sodium)	9	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARTHROTEC TBEC PO (Use diclofenac w/ misoprostol)	9		ketoprofen CAPS PO 50 MG	1	
CELEBREX PO (Use celecoxib)	9	QL(2 EA daily)	ketorolac tromethamine TABS PO	1	QL(0.667 EA daily)
celecoxib PO	1	QL(2 EA daily)	LODINE TABS PO (Use etodolac)	9	
CHILDRENS ADVIL SUSP PO 100 MG/5ML (Use ibuprofen)	9	RX/OTC	meclofenamate sodium CAPS PO	1	
CHILDRENS MOTRIN SUSP PO 100 MG/5ML (Use ibuprofen)	9	RX/OTC	mefenamic acid CAPS PO	1	Must try ibuprofen.; QL(5 EA daily); ST
DAYPRO TABS PO (Use oxaprozin)	9		meloxicam TABS PO	7	QL(1 EA daily)
diclofenac potassium TABS PO 50 MG	1		nabumetone PO	1	
diclofenac sodium TB24 PO	1		NALFON TABS PO (Use fenoprofen calcium)	9	QL(4 EA daily); ST
diclofenac sodium TBEC PO	1		NAPROSYN SUSP PO (Use naproxen)	9	PA
diclofenac w/ misoprostol TBEC PO	1		NAPROSYN TABS PO 500 MG (Use naproxen)	9	
EC-NAPROSYN TBEC PO 500 MG (Use naproxen)	9	QL(3 EA daily)	naproxen sodium TABS PO 550 MG	1	
etodolac CAPS PO	1		naproxen SUSP PO	1	PA
etodolac TABS PO	1		naproxen TABS PO	1	
FELDENE CAPS PO (Use piroxicam)	9		naproxen TBEC PO 500 MG	1	QL(3 EA daily)
fenoprofen calcium TABS PO	1	QL(4 EA daily); ST	oxaprozin TABS PO	1	
flurbiprofen TABS PO	1		piroxicam CAPS PO	1	
ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML	1	RX/OTC	sulindac TABS PO	1	
ibuprofen TABS PO 800 MG	1		tolmetin sodium CAPS PO	1	
ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG	7		tolmetin sodium TABS PO 600 MG	1	
indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG	1		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
indomethacin CPCR PO	1		OTEZLA TABS PO	4	QL(2 EA daily); PA
			OTEZLA TBPK PO	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
			OTEZLA TBPK PO	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
ARAVA PO ( <i>Use leflunomide</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>leflunomide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
ESGIC TABS PO ( <i>Use butalbital-acetaminophen-caffeine</i> )	9	QL(6 EA daily)
FIORICET CAPS PO ( <i>Use butalbital-acetaminophen-caffeine</i> )	9	QL(6 EA daily)
<b>Salicylates</b>		
<i>aspirin CHEW PO</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aspirin TABS PO 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC PO 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC PO 325 MG</i>	7	
<i>diflunisal TABS PO</i>	1	
ECOTRIN ARTHRTIS PAIN TBEC PO ( <i>Use aspirin</i> )	9	
ECOTRIN TBEC PO ( <i>Use aspirin</i> )	9	
<i>salsalate PO</i>	1	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Opioid Agonists</b>		
ACTIQ LPOP ( <i>Use fentanyl citrate</i> )	9	QL(4 EA daily); PA
<i>codeine sulfate TABS PO 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
CODEINE SULFATE TABS PO	1	New starts limited to 7 day supply
DEMEROL SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML ( <i>Use meperidine hcl</i> )	9	
DILAUDID LIQD PO ( <i>Use hydromorphone hcl</i> )	9	New starts limited to 7 day supply
DILAUDID TABS PO ( <i>Use hydromorphone hcl</i> )	9	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12 PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS PO 10 MG</i>	1	QL(10 EA daily)
HYDROMORPHONE HCL PF SOLN IJ (Use <i>hydromorphone hcl</i> )	9		<i>methadone hcl TBSO PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply	METHADOSE SUGAR-FREE CONC PO (Use <i>methadone hcl</i> )	9	QL(10 ML daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		METHADOSE CONC PO (Use <i>methadone hcl</i> )	9	QL(10 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>levorphanol tartrate TABS PO 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1		<i>morphine sulfate TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)	<i>morphine sulfate TBCR PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>meperidine hcl TABS PO 50 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	MS CONTIN TBCR PO (Use <i>morphine sulfate</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>methadone hcl CONC PO</i>	1	QL(10 ML daily)	<i>oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ML daily)	<i>oxycodone hcl TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1		<i>oxymorphone hcl TABS PO</i>	1	QL(12 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ML daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
METHADONE HCL SOLN IJ	1		<i>oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>methadone hcl TABS PO 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ROXICODONE TABS PO 15 MG, 30 MG (Use oxycodone hcl)	9	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA	FIORICET/CODEINE PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG (Use <i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine</i> )	9	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>tramadol hcl TABS PO 50 MG</i>	7	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN PO</i>	7	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 30 MG-300 MG</i>	7	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	PERCOCET TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG (Use <i>oxycodone w/ acetaminophen</i> )	9	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA			
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PERCOCET TABS PO 325 MG-2.5 MG (Use oxycodone w/ acetaminophen)	9	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
tramadol-acetaminophen PO	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
BRIXADI (WEEKLY) SOSY	3	
BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	3	
BUPRENEX SOLN (Use buprenorphine hcl)	9	
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL	1	
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	1	
buprenorphine hcl SOLN	1	
buprenorphine hcl SUBL	1	
buprenorphine PTWK	1	QL(0.143 EA daily); PA
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	1	
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	1	
BUTRANS PTWK (Use buprenorphine)	9	QL(0.143 EA daily); PA
nalbuphine hcl	1	
pentazocine w/ naloxone hcl PO	1	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	1 max fill(s) per 26 day(s) retail
SUBOXONE FILM SL (Use buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate)	9	
ZUBSOLV SUBL	3	
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Hormones</b>		
<b>Anabolic Steroids</b>		
oxandrolone PO	1	
<b>Androgens</b>		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
danazol CAPS PO	1	
methyltestosterone TABS	1	
testosterone cypionate SOLN IM	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
testosterone enanthate SOLN IM	1	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
<b>Intrarectal Steroids</b>		
budesonide (intrarectal)	4	QL(3.2 GM daily); PA
CORTENEMA PR (Use hydrocortisone (intrarectal))	9	
hydrocortisone (intrarectal) PR	1	
UCERIS (Use budesonide (intrarectal))	9	QL(3.2 GM daily); PA
<b>Rectal Steroids</b>		
ANUSOL-HC EX (Use hydrocortisone (rectal))	9	
hydrocortisone (rectal) EX	1	RX/OTC
hydrocortisone acetate (rectal) PR	1	
PROCTOCORT PR (Use hydrocortisone acetate (rectal))	9	
<b>Vasodilating Agents</b>		
nitroglycerin (intra-anal) PR	1	QL(2 GM daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECTIV PR ( <i>Use nitroglycerin (intra-anal)</i> )	9	QL(2 GM daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole PO</i>	1	PA
BILTRICIDE PO ( <i>Use praziquantel</i> )	9	PA
EMVERM CHEW PO	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin PO</i>	1	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel PO</i>	1	PA
STROMEKTOL PO ( <i>Use ivermectin</i> )	9	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
RANEXA TB12 PO 500 MG ( <i>Use ranolazine</i> )	9	QL(3 EA daily)
RANEXA TB12 PO 1000 MG ( <i>Use ranolazine</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 PO 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 PO 1000 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Nitrates		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISORDIL TITRADOSE TABS PO 5 MG ( <i>Use isosorbide dinitrate</i> )	9	
<i>isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS PO</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24 PO</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
NITRO-DUR PT24 ( <i>Use nitroglycerin</i> )	9	
<i>nitroglycerin CPCR PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
NITROSTAT SUBL ( <i>Use nitroglycerin</i> )	9	
<b>ANTIANSIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>bupirone hcl PO 5 MG</i>	7	
<i>bupirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP PO</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS PO</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS PO</i>	1	
<i>meprobamate PO</i>	1	QL(6 EA daily)
VISTARIL CAPS PO ( <i>Use hydroxyzine pamoate</i> )	9	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS PO 2 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	7	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24 PO</i>	1	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alprazolam TBDP PO</i>	1	
ATIVAN TABS PO 0.5 MG, 2 MG ( <i>Use lorazepam</i> )	9	QL(3 EA daily)
ATIVAN TABS PO 1 MG ( <i>Use lorazepam</i> )	9	QL(4 EA daily)
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS PO</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS PO</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS PO</i>	7	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC PO</i>	1	
<i>lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG</i>	7	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS PO 1 MG</i>	7	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS PO</i>	1	
TRANXENE-T TABS PO ( <i>Use clorazepate dipotassium</i> )	9	
VALIUM TABS PO ( <i>Use diazepam</i> )	9	QL(4 EA daily)
XANAX XR TB24 PO ( <i>Use alprazolam</i> )	9	
XANAX TABS PO ( <i>Use alprazolam</i> )	9	QL(4 EA daily)
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS PO</i>	1	
NORPACE CAPS PO ( <i>Use disopyramide phosphate</i> )	9	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl PO</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate PO</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12 PO</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS PO</i>	1	
RYTHMOL SR CP12 PO ( <i>Use propafenone hcl</i> )	9	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS PO</i>	1	
<i>dofetilide PO</i>	1	
TIKOSYN PO ( <i>Use dofetilide</i> )	9	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ML daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>Use tiotropium bromide monohydrate</i> )	9	QL(1 EA daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
ACCOLATE PO ( <i>Use zafirlukast</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>montelukast sodium CHEW PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
SINGULAIR CHEW PO ( <i>Use montelukast sodium</i> )	9	QL(1 EA daily)
SINGULAIR PACK PO ( <i>Use montelukast sodium</i> )	9	QL(1 EA daily)
SINGULAIR TABS PO ( <i>Use montelukast sodium</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12 PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
DALIRESP PO ( <i>Use roflumilast</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>roflumilast PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ML daily); PA
FLOVENT DISKUS AEPB ( <i>Use fluticasone propionate (inhalation)</i> )	NF	
FLOVENT HFA ( <i>Use fluticasone propionate hfa</i> )	NF	
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
PULMICORT SUSP ( <i>Use budesonide (inhalation)</i> )	9	QL(4 ML daily); PA
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
ADVAIR DISKUS AEPB ( <i>Use fluticasone-salmeterol</i> )	9	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ADVAIR HFA AERO ( <i>Use fluticasone-salmeterol</i> )	NF	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ML daily)	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP PO</i>	1		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ML daily)
<i>albuterol sulfate TABS PO</i>	1		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)	<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ML daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ML daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 GM daily)
BREO ELLIPTA ( <i>Use fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	PERFOROMIST NEBU ( <i>Use formoterol fumarate</i> )	9	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	PROAIR HFA AERS ( <i>Use albuterol sulfate</i> )	NF	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)	PROVENTIL HFA AERS ( <i>Use albuterol sulfate</i> )	NF	
BROVANA ( <i>Use arformoterol tartrate</i> )	9	QL(4 ML daily)	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
DULERA	2		STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	SYMBICORT ( <i>Use budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i> )	9	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
			<i>terbutaline sulfate TABS PO</i>	1	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VENTOLIN HFA AERS (Use albuterol sulfate)	NF		ARIXTRA 7.5 MG/0.6ML (Use fondaparinux sodium)	9	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
XOPENEX (Use levalbuterol hcl)	9	QL(12 ML daily)	ARIXTRA 2.5 MG/0.5ML (Use fondaparinux sodium)	9	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
XOPENEX CONCENTRATE (Use levalbuterol hcl)	9		ARIXTRA 10 MG/0.8ML (Use fondaparinux sodium)	9	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
XOPENEX HFA (Use levalbuterol tartrate)	NF		enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	4	QL(6 ML daily)
<b>Xanthines</b>			enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ML daily); SP
aminophylline SOLN	1		enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ML daily)
theophylline ELIX PO	1		enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
theophylline SOLN PO	1	QL(56 ML daily)	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ML daily)
theophylline TB12 PO	1		enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
theophylline TB24 PO	1		fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>			fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<b>Coumarin Anticoagulants</b>			fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
warfarin sodium TABS PO	1				
<b>Direct Factor Xa Inhibitors</b>					
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)			
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail			
XARELTO SUSR	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)			
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)			
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)			
<b>Heparins And Heparinoid-Like Agents</b>					
ARIXTRA 5 MG/0.4ML (Use fondaparinux sodium)	9	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 EA daily); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 EA daily); PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1		<b>Anticonvulsants - Benzodiazepines</b>		
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1		<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ML daily); PA
LOVENOX SOLN IJ 300 MG/3ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(6 ML daily)	<i>clobazam TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA
LOVENOX SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(1.6 ML daily)	<i>clonazepam TABS PO</i>	7	
LOVENOX SOSY 60 MG/0.6ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	DIASTAT ACUDIAL GEL PR ( <i>Use diazepam (anticonvulsant)</i> )	9	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
LOVENOX SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(2 ML daily)	DIASTAT PEDIATRIC GEL PR ( <i>Use diazepam (anticonvulsant)</i> )	9	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
LOVENOX SOSY 30 MG/0.3ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(0.6 ML daily); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL PR</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
LOVENOX SOSY 40 MG/0.4ML ( <i>Use enoxaparin sodium</i> )	9	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	KLONOPIN TABS PO ( <i>Use clonazepam</i> )	9	
<b>Thrombin Inhibitors</b>			NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS PO</i>	1		ONFI SUSP ( <i>Use clobazam</i> )	9	QL(16 ML daily); PA
PRADAXA CAPS PO ( <i>Use dabigatran etexilate mesylate</i> )	9		ONFI TABS PO ( <i>Use clobazam</i> )	9	QL(2 EA daily); PA
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>			VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
<b>AMPA Glutamate Receptor Antagonists</b>			VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 EA daily); PA	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 EA daily); PA	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
			<b>Anticonvulsants - Misc.</b>		

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
APTIOM	3	QL(2 EA daily); ST	<i>gabapentin CAPS PO</i>	1	
BANZEL SUSP ( <i>Use rufinamide</i> )	9	QL(80 ML daily); PA	<i>gabapentin SOLN PO</i>	1	QL(60 ML daily)
BANZEL TABS PO 400 MG ( <i>Use rufinamide</i> )	2	QL(8 EA daily); PA	<i>gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG</i>	1	
BANZEL TABS PO 200 MG ( <i>Use rufinamide</i> )	2	QL(2 EA daily); PA	KEPPRA XR TB24 PO ( <i>Use levetiracetam</i> )	9	QL(4 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	KEPPRA SOLN PO 100 MG/ML ( <i>Use levetiracetam</i> )	9	QL(30 ML daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	KEPPRA TABS PO 500 MG ( <i>Use levetiracetam</i> )	9	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW PO 100 MG</i>	1		KEPPRA TABS PO 1000 MG ( <i>Use levetiracetam</i> )	9	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	KEPPRA TABS PO 250 MG, 750 MG ( <i>Use levetiracetam</i> )	9	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 100 MG</i>	1		<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>lacosamide TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP PO</i>	1		LAMICTAL ODT TBDP PO ( <i>Use lamotrigine</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine TABS PO</i>	1		LAMICTAL CHEW PO 5 MG ( <i>Use lamotrigine</i> )	9	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	LAMICTAL CHEW PO 25 MG ( <i>Use lamotrigine</i> )	9	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	LAMICTAL TABS PO ( <i>Use lamotrigine</i> )	9	
CARBATROL CP12 PO 200 MG ( <i>Use carbamazepine</i> )	9	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine CHEW PO 5 MG</i>	1	QL(100 EA daily)
CARBATROL CP12 PO 300 MG ( <i>Use carbamazepine</i> )	9	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine CHEW PO 25 MG</i>	1	QL(20 EA daily)
CARBATROL CP12 PO 100 MG ( <i>Use carbamazepine</i> )	9		<i>lamotrigine TABS PO</i>	1	
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>lamotrigine TBDP PO</i>	1	QL(1 EA daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ML daily)
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>levetiracetam TABS PO 1000 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>levetiracetam TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
EPIDIOLEX	3	PA			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levetiracetam TABS PO 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	TEGRETOL SUSP PO (Use carbamazepine)	2	
<i>levetiracetam TB24 PO</i>	1	QL(4 EA daily)	TEGRETOL TABS PO (Use carbamazepine)	2	
LYRICA CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG (Use pregabalin)	9	QL(3 EA daily); PA	TEGRETOL-XR TB12 PO 100 MG, 400 MG (Use carbamazepine)	9	QL(4 EA daily)
LYRICA CAPS PO 225 MG, 300 MG (Use pregabalin)	9	QL(2 EA daily); PA	TEGRETOL-XR TB12 PO 200 MG (Use carbamazepine)	9	QL(6 EA daily)
LYRICA SOLN (Use pregabalin)	9	QL(30 ML daily); PA	TOPAMAX SPRINKLE CPSP PO 15 MG (Use topiramate)	9	QL(6 EA daily)
MYSOLINE PO (Use primidone)	9		TOPAMAX SPRINKLE CPSP PO 25 MG (Use topiramate)	9	QL(8 EA daily)
NEURONTIN CAPS PO (Use gabapentin)	9		TOPAMAX TABS PO 25 MG, 100 MG (Use topiramate)	9	QL(4 EA daily)
NEURONTIN SOLN PO (Use gabapentin)	9	QL(60 ML daily)	TOPAMAX TABS PO 200 MG (Use topiramate)	9	QL(2 EA daily)
NEURONTIN TABS PO (Use gabapentin)	9		TOPAMAX TABS PO 50 MG (Use topiramate)	9	QL(6 EA daily)
<i>oxcarbazepine SUSP PO</i>	1	QL(40 ML daily)	<i>topiramate CPSP PO 15 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	<i>topiramate CPSP PO 25 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>oxcarbazepine TABS PO 600 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>topiramate CS24 PO</i>	3	PA
<i>pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>topiramate TABS PO 50 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA	<i>topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA	<i>topiramate TABS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>primidone PO 50 MG, 250 MG</i>	1		TRILEPTAL SUSP PO (Use oxcarbazepine)	9	QL(40 ML daily)
QUDEXY XR CS24 PO (Use topiramate)	9	PA	TRILEPTAL TABS PO 150 MG, 300 MG (Use oxcarbazepine)	9	QL(3 EA daily)
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ML daily); PA	TRILEPTAL TABS PO 600 MG (Use oxcarbazepine)	9	QL(4 EA daily)
<i>rufinamide TABS PO 400 MG</i>	1	QL(8 EA daily); PA	VIMPAT SOLN PO 10 MG/ML (Use lacosamide)	9	QL(40 ML daily)
<i>rufinamide TABS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIMPAT TABS PO ( <i>Use lacosamide</i> )	9	QL(2 EA daily)	DILANTIN-125 SUSP PO ( <i>Use phenytoin</i> )	2	
ZONEGRAN CAPS PO 25 MG, 100 MG ( <i>Use zonisamide</i> )	9	QL(6 EA daily)	DILANTIN SUSP PO ( <i>Use phenytoin</i> )	2	
zonisamide CAPS PO	1	QL(6 EA daily)	fosphenytoin sodium	1	
<b>Carbamates</b>			phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG	1	
felbamate SUSP	1	QL(30 ML daily)	phenytoin sodium SOLN	1	
felbamate TABS PO 400 MG	1	QL(9 EA daily)	phenytoin CHEW PO	1	
felbamate TABS PO 600 MG	1	QL(6 EA daily)	phenytoin SUSP PO	1	
FELBATOL SUSP ( <i>Use felbamate</i> )	9	QL(30 ML daily)	<b>Succinimides</b>		
FELBATOL TABS PO 400 MG ( <i>Use felbamate</i> )	9	QL(9 EA daily)	CELONTIN ( <i>Use methsuximide</i> )	9	QL(4 EA daily)
FELBATOL TABS PO 600 MG ( <i>Use felbamate</i> )	9	QL(6 EA daily)	ethosuximide CAPS PO	1	QL(6 EA daily)
<b>GABA Modulators</b>			ethosuximide SOLN PO	1	QL(30 ML daily)
GABITRIL PO ( <i>Use tiagabine hcl</i> )	9		methsuximide	1	QL(4 EA daily)
SABRIL PACK ( <i>Use vigabatrin</i> )	9	QL(6 EA daily); SP; PA	ZARONTIN CAPS PO ( <i>Use ethosuximide</i> )	2	QL(6 EA daily)
SABRIL TABS ( <i>Use vigabatrin</i> )	9	QL(6 EA daily); SP; PA	ZARONTIN SOLN PO ( <i>Use ethosuximide</i> )	9	QL(30 ML daily)
tiagabine hcl PO	1		<b>Valproic Acid</b>		
vigabatrin PACK	4	QL(6 EA daily); SP; PA	DEPAKOTE ER TB24 PO ( <i>Use divalproex sodium</i> )	9	
vigabatrin TABS	4	QL(6 EA daily); SP; PA	DEPAKOTE TBEC PO ( <i>Use divalproex sodium</i> )	9	
<b>Hydantoins</b>			divalproex sodium TB24 PO	1	
CEREBYX ( <i>Use fosphenytoin sodium</i> )	9		divalproex sodium TBEC PO	1	
DILANTIN PO ( <i>Use phenytoin sodium extended</i> )	2		valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML	1	
DILANTIN PO	2		valproic acid CAPS PO	1	
DILANTIN INFATABS CHEW PO ( <i>Use phenytoin</i> )	2		<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
			<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
			mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mirtazapine TABS PO 30 MG</i>	1	QL(1.5 EA daily)	WELLBUTRIN SR TB12 PO 150 MG ( <i>Use bupropion hcl</i> )	9	QL(3 EA daily)
<i>mirtazapine TABS PO 15 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	WELLBUTRIN XL TB24 PO 300 MG ( <i>Use bupropion hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 15 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	WELLBUTRIN XL TB24 PO 150 MG ( <i>Use bupropion hcl</i> )	9	QL(3 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 45 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
<i>mirtazapine TBDP PO 30 MG</i>	1	QL(1.5 EA daily)	EMSAM	3	QL(1 EA daily)
REMERON SOLTAB TBDP PO 45 MG ( <i>Use mirtazapine</i> )	9	QL(1 EA daily)	MARPLAN PO	2	QL(6 EA daily)
REMERON SOLTAB TBDP PO 15 MG ( <i>Use mirtazapine</i> )	9	QL(3 EA daily)	NARDIL PO ( <i>Use phenelzine sulfate</i> )	9	
REMERON SOLTAB TBDP PO 30 MG ( <i>Use mirtazapine</i> )	9	QL(1.5 EA daily)	PARNATE PO ( <i>Use tranylcypromine sulfate</i> )	9	
REMERON TABS PO 15 MG ( <i>Use mirtazapine</i> )	9	QL(3 EA daily)	<i>phenelzine sulfate PO</i>	1	
REMERON TABS PO 30 MG ( <i>Use mirtazapine</i> )	9	QL(1.5 EA daily)	<i>tranylcypromine sulfate PO</i>	1	
<b>Antidepressants - Misc.</b>			<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
<i>bupropion hcl TABS PO</i>	1	QL(3 EA daily)	SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
<i>bupropion hcl TB12 PO 150 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
<i>bupropion hcl TB12 PO 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		
<i>bupropion hcl TB12 PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	CELEXA TABS PO 20 MG ( <i>Use citalopram hydrobromide</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 150 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	CELEXA TABS PO 10 MG ( <i>Use citalopram hydrobromide</i> )	9	QL(4 EA daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	CELEXA TABS PO 40 MG ( <i>Use citalopram hydrobromide</i> )	9	QL(1 EA daily)
WELLBUTRIN SR TB12 PO 100 MG ( <i>Use bupropion hcl</i> )	9	QL(4 EA daily)	<i>citalopram hydrobromide SOLN PO</i>	1	QL(20 ML daily)
WELLBUTRIN SR TB12 PO 200 MG ( <i>Use bupropion hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>paroxetine hcl TABS PO 40 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN PO</i>	1	QL(20 ML daily)	<i>paroxetine hcl TABS PO 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>escitalopram oxalate TABS PO 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>paroxetine hcl TABS PO 10 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>escitalopram oxalate TABS PO 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>escitalopram oxalate TABS PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	PAXIL CR TB24 PO 12.5 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG</i>	7	QL(1 EA daily)	PAXIL CR TB24 PO 25 MG, 37.5 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	PAXIL SUSP PO (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(30 ML daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR PO</i>	1		PAXIL TABS PO 30 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN PO</i>	1	QL(20 ML daily)	PAXIL TABS PO 20 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(3 EA daily)
<i>fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	PAXIL TABS PO 40 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>fluoxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	PAXIL TABS PO 10 MG (Use <i>paroxetine hcl</i> )	9	QL(6 EA daily)
FLUOXETINE HCL TABS PO (Use <i>fluoxetine hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)	PROZAC CAPS PO 10 MG (Use <i>fluoxetine hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	PROZAC CAPS PO 40 MG (Use <i>fluoxetine hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	PROZAC CAPS PO 20 MG (Use <i>fluoxetine hcl</i> )	9	QL(3 EA daily)
LEXAPRO TABS PO 20 MG (Use <i>escitalopram oxalate</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>sertraline hcl CONC PO</i>	1	QL(10 ML daily)
LEXAPRO TABS PO 5 MG (Use <i>escitalopram oxalate</i> )	9	QL(4 EA daily)	<i>sertraline hcl TABS PO 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
LEXAPRO TABS PO 10 MG (Use <i>escitalopram oxalate</i> )	9	QL(2 EA daily)	<i>sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>paroxetine hcl SUSP PO</i>	1	QL(30 ML daily)	ZOLOFT CONC PO (Use <i>sertraline hcl</i> )	9	QL(10 ML daily)
<i>paroxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	ZOLOFT TABS PO 100 MG (Use <i>sertraline hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZOLOFT TABS PO 25 MG, 50 MG (Use sertraline hcl)	9	QL(4 EA daily)	PRISTIQ PO 25 MG, 50 MG (Use desvenlafaxine succinate)	9	QL(1 EA daily)
<b>Serotonin Modulators</b>			<i>venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>nefazodone hcl PO</i>	1		<i>venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>trazodone hcl TABS PO</i>	1		<i>venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
TRINTELLIX PO	3	QL(1 EA daily); PA	<i>venlafaxine hcl TABS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
VIIBRYD STARTER PACK KIT PO	3	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
VIIBRYD TABS (Use vilazodone hcl)	9	QL(1 EA daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 EA daily)	<b>Tricyclic Agents</b>		
<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>			<i>amitriptyline hcl TABS PO</i>	1	
CYMBALTA CPEP PO (Use duloxetine hcl)	9	QL(2 EA daily)	<i>amoxapine PO</i>	1	
<i>desvenlafaxine succinate PO 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	ANAFRANIL PO (Use clomipramine hcl)	9	
<i>desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>clomipramine hcl PO</i>	1	
<i>duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>desipramine hcl TABS PO</i>	1	
<i>duloxetine hcl CPEP PO 40 MG</i>	1		<i>doxepin hcl CAPS PO</i>	1	
EFFEXOR XR CP24 PO 75 MG (Use venlafaxine hcl)	9	QL(5 EA daily)	<i>doxepin hcl CONC PO</i>	1	
EFFEXOR XR CP24 PO 150 MG (Use venlafaxine hcl)	9	QL(2 EA daily)	<i>imipramine hcl TABS PO</i>	1	
EFFEXOR XR CP24 PO 37.5 MG (Use venlafaxine hcl)	9	QL(4 EA daily)	<i>imipramine pamoate PO</i>	1	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	NORPRAMIN TABS PO 10 MG, 25 MG (Use desipramine hcl)	9	
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	<i>nortriptyline hcl CAPS PO</i>	1	
PRISTIQ PO 100 MG (Use desvenlafaxine succinate)	9	QL(4 EA daily)	<i>nortriptyline hcl SOLN PO</i>	1	
			PAMELOR CAPS PO (Use nortriptyline hcl)	9	
			<i>protriptyline hcl PO</i>	1	
			<i>trimipramine maleate CAPS PO</i>	1	
			<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>		
			<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>		
			<i>acarbose PO</i>	1	QL(3 EA daily)
			<i>miglitol PO</i>	1	QL(3 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidiabetic Combinations			KOMBIGLYZE XR PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG (Use saxagliptin-metformin hcl)	9	QL(1 EA daily)
ACTOPLUS MET TABS PO (Use pioglitazone hcl-metformin hcl)	9	QL(2 EA daily)	KOMBIGLYZE XR PO 1000 MG-2.5 MG (Use saxagliptin-metformin hcl)	9	QL(2 EA daily)
alogliptin-metformin hcl	1	QL(2 EA daily); PA	OSENI 15 MG-25 MG, 30 MG-12.5 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG (Use alogliptin-pioglitazone)	NF	
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	1	QL(2 EA daily); PA	pioglitazone hcl-glimepiride	1	QL(1 EA daily)
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	1	QL(1 EA daily); PA	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO	1	QL(2 EA daily)
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG	2	QL(1 EA daily)	saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-2.5 MG	1	QL(2 EA daily)
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(1 EA daily)
DUETACT (Use pioglitazone hcl-glimepiride)	9	QL(1 EA daily)	SOLQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
glipizide-metformin hcl PO 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1	QL(2 EA daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG	1	QL(4 EA daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG	1	QL(2 EA daily)	SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(4 EA daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI PO	2	QL(1 EA daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	XIGDUO XR PO (Use dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS PO	2	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR PO (Use dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(1 EA daily)
KAZANO 500 MG-12.5 MG (Use alogliptin-metformin hcl)	9	QL(2 EA daily); PA			
KAZANO 1000 MG-12.5 MG (Use alogliptin-metformin hcl)	NF				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
Biguanides			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
GLUMETZA TB24 PO (Use metformin hcl)	NF		OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
metformin hcl TABS PO 850 MG	0	QL(3 EA daily)	RYBELSUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); PA
metformin hcl TABS PO 500 MG	1	QL(5 EA daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
metformin hcl TABS PO 1000 MG	1	QL(2.5 EA daily)	VICTOZA (Use liraglutide)	2	QL(0.3 ML daily); PA
metformin hcl TB24 PO 750 MG	1	QL(3 EA daily)	Insulin		
metformin hcl TB24 PO 500 MG	1	QL(4 EA daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
Diabetic Other			APIDRA SOLN	3	PA
diazoxide	3		HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
glucagon (rdna)	1	QL(0.035 EA daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
GLUCAGON EMERGENCY (Use glucagon (rdna))	9	QL(0.035 EA daily)	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1	
PROGLYCEM (Use diazoxide)	9		INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
alogliptin benzoate 12.5 MG	1	QL(1 EA daily)	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1	
alogliptin benzoate 25 MG	1		INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
JANUVIA PO	2	QL(1 EA daily)	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
NESINA 12.5 MG (Use alogliptin benzoate)	NF	QL(1 EA daily)	INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
NESINA 6.25 MG, 25 MG (Use alogliptin benzoate)	NF		NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
ONGLYZA PO (Use saxagliptin hcl)	9	QL(1 EA daily)	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
saxagliptin hcl PO	1	QL(1 EA daily)	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
Incretin Mimetic Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
ACTOS PO (Use pioglitazone hcl)	9	QL(1 EA daily)
pioglitazone hcl PO	1	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
nateglinide PO	1	QL(3 EA daily)
repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG	1	QL(4 EA daily)
repaglinide PO 2 MG	1	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
dapagliflozin propanediol PO	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA PO (Use dapagliflozin propanediol)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE PO	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
AMARYL PO 4 MG (Use glimepiride)	9	QL(2 EA daily)
AMARYL PO 1 MG, 2 MG (Use glimepiride)	9	QL(4 EA daily)
glimepiride PO 4 MG	1	QL(2 EA daily)
glimepiride PO 1 MG, 2 MG	1	QL(4 EA daily)
glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG	1	QL(4 EA daily)
glipizide TB24 PO	1	QL(2 EA daily)
GLUCOTROL XL TB24 PO (Use glipizide)	9	QL(2 EA daily)
glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	1	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
glyburide TABS PO	1	QL(4 EA daily)
GLYNASE PO (Use glyburide micronized)	9	QL(4 EA daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
Antiperistaltic Agents		
diphenoxylate w/ atropine LIQD PO	1	
diphenoxylate w/ atropine TABS PO	1	
IMODIUM A-D CAPS PO (Use loperamide hcl)	9	RX/OTC
LOMOTIL TABS PO (Use diphenoxylate w/ atropine)	9	
loperamide hcl CAPS PO	1	RX/OTC
MOTOFEN PO	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET PO	3	
deferasirox PACK	4	PA
deferasirox TABS PO	4	SP; PA
deferasirox TBSO	4	SP; PA
EXJADE TBSO (Use deferasirox)	9	SP; PA
JADENU SPRINKLE PACK (Use deferasirox)	9	PA
JADENU TABS PO (Use deferasirox)	9	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	
naloxone hcl LIQD	1	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1		<i>meclizine hcl TABS PO 12.5 MG</i>	7	RX/OTC
<i>naltrexone hcl PO</i>	1		<i>meclizine hcl TABS PO 25 MG</i>	1	RX/OTC
NARCAN LIQD ( <i>Use naloxone hcl</i> )	9	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC	<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 EA daily)
OPVEE NA	3		TRANSDERM-SCOP ( <i>Use scopolamine</i> )	9	QL(0.34 EA daily)
VIVITROL	3	1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>trimethobenzamide hcl CAPS PO</i>	1	
ZIMHI SOSY	3		Antiemetics - Miscellaneous		
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>			AKYNZEO PO	3	PA
5-HT3 Receptor Antagonists			DICLEGIS TBEC PO ( <i>Use doxylamine-pyridoxine</i> )	9	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
ANZEMET TABS PO 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA	<i>doxylamine-pyridoxine TBEC PO</i>	1	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1		<i>dronabinol CAPS PO</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS PO</i>	1	QL(0.34 EA daily)	MARINOL CAPS PO ( <i>Use dronabinol</i> )	9	
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1		Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ML daily)	<i>aprepitant CAPS PO 80 MG</i>	1	QL(0.134 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1		<i>aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS PO 24 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)	<i>aprepitant CAPS PO</i>	1	PA
<i>ondansetron hcl TABS PO 8 MG</i>	1	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)	<i>aprepitant MISC PO</i>	1	PA
<i>ondansetron hcl TABS PO 4 MG</i>	1	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)	EMEND TRI-PACK CAPS PO ( <i>Use aprepitant</i> )	9	PA
<i>ondansetron TBDP PO 4 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	EMEND CAPS PO 80 MG ( <i>Use aprepitant</i> )	9	QL(0.134 EA daily)
<i>ondansetron TBDP PO 8 MG</i>	1		VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO	3	PA
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1		<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
Antiemetics - Anticholinergic					

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>			<i>ketoconazole PO</i>	1	
CANCIDAS ( <i>Use caspofungin acetate</i> )	9		NOXAFIL SUSP ( <i>Use posaconazole</i> )	9	QL(20 ML daily)
<i>caspofungin acetate</i>	1		<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
ERAXIS	3		SPORANOX CAPS PO ( <i>Use itraconazole</i> )	9	QL(4 EA daily); PA
<i>micafungin sodium</i>	1	PA	SPORANOX SOLN ( <i>Use itraconazole</i> )	9	QL(20 ML daily); PA
MYCAMINE ( <i>Use micafungin sodium</i> )	9	PA	TOLSURA CAPS PO	4	PA
<b>Antifungals</b>			VFEND TABS PO ( <i>Use voriconazole</i> )	9	QL(4 EA daily)
ABELCET	3		<i>voriconazole TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
AMBISOME ( <i>Use amphotericin b liposome</i> )	9		<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<i>amphotericin b IV</i>	3		<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
ANCOBON PO ( <i>Use flucytosine</i> )	9		<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>flucytosine PO</i>	1		BENADRYL ALLERGY CHILDRENS LIQD PO ( <i>Use diphenhydramine hcl</i> )	NF	
<i>griseofulvin microsize SUSP PO</i>	1	AL(At least 2 yrs old)	<i>carbinoxamine maleate SOLN PO</i>	1	
<i>griseofulvin microsize TABS PO</i>	1		<i>carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize PO</i>	1		<i>clemastine fumarate SYRP PO</i>	1	
<i>nystatin TABS PO</i>	1		<i>clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG</i>	7	
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>			<i>diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML</i>	1	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML</i>	1	
DIFLUCAN SUSR PO ( <i>Use fluconazole</i> )	9		<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
DIFLUCAN TABS PO 100 MG, 150 MG, 200 MG ( <i>Use fluconazole</i> )	9		<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>fluconazole SUSR PO</i>	1		<i>cetirizine hcl TABS PO</i>	7	QL(1 EA daily)
<i>fluconazole TABS PO</i>	1				
<i>itraconazole CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily); PA			
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ML daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLARINEX TABS PO (Use desloratadine)	9	QL(1 EA daily)
CLARITIN ALLERGY CHILDRENS SOLN PO (Use loratadine)	9	
CLARITIN CHILDRENS CHEW PO (Use loratadine)	NF	
CLARITIN REDITABS JUNIORS TBDP PO (Use loratadine)	9	
CLARITIN REDITABS TBDP PO (Use loratadine)	9	
CLARITIN CAPS PO (Use loratadine)	9	
CLARITIN CHEW PO (Use loratadine)	NF	
CLARITIN SOLN PO (Use loratadine)	9	
CLARITIN TABS PO (Use loratadine)	9	
desloratadine TABS PO	1	QL(1 EA daily)
desloratadine TBDP PO 2.5 MG	1	QL(1 EA daily)
levocetirizine dihydrochloride SOLN PO	1	QL(10 ML daily); RX/OTC
levocetirizine dihydrochloride TABS PO	1	QL(1 EA daily); RX/OTC
loratadine CAPS PO	1	
loratadine CHEW PO	1	
loratadine SOLN PO	1	
loratadine TABS PO	7	
loratadine TBDP PO	1	
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN PO (Use levocetirizine dihydrochloride)	9	QL(10 ML daily); RX/OTC
XYZAL ALLERGY 24HR TABS PO (Use levocetirizine dihydrochloride)	9	QL(1 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZYRTEC ALLERGY TABS PO (Use cetirizine hcl)	9	QL(1 EA daily)
Antihistamines - Phenothiazines		
PHENERGAN SOLN IJ (Use promethazine hcl)	9	
promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML	1	
promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG	1	QL(6 EA daily)
promethazine hcl SUPP PR 50 MG	1	
promethazine hcl TABS PO	1	
Antihistamines - Piperidines		
cyproheptadine hcl SYRP PO	1	
cyproheptadine hcl TABS PO	1	
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
Antihyperlipidemics - Combinations		
ezetimibe-simvastatin PO	1	QL(1 EA daily)
VYTORIN PO (Use ezetimibe-simvastatin)	9	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
icosapent ethyl 1 GM	1	QL(4 EA daily); PA
LOVAZA PO (Use omega-3-acid ethyl esters)	9	QL(4 EA daily)
omega-3-acid ethyl esters PO	1	QL(4 EA daily)
VASCEPA 1 GM (Use icosapent ethyl)	9	QL(4 EA daily); PA
Bile Acid Sequestrants		
cholestyramine light PACK PO	1	QL(6 EA daily)
cholestyramine light POWD PO	1	QL(24 GM daily)
cholestyramine PACK PO	1	QL(6 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine POWD PO</i>	1	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS PO</i>	1	QL(7 EA daily)
COLESTID FLAVORED GRAN PO ( <i>Use colestipol hcl</i> )	9	QL(6 GM daily)
COLESTID FLAVORED PACK PO ( <i>Use colestipol hcl</i> )	9	QL(6 EA daily)
COLESTID GRAN PO ( <i>Use colestipol hcl</i> )	9	QL(6 GM daily)
COLESTID PACK PO ( <i>Use colestipol hcl</i> )	9	QL(6 EA daily)
COLESTID TABS PO ( <i>Use colestipol hcl</i> )	9	QL(16 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN PO</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS PO</i>	1	QL(16 EA daily)
QUESTRAN LIGHT POWD PO ( <i>Use cholestyramine light</i> )	9	QL(24 GM daily)
QUESTRAN PACK PO ( <i>Use cholestyramine</i> )	9	QL(6 EA daily)
QUESTRAN POWD PO ( <i>Use cholestyramine</i> )	9	QL(25.2 GM daily)
WELCHOL PACK ( <i>Use colesevelam hcl</i> )	9	QL(1 EA daily); PA
WELCHOL TABS PO ( <i>Use colesevelam hcl</i> )	9	QL(7 EA daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
ANTARA PO 30 MG, 90 MG ( <i>Use fenofibrate micronized</i> )	NF	
<i>choline fenofibrate PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized PO 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FENOGLIDE TABS PO ( <i>Use fenofibrate</i> )	NF	
<i>gemfibrozil TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
LOPID TABS PO ( <i>Use gemfibrozil</i> )	9	QL(2 EA daily)
TRICOR TABS PO ( <i>Use fenofibrate</i> )	9	QL(1 EA daily)
TRILIPIX PO ( <i>Use choline fenofibrate</i> )	9	QL(1 EA daily)
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
CRESTOR TABS PO ( <i>Use rosuvastatin calcium</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
LIPITOR TABS PO ( <i>Use atorvastatin calcium</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS PO 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
ZOCOR TABS PO 10 MG, 20 MG, 40 MG ( <i>Use simvastatin</i> )	9	QL(1 EA daily)
<b>Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors</b>		
<i>ezetimibe PO</i>	1	QL(1 EA daily)
ZETIA PO ( <i>Use ezetimibe</i> )	9	QL(1 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Nicotinic Acid Derivatives</b>		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<b>Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors</b>		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>ACE Inhibitors</b>		
ACCUPRIL PO 5 MG, 10 MG ( <i>Use quinapril hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
ACCUPRIL PO 20 MG, 40 MG ( <i>Use quinapril hcl</i> )	9	
ALTACE CAPS PO 1.25 MG, 2.5 MG, 5 MG, 10 MG ( <i>Use ramipril</i> )	9	
<i>benazepril hcl PO</i>	1	
<i>captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>captopril PO 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS PO</i>	1	
<i>fosinopril sodium PO</i>	1	
<i>lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
LOTENSIN PO 10 MG, 20 MG, 40 MG ( <i>Use benazepril hcl</i> )	9	
<i>moexipril hcl PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine PO 4 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS PO</i>	1	
<i>trandolapril PO 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril PO 4 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
VASOTEC TABS PO ( <i>Use enalapril maleate</i> )	9	
ZESTRIL TABS PO ( <i>Use lisinopril</i> )	9	
<b>Agents for Pheochromocytoma</b>		
DIBENZYLINE PO ( <i>Use phenoxybenzamine hcl</i> )	9	PA
<i>phenoxybenzamine hcl PO</i>	3	PA
<b>Angiotensin II Receptor Antagonists</b>		
ATACAND PO ( <i>Use candesartan cilexetil</i> )	9	QL(1 EA daily)
AVAPRO PO ( <i>Use irbesartan</i> )	9	QL(1 EA daily)
BENICAR PO ( <i>Use olmesartan medoxomil</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>candesartan cilexetil PO</i>	1	QL(1 EA daily)
COZAAR PO ( <i>Use losartan potassium</i> )	9	QL(1 EA daily)
DIOVAN TABS PO ( <i>Use valsartan</i> )	9	QL(1 EA daily)
EDARBI PO	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium PO</i>	1	QL(1 EA daily)
MICARDIS PO ( <i>Use telmisartan</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<b>Antiadrenergic Antihypertensives</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CARDURA PO ( <i>Use doxazosin mesylate</i> )	9		AVALIDE PO ( <i>Use irbesartan-hydrochlorothiazide</i> )	9	
CATAPRES-TTS-1 PTWK ( <i>Use clonidine</i> )	9	QL(0.15 EA daily)	AZOR PO ( <i>Use amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i> )	9	ST
CATAPRES-TTS-2 PTWK ( <i>Use clonidine</i> )	9	QL(0.15 EA daily)	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	1	QL(1 EA daily)
CATAPRES-TTS-3 PTWK ( <i>Use clonidine</i> )	9	QL(0.15 EA daily)	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	1	
clonidine hcl TABS PO	1	QL(8 EA daily)	BENICAR HCT PO ( <i>Use olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i> )	9	
clonidine PTWK	3	QL(0.15 EA daily)	bisoprolol & hydrochlorothiazide PO	1	QL(2 EA daily)
doxazosin mesylate PO	1		candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide PO	1	
guanfacine hcl PO	1		DIOVAN HCT PO ( <i>Use valsartan-hydrochlorothiazide</i> )	9	QL(1 EA daily)
methyldopa TABS PO	1	QL(6 EA daily)	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG	1	
MINIPRESS CAPS PO ( <i>Use prazosin hcl</i> )	9	QL(4 EA daily)	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG	1	QL(2 EA daily)
prazosin hcl CAPS PO	1	QL(4 EA daily)	EXFORGE PO ( <i>Use amlodipine besylate-valsartan</i> )	9	QL(1 EA daily)
terazosin hcl PO	1		EXFORGE HCT PO ( <i>Use amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i> )	9	
Antihypertensive Combinations			fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO	1	QL(1 EA daily)
ACCURETIC PO 25 MG-20 MG ( <i>Use quinapril-hydrochlorothiazide</i> )	9	QL(2 EA daily)	HYZAAR PO 12.5 MG-50 MG ( <i>Use losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide</i> )	9	QL(2 EA daily)
ACCURETIC PO 12.5 MG-10 MG ( <i>Use quinapril-hydrochlorothiazide</i> )	9	QL(3 EA daily)			
ACCURETIC PO 12.5 MG-20 MG ( <i>Use quinapril-hydrochlorothiazide</i> )	9	QL(4 EA daily)			
amlodipine besylate-benazepril hcl PO	1				
amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO	1	ST			
amlodipine besylate-valsartan PO	1	QL(1 EA daily)			
amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO	3				
ATACAND HCT PO ( <i>Use candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i> )	9				
atenolol & chlorthalidone PO	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>HYZAAR PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG (Use losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9	QL(1 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide PO</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>telmisartan-amlodipine PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>LOTENSIN HCT PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG (Use benazepril &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9	QL(1 EA daily)	<i>TENORETIC 100 PO (Use atenolol &amp; chlorthalidone)</i>	9	
<i>LOTENSIN HCT PO 12.5 MG-20 MG (Use benazepril &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9		<i>TENORETIC 50 PO (Use atenolol &amp; chlorthalidone)</i>	9	
<i>LOTREL PO 10 MG-5 MG, 20 MG-10 MG, 20 MG-5 MG, 40 MG-10 MG (Use amlodipine besylate-benazepril hcl)</i>	9		<i>trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1		<i>TRIBENZOR PO (Use olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide)</i>	9	ST
<i>MICARDIS HCT PO (Use telmisartan-hydrochlorothiazide)</i>	9	QL(1 EA daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide PO</i>	1	ST	<i>VASERETIC PO 25 MG-10 MG (Use enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide PO</i>	1		<i>ZESTORETIC PO (Use lisinopril &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9	
			<i>ZIAC PO (Use bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide)</i>	9	QL(2 EA daily)
			<b>Antihypertensives - Misc.</b>		
			<i>VECAMYL PO</i>	3	PA
			<b>Direct Renin Inhibitors</b>		
			<i>aliskiren fumarate PO</i>	1	QL(1 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TEKTURNA PO ( <i>Use aliskiren fumarate</i> )	9	QL(1 EA daily)
<b>Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)</b>		
<i>eplerenone PO</i>	1	
INSPRA PO ( <i>Use eplerenone</i> )	9	
<b>Vasodilators</b>		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS PO</i>	1	
<i>minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Anti-infective Agents - Misc.</b>		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA
<i>metronidazole TABS PO</i>	1	
<i>trimethoprim TABS PO</i>	1	
XIFAXAN PO 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN PO 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<b>Anti-infective Misc. - Combinations</b>		
BACTRIM DS TABS PO ( <i>Use sulfamethoxazole-trimethoprim</i> )	9	
BACTRIM TABS PO ( <i>Use sulfamethoxazole-trimethoprim</i> )	9	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO</i>	7	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR PO	2	PA
ALINIA TABS PO ( <i>Use nitazoxanide</i> )	9	PA
<i>atovaquone PO</i>	1	
MEPRON PO ( <i>Use atovaquone</i> )	9	
<i>nitazoxanide TABS PO</i>	1	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
INVANZ IJ ( <i>Use ertapenem sodium</i> )	9	
<i>meropenem</i>	1	
PRIMAXIN IV IV 500 MG-500 MG ( <i>Use imipenem-cilastatin</i> )	9	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
CUBICIN RF ( <i>Use daptomycin</i> )	9	
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
<b>Glycopeptides</b>		
FIRVANQ SOLR PO ( <i>Use vancomycin hcl</i> )	9	QL(300 ML per fill retail)
VANCOGIN CAPS PO ( <i>Use vancomycin hcl</i> )	9	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ML per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone PO</i>	1	
<b>Lincosamides</b>		
<i>CLEOCIN PO (Use clindamycin palmitate hydrochloride)</i>	9	
<i>CLEOCIN PO (Use clindamycin hcl)</i>	9	
<i>CLEOCIN PHOSPHATE SOLN IJ (Use clindamycin phosphate)</i>	9	
<i>clindamycin hcl PO</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride PO</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>LINCOCIN (Use lincomycin hcl)</i>	9	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
<b>Monobactams</b>		
<i>CAYSTON</i>	4	QL(3 ML daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>SIVEXTRO TABS</i>	3	PA
<i>ZYVOX SUSR (Use linezolid)</i>	9	
<i>ZYVOX TABS PO (Use linezolid)</i>	9	QL(2 EA daily); PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>HIPREX PO (Use methenamine hippurate)</i>	9	
<i>MACROBID PO (Use nitrofurantoin monohyd macro)</i>	9	
<i>MACRODANTIN PO 50 MG, 100 MG (Use nitrofurantoin macrocrystal)</i>	9	
<i>methenamine hippurate PO</i>	1	
<i>MONUROL (Use fosfomycin tromethamine)</i>	9	
<i>nitrofurantoin PO</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro PO</i>	1	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl PO</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
MALARONE PO (Use atovaquone-proguanil hcl)	9	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
chloroquine phosphate TABS PO 250 MG	1	QL(3 EA daily)
chloroquine phosphate TABS PO 500 MG	1	
DARAPRIM PO (Use pyrimethamine)	9	QL(3 EA daily); PA
hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG	1	QL(1 EA daily)
hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG	1	QL(4 EA daily)
hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG	1	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
mefloquine hcl PO	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
PLAQUENIL PO (Use hydroxychloroquine sulfate)	9	QL(3 EA daily)
primaquine phosphate TABS PO	3	
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS PO (Use primaquine phosphate)	9	
pyrimethamine PO	1	QL(3 EA daily); PA
QUALAQUIN CAPS PO (Use quinine sulfate)	9	PA
quinine sulfate CAPS PO 324 MG	1	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
MESTINON SOLN PO (Use pyridostigmine bromide)	9	
MESTINON TABS PO (Use pyridostigmine bromide)	9	
MESTINON TBCR PO (Use pyridostigmine bromide)	9	
neostigmine methylsulfate SOSY	3	PA
NEOSTIGMINE METHYLSULFATE SOSY (Use neostigmine methylsulfate)	9	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1		BUSULFEX SOLN ( <i>Use busulfan</i> )	9	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG</i>	1		<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR PO</i>	1		<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>			<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Antimycobacterial Agents			<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cycloserine PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS PO</i>	1		GLEOSTINE PO 10 MG	4	SP; PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1		GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>isoniazid SYRP PO</i>	1		IFEX SOLR ( <i>Use ifosfamide</i> )	9	SP; PA
<i>isoniazid TABS PO</i>	1		<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
MYAMBUTOL TABS PO 400 MG ( <i>Use ethambutol hcl</i> )	9		<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
MYCOBUTIN PO ( <i>Use rifabutin</i> )	9	PA	LEUKERAN PO	4	SP; PA
PRIFTIN PO	3		<i>melphalan PO</i>	1	
<i>pyrazinamide PO</i>	1		<i>melphalan hcl IV</i>	1	
<i>rifabutin PO</i>	1	PA	MYLERAN TABS PO	4	SP; PA
RIFADIN SOLR ( <i>Use rifampin</i> )	9		<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS PO</i>	1		TEMODAR CAPS PO 250 MG ( <i>Use temozolomide</i> )	9	SP; PA
<i>rifampin SOLR</i>	1		TEMODAR SOLR	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>temozolomide CAPS PO</i>	4	SP; PA
TRECTOR PO	3	QL(4 EA daily)	TEPADINA 15 MG ( <i>Use thiotepa</i> )	9	SP; PA
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>			<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			TREANDA SOLR ( <i>Use bendamustine hcl</i> )	9	SP; PA
ALKERAN PO ( <i>Use melphalan</i> )	9		ZANOSAR	4	SP; PA
ALKERAN IV ( <i>Use melphalan hcl</i> )	9		Antimetabolites		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	ALIMTA SOLR 500 MG ( <i>Use pemetrexed disodium</i> )	9	SP; PA
BICNU ( <i>Use carmustine</i> )	9	SP; PA	ARRANON ( <i>Use nelarabine</i> )	9	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>capecitabine PO</i>	4	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
CLOLAR ( <i>Use clofarabine</i> )	9	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>mercaptopurine TABS PO</i>	1		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP	RUXIENCE	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG</i>	1	SP	TRUXIMA	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
TABLOID PO	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
VIDAZA SUSR ( <i>Use azacitidine</i> )	9	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
XELODA PO ( <i>Use capecitabine</i> )	9	SP; PA	TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
			GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
			IRESSA ( <i>Use gefitinib</i> )	9	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	FASLODEX SOSY ( <i>Use fulvestrant</i> )	9	QL(0.357 ML daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	FEMARA PO ( <i>Use letrozole</i> )	9	
TARCEVA ( <i>Use erlotinib hcl</i> )	9	QL(1 EA daily); SP; PA	FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	<i>flutamide PO</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>			<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA
DAURISMO	4	PA	<i>letrozole PO</i>	1	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
ODOMZO PO	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>			LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
<i>anastrozole PO</i>	1	QL(1 EA daily)	LYSODREN PO	4	SP; PA
ARIMIDEX PO ( <i>Use anastrozole</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>megestrol acetate SUSP PO</i>	1	
AROMASIN PO ( <i>Use exemestane</i> )	9	QL(1 EA daily); SP	<i>megestrol acetate TABS PO</i>	1	
<i>bicalutamide PO</i>	1	QL(1 EA daily); SP	NILANDRON PO ( <i>Use nilutamide</i> )	9	QL(2 EA daily)
CASODEX PO ( <i>Use bicalutamide</i> )	9	QL(1 EA daily); SP	<i>nilutamide PO</i>	1	QL(2 EA daily)
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	ORGOVYX	4	PA
EMCYT PO	4	SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0	
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0	
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>toremifene citrate PO</i>	1	
<i>exemestane PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
FARESTON PO ( <i>Use toremifene citrate</i> )	9		XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	DOXORUBICIN HCL SOLN ( <i>Use doxorubicin hcl</i> )	9	SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML ( <i>Use idarubicin hcl</i> )	9	PA
ZYTIGA 500 MG ( <i>Use abiraterone acetate</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA	IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML ( <i>Use idarubicin hcl</i> )	9	SP; PA
ZYTIGA 250 MG ( <i>Use abiraterone acetate</i> )	9	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
Antineoplastic - Immunomodulators			<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA
AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA	<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			VALSTAR ( <i>Use valrubicin</i> )	9	SP; PA
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG	4	PA	Antineoplastic Combinations		
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG	4	PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA	AFINITOR TABS ( <i>Use everolimus</i> )	9	QL(1 EA daily); SP; PA
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA	ALECENSA	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			ALUNBRIG TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 EA daily); PA
COSMEGEN ( <i>Use dactinomycin</i> )	9	SP; PA	BALVERSA	4	PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA			
DOXIL SUSP ( <i>Use doxorubicin hcl liposomal</i> )	9	SP; PA			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA	INREBIC	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ISTODAX SOLR ( <i>Use romidepsin</i> )	9	SP; PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
BRAFTOVI PO 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BRUKINSA	4	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
CABOMETYX TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	KOSELUGO	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	KYPROLIS	4	PA
CAPRELSA PO	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	LYNPARZA TABS PO	4	QL(4 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA	MEKINIST TABS PO 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
COPIKTRA PO	4	PA	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	NEXAVAR PO ( <i>Use sorafenib tosylate</i> )	9	QL(4 EA daily); SP; PA
GLEEVEC PO ( <i>Use imatinib mesylate</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA
ICLUSIG PO	4	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>imatinib mesylate PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA	QINLOCK	4	PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA	RETEVMO CAPS	4	PA
			<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
			ROZLYTREK CAPS	4	PA

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS PO	4	PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
<i>sorafenib tosylate PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	VOTRIENT ( <i>Use pazopanib hcl</i> )	9	QL(4 EA daily); SP; PA
SPRYCEL ( <i>Use dasatinib</i> )	4	QL(1 EA daily); SP; PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	XOSPATA	4	PA
<i>sunitinib malate PO 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	ZEJULA CAPS PO	4	QL(3 EA daily); PA
<i>sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SUTENT PO 37.5 MG ( <i>Use sunitinib malate</i> )	9	QL(1 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
SUTENT PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG ( <i>Use sunitinib malate</i> )	9	QL(1 EA daily); SP; PA	ZELBORAF PO	4	QL(8 EA daily); SP; PA
TABRECTA	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
TAFINLAR CAPS PO	4	QL(4 EA daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	ONCASPAR	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 EA daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	<i>bexarotene PO</i>	4	SP; PA
TIBSOVO	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TORISEL ( <i>Use temsirolimus</i> )	9	QL(0.143 ML daily); SP; PA	HYDREA PO ( <i>Use hydroxyurea</i> )	9	
TURALIO PO	4	PA	<i>hydroxyurea PO</i>	1	
TURALIO PO	4	AC; PA	MATULANE PO	4	SP; PA
TYKERB ( <i>Use lapatinib ditosylate</i> )	9	QL(6 EA daily); SP; PA	NIPENT	4	SP; PA
VELCADE SOLR IJ ( <i>Use bortezomib</i> )	9	SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
			PROLEUKIN	4	SP; PA
			SYNRIBO	4	SP; PA
			TARGRETIN PO ( <i>Use bexarotene</i> )	9	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tretinoin (chemotherapy) PO</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS PO</i>	1	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
ABRAXANE 100 MG ( <i>Use paclitaxel protein-bound particles</i> )	9	SP; PA
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML ( <i>Use docetaxel</i> )	9	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML ( <i>Use docetaxel</i> )	9	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS PO</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN ( <i>Use eribulin mesylate</i> )	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML ( <i>Use irinotecan hcl</i> )	9	SP; PA
HYCANTIN CAPS PO	4	SP; PA
HYCANTIN SOLR ( <i>Use topotecan hcl</i> )	9	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa PO</i>	1	
LODOSYN PO ( <i>Use carbidopa</i> )	9	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
<i>benztropine mesylate TABS PO</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS PO</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
COMTAN PO ( <i>Use entacapone</i> )	9	QL(8 EA daily)
<i>entacapone PO</i>	1	QL(8 EA daily)
TASMAR PO ( <i>Use tolcapone</i> )	9	
<i>tolcapone PO</i>	1	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS PO</i>	1	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bromocriptine mesylate CAPS PO</i>	1		STALEVO 150 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9	
<i>bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG</i>	1		STALEVO 200 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone PO</i>	1		STALEVO 50 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9	
<i>carbidopa-levodopa TABS PO</i>	1		STALEVO 75 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9	
<i>carbidopa-levodopa TBCR PO</i>	1		<b>Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors</b>		
<i>carbidopa-levodopa TBDP PO</i>	1		<i>AZILECT PO (Use rasagiline mesylate)</i>	9	QL(1 EA daily); PA
NEUPRO	2		<i>rasagiline mesylate PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA
PARLODEL CAPS PO ( <i>Use bromocriptine mesylate</i> )	9		<i>selegiline hcl CAPS PO</i>	1	
PARLODEL TABS PO ( <i>Use bromocriptine mesylate</i> )	9		<i>selegiline hcl TABS PO</i>	1	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		<b>Antimanic Agents</b>		
<i>ropinirole hydrochloride TABS PO</i>	1		<i>lithium PO</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 EA daily); ST	<i>lithium carbonate CAPS PO</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 EA daily); ST	<i>lithium carbonate TABS PO</i>	1	
SINEMET TABS PO 100 MG-10 MG, 100 MG-25 MG ( <i>Use carbidopa-levodopa</i> )	9		<i>lithium carbonate TBCR PO</i>	1	
STALEVO 100 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9		LITHOBID TBCR PO ( <i>Use lithium carbonate</i> )	9	
STALEVO 125 PO ( <i>Use carbidopa-levodopa-entacapone</i> )	9		<b>Antipsychotics - Misc.</b>		
			EQUETRO PO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
			EQUETRO PO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
			EQUETRO PO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
			GEODON PO ( <i>Use ziprasidone hcl</i> )	9	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LATUDA PO 80 MG ( <i>Use lurasidone hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)	HALDOL DECANOATE ( <i>Use haloperidol decanoate</i> )	9	QL(0.036 ML daily)
LATUDA PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG ( <i>Use lurasidone hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ML daily)
<i>lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>haloperidol lactate CONC PO</i>	1	
<i>lurasidone hcl PO 80 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>ziprasidone hcl PO</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>haloperidol TABS PO</i>	1	
<b>Benzisoxazoles</b>			<b>Dibenzapines</b>		
FANAPT PO	2	QL(2 EA daily); PA	<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK PO	2	PA	<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA
INVEGA PO 6 MG ( <i>Use paliperidone</i> )	9	QL(2 EA daily)	<i>clozapine TABS PO</i>	1	
INVEGA PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ( <i>Use paliperidone</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 100 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>paliperidone PO 6 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 25 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	CLOZARIL TABS PO ( <i>Use clozapine</i> )	9	
RISPERDAL CONSTA ( <i>Use risperidone microspheres</i> )	9	QL(0.072 EA daily); PA	<i>loxapine succinate PO</i>	1	
RISPERDAL SOLN PO ( <i>Use risperidone</i> )	9	QL(8 ML daily)	<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 EA daily)
RISPERDAL TABS PO 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG ( <i>Use risperidone</i> )	9	QL(4 EA daily)	<i>olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 EA daily); PA	<i>olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>risperidone SOLN PO</i>	1	QL(8 ML daily)	<i>olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>risperidone TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>olanzapine TBDP PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>risperidone TBDP PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 EA daily); AL(At least 10 yrs old)
<b>Butyrophenones</b>			<i>quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 10 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1	
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>fluphenazine hcl TABS PO</i>	1	
SAPHRIS 2.5 MG ( <i>Use asenapine maleate</i> )	9	QL(4 EA daily); PA	<i>perphenazine TABS PO</i>	1	
SAPHRIS 5 MG, 10 MG ( <i>Use asenapine maleate</i> )	9	QL(2 EA daily); PA	<i>prochlorperazine PR</i>	1	
SEROQUEL XR TB24 PO 300 MG, 400 MG ( <i>Use quetiapine fumarate</i> )	9	QL(2 EA daily)	<i>prochlorperazine maleate TABS PO</i>	1	
SEROQUEL XR TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG ( <i>Use quetiapine fumarate</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>thioridazine hcl PO</i>	1	
SEROQUEL TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG ( <i>Use quetiapine fumarate</i> )	9	QL(4 EA daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>trifluoperazine hcl TABS PO</i>	1	
SEROQUEL TABS PO 300 MG, 400 MG ( <i>Use quetiapine fumarate</i> )	9	QL(2 EA daily); AL(At least 10 yrs old)	<b>Quinolinone Derivatives</b>		
ZYPREXA ZYDIS TBDP PO 20 MG ( <i>Use olanzapine</i> )	9	QL(1 EA daily)	<i>ABILIFY TABS PO (Use aripiprazole)</i>	9	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
ZYPREXA ZYDIS TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG ( <i>Use olanzapine</i> )	9	QL(2 EA daily)	<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
ZYPREXA SOLR ( <i>Use olanzapine</i> )	9	QL(0.215 EA daily)	<i>aripiprazole TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
ZYPREXA TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG ( <i>Use olanzapine</i> )	9	QL(2 EA daily)	REXULTI	3	PA
ZYPREXA TABS PO 2.5 MG, 5 MG ( <i>Use olanzapine</i> )	9	QL(4 EA daily)	<b>Thioxanthenes</b>		
<b>Phenothiazines</b>			<i>thiothixene PO</i>	1	
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<i>chlorpromazine hcl TABS PO</i>	1		<b>Antiretrovirals</b>		
<i>fluphenazine hcl CONC PO</i>	1		<i>abacavir sulfate-lamivudine PO</i>	1	
<i>fluphenazine hcl ELIX PO</i>	1		<i>abacavir sulfate SOLN PO</i>	1	
			<i>abacavir sulfate TABS PO</i>	1	
			APTIVUS CAPS	3	
			<i>atazanavir sulfate CAPS PO</i>	1	
			ATRIPLA PO ( <i>Use efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i> )	9	
			BIKTARVY	3	
			CIMDUO	3	ST
			COMBIVIR PO ( <i>Use lamivudine-zidovudine</i> )	9	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
COMPLERA	3		ISENTRESS HD TABS PO	3	
<i>darunavir TABS</i>	1		ISENTRESS CHEW	3	
DELSTRIGO	3		ISENTRESS TABS PO	3	
DOVATO	3		JULUCA	3	
EDURANT	3		KALETRA SOLN PO ( <i>Use lopinavir-ritonavir</i> )	9	
<i>efavirenz CAPS PO</i>	1		KALETRA TABS PO ( <i>Use lopinavir-ritonavir</i> )	9	
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO</i>	1		<i>lamivudine SOLN PO</i>	1	
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1		<i>lamivudine TABS PO</i>	1	
<i>efavirenz TABS PO</i>	1		<i>lamivudine-zidovudine PO</i>	1	
<i>emtricitabine CAPS PO</i>	1		LEXIVA SUSP PO	3	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1		LEXIVA TABS PO ( <i>Use fosamprenavir calcium</i> )	9	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG</i>	0		<i>lopinavir-ritonavir SOLN PO</i>	1	
EMTRIVA CAPS PO ( <i>Use emtricitabine</i> )	9		<i>lopinavir-ritonavir TABS PO</i>	1	
EMTRIVA SOLN	3		<i>maraviroc TABS PO</i>	1	
EPIVIR SOLN PO ( <i>Use lamivudine</i> )	9		<i>nevirapine SUSP PO</i>	1	
EPIVIR TABS PO ( <i>Use lamivudine</i> )	9		<i>nevirapine TABS PO</i>	1	
EPZICOM PO ( <i>Use abacavir sulfate-lamivudine</i> )	9		<i>nevirapine TB24 PO</i>	1	
<i>etravirine PO</i>	1		NORVIR CAPS PO	2	
EVOTAZ	3		NORVIR PACK	3	
<i>fosamprenavir calcium TABS PO</i>	1		NORVIR SOLN	3	
FUZEON SOLR	4	SP; PA	NORVIR TABS PO ( <i>Use ritonavir</i> )	9	
GENVOYA	3		ODEFSEY	3	
INTELENCE PO 25 MG	3		PIFELTRO	3	
INTELENCE PO ( <i>Use etravirine</i> )	9		PREZCOBIX	3	
			PREZISTA SUSP	3	
			PREZISTA TABS ( <i>Use darunavir</i> )	9	
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	
			RETROVIR CAPS PO ( <i>Use zidovudine</i> )	9	
			RETROVIR SOLN	3	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RETROVIR SYRP PO (Use zidovudine)	9		<i>zidovudine CAPS PO</i>	1	
REYATAZ CAPS PO 200 MG, 300 MG (Use atazanavir sulfate)	9		<i>zidovudine SYRP PO</i>	1	
<i>ritonavir TABS PO</i>	1		<i>zidovudine TABS PO</i>	1	
SELZENTRY SOLN	3		CMV Agents		
SELZENTRY TABS PO (Use maraviroc)	9		<i>cidofovir</i>	3	
SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75 MG	3		<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>stavudine CAPS PO</i>	1		VALCYTE TABS PO (Use valganciclovir hcl)	9	QL(4 EA daily); PA
STRIBILD	3		<i>valganciclovir hcl TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily); PA
SUSTIVA CAPS PO (Use efavirenz)	9		Hepatitis Agents		
SYMFI (Use efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	9		<i>adefovir dipivoxil PO</i>	4	SP; PA
SYMFI LO (Use efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	9		BARACLUDGE TABS PO (Use entecavir)	9	SP; PA
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS PO</i>	1		<i>entecavir TABS PO</i>	4	SP; PA
TIVICAY TABS	3		EPIVIR HBV SOLN	4	SP; PA
TRIUMEQ TABS	3		EPIVIR HBV TABS PO (Use lamivudine (hbv))	9	SP
TRIZIVIR PO	3		<i>lamivudine (hbv) TABS PO</i>	1	SP
TRUVADA PO (Use emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate)	9		PEGASYS SOLN	4	SP; PA
TYBOST	3		PEGASYS SOSY	4	PA
VIRACEPT TABS PO	3		<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS PO</i>	1	
VIREAD POWD	3		<i>ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG</i>	1	
VIREAD TABS PO (Use tenofovir disoproxil fumarate)	9		SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	4	PA
VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	3		VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
ZIAGEN SOLN PO (Use abacavir sulfate)	9		Herpes Agents		
ZIAGEN TABS PO (Use abacavir sulfate)	9		<i>acyclovir CAPS PO</i>	7	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
			<i>acyclovir SUSP PO</i>	1	QL(13.34 ML daily)
			<i>acyclovir TABS PO</i>	1	QL(5 EA daily)
			<i>famciclovir PO 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famciclovir PO 500 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 500 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
VALTREX PO 1 GM ( <i>Use valacyclovir hcl</i> )	9	QL(4 EA daily)
VALTREX PO 500 MG ( <i>Use valacyclovir hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
ZOVIRAX SUSP PO ( <i>Use acyclovir</i> )	9	QL(13.34 ML daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS PO</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR PO</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
TAMIFLU CAPS PO ( <i>Use oseltamivir phosphate</i> )	9	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
TAMIFLU SUSR PO ( <i>Use oseltamivir phosphate</i> )	9	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail

**BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood**

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol PO</i>	1	
<i>carvedilol phosphate PO</i>	3	QL(1 EA daily)
COREG PO ( <i>Use carvedilol</i> )	9	
COREG CR PO ( <i>Use carvedilol phosphate</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS PO 300 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS PO</i>	1	
<i>atenolol TABS PO</i>	1	
<i>betaxolol hcl PO</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate PO</i>	1	
BYSTOLIC PO 20 MG ( <i>Use nebivolol hcl</i> )	9	QL(2 EA daily)
BYSTOLIC PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG ( <i>Use nebivolol hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
LOPRESSOR TABS PO ( <i>Use metoprolol tartrate</i> )	9	
<i>metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl PO 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
TENORMIN TABS PO ( <i>Use atenolol</i> )	9	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TOPROL XL TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG (Use metoprolol succinate)	9		<i>amlodipine besylate TABS PO</i>	1	
TOPROL XL TB24 PO 200 MG (Use metoprolol succinate)	9	QL(2 EA daily)	CALAN SR TBCR PO (Use verapamil hcl)	9	
Beta Blockers Non-Selective			CARDIZEM CD CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG (Use diltiazem hcl coated beads)	9	
BETAPACE AF PO (Use sotalol hcl (afib/af))	9		CARDIZEM CD CP24 PO 180 MG, 240 MG (Use diltiazem hcl coated beads)	9	QL(2 EA daily)
BETAPACE TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG (Use sotalol hcl)	9	QL(2 EA daily)	CARDIZEM LA TB24 (Use diltiazem hcl)	9	
CORGARD TABS PO 80 MG (Use nadolol)	9		CARDIZEM TABS PO 30 MG, 60 MG, 120 MG (Use diltiazem hcl)	9	
CORGARD TABS PO 40 MG (Use nadolol)	9	QL(6 EA daily)	<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
CORGARD TABS PO 20 MG (Use nadolol)	9	QL(3 EA daily)	<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA	<i>diltiazem hcl extended release beads PO</i>	1	
INDERAL LA CP24 PO (Use propranolol hcl)	9	QL(2 EA daily)	<i>diltiazem hcl CP12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>nadolol TABS PO 80 MG</i>	1		<i>diltiazem hcl CP24 PO</i>	1	
<i>nadolol TABS PO 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
<i>nadolol TABS PO 40 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>pindolol TABS PO</i>	1		<i>diltiazem hcl TABS PO</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24 PO</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1		<i>felodipine PO</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS PO</i>	1		<i>isradipine CAPS PO</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af) PO</i>	1		<i>nicardipine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS PO 240 MG</i>	1		<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	NICARDIPINE HCL SOLN (Use nicardipine hcl)	9	
<i>timolol maleate TABS PO</i>	1		<i>nifedipine CAPS PO 20 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>			<i>nifedipine CAPS PO 10 MG</i>	1	
Calcium Channel Blockers					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nifedipine TB24 PO</i>	1	
<i>nimodipine CAPS PO</i>	1	
<i>nisoldipine PO</i>	1	
NORVASC TABS PO (Use <i>amlodipine besylate</i> )	9	
PROCARDIA XL TB24 PO (Use <i>nifedipine</i> )	9	
SULAR PO 8.5 MG, 17 MG, 34 MG (Use <i>nisoldipine</i> )	9	
TIAZAC PO (Use <i>diltiazem hcl extended release beads</i> )	9	
VERAPAMIL HCL ER CP24 PO (Use <i>verapamil hcl</i> )	9	
<i>verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS PO</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR PO</i>	1	
VERELAN PM CP24 PO (Use <i>verapamil hcl</i> )	9	
VERELAN CP24 PO (Use <i>verapamil hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (Use <i>digoxin</i> )	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (Use <i>digoxin</i> )	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO</i>	1	QL(1 EA daily)
BIDIL PO (Use <i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i> )	9	
CADUET PO 10 MG-10 MG, 10 MG-20 MG, 10 MG-40 MG, 10 MG-80 MG, 5 MG-10 MG, 5 MG-20 MG, 5 MG-40 MG, 5 MG-80 MG (Use <i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO</i>	1	
Impotence Agents		
<i>avanafil PO</i>	1	QL(0.134 EA daily)
CIALIS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG (Use <i>tadalafil</i> )	NF	
CIALIS PO 5 MG (Use <i>tadalafil</i> )	9	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
<i>sildenafil citrate PO</i>	1	QL(0.1334 EA daily); PA
STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (Use <i>avanafil</i> )	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil PO 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
VIAGRA PO (Use <i>sildenafil citrate</i> )	9	QL(0.1334 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
FLOLAN (Use <i>epoprostenol sodium</i> )	9	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
VELETRI ( <i>Use epoprostenol sodium</i> )	9	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LETAIRIS PO ( <i>Use ambrisentan</i> )	9	QL(1 EA daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA
TRACLEER TABS 62.5 MG ( <i>Use bosentan</i> )	9	QL(2 EA daily); PA
TRACLEER TABS 125 MG ( <i>Use bosentan</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
ADCIRCA TABS PO ( <i>Use tadalafil (pulmonary hypertension)</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA
REVATIO SOLN ( <i>Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)</i> )	9	QL(37.5 ML daily); SP; PA
REVATIO SUSR ( <i>Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)</i> )	9	QL(6 ML daily); PA
REVATIO TABS PO ( <i>Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)</i> )	9	QL(3 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS PO	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR TABS PO ( <i>Use ivabradine hcl</i> )	9	QL(2 EA daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil SUSR PO</i>	1	
<i>cefadroxil TABS PO</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS PO</i>	1	
<i>cephalexin SUSR PO</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS PO</i>	1	
<i>cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>CEFOTAN IJ (Use cefotetan disodium)</i>	9	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefprozil SUSR PO</i>	1	
<i>cefprozil TABS PO</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS PO</i>	1	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS PO</i>	1	
<i>cefdinir SUSR PO</i>	1	
<i>cefixime CAPS PO</i>	1	
<i>cefixime SUSR PO</i>	1	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR PO</i>	1	
<i>cefpodoxime proxetil TABS PO</i>	1	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	7	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1	
<i>SUPRAX CAPS PO (Use cefixime)</i>	9	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUPRAX SUSR PO 200 MG/5ML (Use <i>cefixime</i> )	9	ST
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IJ 1 GM</i>	1	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>		
Combination Contraceptives - Oral		
<i>BALCOLTRA PO (Use levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)</i>	9	
<i>BEYAZ PO (Use drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium)</i>	9	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad PO</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>GENERESS FE PO (Use norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe)</i>	9	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
LOSEASONIQUE PO (Use <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day)</i> )	9	
MINASTRIN 24 FE CHEW PO (Use <i>norethin acet &amp; estrad-fe</i> )	9	
MIRCETTE PO (Use <i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i> )	9	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe</i> CAPS	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe</i> CHEW PO	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe</i> TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	0	
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i> PO	0	
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i> PO	0	
<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i> TABS PO	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i> PO	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i> PO	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i> PO	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i> PO	0	
<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol</i> PO 30 MCG-0.3 MG	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
QUARTETTE PO (Use <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day)</i> )	9	
SAFYRAL PO (Use <i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i> )	9	
SEASONIQUE PO (Use <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day)</i> )	9	
TAYTULLA CAPS (Use <i>norethin acet &amp; estrad-fe</i> )	9	
TYBLUME CHEW	0	
YASMIN 28 PO (Use <i>drospirenone-ethinyl estradiol</i> )	9	
YAZ PO (Use <i>drospirenone-ethinyl estradiol</i> )	9	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
NUVARING (Use <i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i> )	9	QL(0.05 EA daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA PO	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc)</i> PO 1.5 MG	0	
PLAN B ONE-STEP PO (Use <i>levonorgestrel (emergency oc)</i> )	9	
Progestin Contraceptives - Injectable		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DEPO-PROVERA SUSP IM (Use medroxyprogesterone acetate (contraceptive))	9	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	1	
DEPO-PROVERA SUSY IM (Use medroxyprogesterone acetate (contraceptive))	9	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	dexamethasone ELIX PO	1	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		dexamethasone SOLN PO	1	
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG	7	
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	1	
Progestin Contraceptives - Oral			EMFLAZA SUSP PO (Use deflazacort)	4	PA
norethindrone (contraceptive) PO	0		EMFLAZA TABS PO (Use deflazacort)	9	PA
OPILL PO	0		hydrocortisone sod succinate 100 MG	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SLYND PO	0	QL(1 EA daily)	hydrocortisone TABS PO	1	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			KENALOG-40 SUSP (Use triamcinolone acetonide)	9	
Glucocorticosteroids			MEDROL TABS PO 4 MG, 8 MG, 16 MG (Use methylprednisolone)	9	
budesonide CPEP PO	1	QL(3 EA daily)	MEDROL TABS PO	3	
CORTEF TABS PO (Use hydrocortisone)	9		MEDROL TBPK PO (Use methylprednisolone)	9	
deflazacort SUSP PO	4	PA	methylprednisolone acetate SUSP	1	
deflazacort TABS PO	4	PA	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1	
DEPO-MEDROL SUSP	3		methylprednisolone TABS PO	1	
DEPO-MEDROL SUSP (Use methylprednisolone acetate)	9		methylprednisolone TBPK PO	1	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1		ORAPRED ODT TBDP PO (Use prednisolone sodium phosphate)	9	
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	1		PEDIAPRED SOLN PO (Use prednisolone sodium phosphate)	9	
			prednisolone sodium phosphate SOLN PO	1	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP PO</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>prednisolone TABS PO</i>	1	
<i>prednisone SOLN PO</i>	1	
<i>prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG</i>	1	
<i>prednisone TABS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	7	
<i>prednisone TBPk PO</i>	1	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF (Use hydrocortisone sod succinate)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 500 MG, 1000 MG (Use methylprednisolone sod succ)	9	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1	
<b>Mineralocorticoids</b>		
<i>fludrocortisone acetate TABS PO</i>	1	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
<b>Antitussives</b>		
<i>benzonatate PO 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate PO 100 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate PO 150 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>HYCODAN TABS PO 1.5 MG-5 MG (Use hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide)</i>	9	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide TABS PO</i>	3	PA
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER PO</i>	1	
TUZISTRA XR PO	2	PA
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
<i>HYPERSAL NEBU (Use sodium chloride (inhalant))</i>	9	
<i>HYPERSAL NEBU</i>	1	
<i>NEBUSAL NEBU</i>	1	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1	
<b>Mucolytics</b>		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
<i>ABSORICA PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG (Use isotretinoin)</i>	9	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
<i>AVAR-E LS CREA (Use sulfacetamide sodium w/ sulfur)</i>	NF	
<i>AZELEX</i>	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BENZAMYCIN GEL ( <i>Use benzoyl peroxide-erythromycin</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	DIFFERIN CREA ( <i>Use adapalene</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	DIFFERIN GEL ( <i>Use adapalene</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA	DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	EPIDUO GEL ( <i>Use adapalene-benzoyl peroxide</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	EVOCLIN FOAM ( <i>Use clindamycin phosphate (topical)</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); PA
CLEOCIN-T LOTN ( <i>Use clindamycin phosphate (topical)</i> )	9	AL(At least 12 yrs old)	<i>isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
CLINDAGEL GEL ( <i>Use clindamycin phosphate (topical)</i> )	9	QL(8 ML daily)	KLARON ( <i>Use sulfacetamide sodium (acne)</i> )	9	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 GM daily)	RETIN-A MICRO 0.1 % ( <i>Use tretinoin microsphere</i> )	9	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	RETIN-A MICRO PUMP 0.1 % ( <i>Use tretinoin microsphere</i> )	9	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)	RETIN-A CREA ( <i>Use tretinoin</i> )	9	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	RETIN-A GEL ( <i>Use tretinoin</i> )	9	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA			
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
SUMADAN WASH LIQD (Use <i>sulfacetamide sodium w/ sulfur</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
VELTIN (Use <i>clindamycin phosphate-tretinoin</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST
ZIANA (Use <i>clindamycin phosphate-tretinoin</i> )	9	AL(At least 12 yrs old); ST
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 GM daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
EXELDERM CREA (Use <i>sulconazole nitrate</i> )	NF	
EXELDERM SOLN (Use <i>sulconazole nitrate</i> )	NF	
KERYDIN (Use <i>tavaborole</i> )	9	PA
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LOPROX CREA (Use <i>ciclopirox olamine</i> )	9	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
LOPROX SHAM (Use <i>ciclopirox</i> )	9	QL(10 ML daily)
LOPROX SUSP (Use <i>ciclopirox olamine</i> )	9	
LOTRIMIN AF JOCK ITCH CREA (Use <i>clotrimazole (topical)</i> )	9	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
LOTRIMIN AF CREA (Use <i>clotrimazole (topical)</i> )	9	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
LOTRIMIN ULTRA (Use <i>butenafine hcl</i> )	9	QL(6 GM daily); RX/OTC
<i>luliconazole</i>	1	PA
LUZU (Use <i>luliconazole</i> )	NF	
<i>naftifine hcl</i> CREA 2 %	1	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl</i> CREA 1 %	1	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical)</i> CREA	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical)</i> OINT	1	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical)</i> POWD EX	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone</i> CREA	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone</i> OINT	1	QL(4 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate</i> CREA	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT CREA (Use <i>oxiconazole nitrate</i> )	9	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate</i> CREA	1	
<i>sulconazole nitrate</i> SOLN	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavorole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine</i> PTCH EX	1	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical)</i> GEL EX	1	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
FLECTOR PTCH EX (Use <i>diclofenac epolamine</i> )	NF	
VOLTAREN ARTHRITIS PAIN GEL EX (Use <i>diclofenac sodium (topical)</i> )	9	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); PA
EFUDEX CREA (Use fluorouracil (topical))	9	QL(4 GM daily)	<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 GM daily)	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
TARGRETIN (Use bexarotene (topical))	9	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
PRUDOXIN (Use doxepin hcl (antipruritic))	9	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	DOVONEX CREA (Use calcipotriene)	9	QL(4 GM daily); PA
ZONALON (Use doxepin hcl (antipruritic))	9	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>methoxsalen rapid PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Antipsoriatics			SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT	4	QL(0.025 EA daily); PA
<i>acitretin PO 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
<i>acitretin PO 25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 GM daily); PA	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 GM daily); PA	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); SP; PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 GM daily)
			TAZORAC CREA 0.1 % (Use tazarotene)	9	QL(1 GM daily)
			TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
			TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ML daily); PA
			TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
VECTICAL (Use calcitriol (topical))	9	QL(3.34 GM daily)
<b>Antiseborrheic Products</b>		
selenium sulfide LOTN 2.5 %	1	
<b>Antivirals - Topical</b>		
acyclovir topical CREA	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
acyclovir topical OINT	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
DENAVIR (Use penciclovir)	9	QL(0.18 GM daily)
penciclovir	3	QL(0.18 GM daily)
ZOVIRAX CREA (Use acyclovir topical)	9	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
ZOVIRAX OINT (Use acyclovir topical)	9	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<b>Burn Products</b>		
mafenide acetate PACK	3	
SILVADENE (Use silver sulfadiazine)	9	QL(20 GM daily)
silver sulfadiazine	1	QL(20 GM daily)
SULFAMYLON CREA	3	
SULFAMYLON PACK 5 % (Use mafenide acetate)	9	
<b>Corticosteroids - Topical</b>		
alclometasone dipropionate CREA	1	QL(2 GM daily)
alclometasone dipropionate OINT	1	QL(3 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
amcinonide CREA	1	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
amcinonide LOTN	3	
amcinonide OINT	3	
betamethasone dipropionate (topical) CREA	1	QL(3 GM daily)
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	1	
betamethasone dipropionate (topical) OINT	1	QL(3 GM daily)
betamethasone dipropionate augmented CREA	1	QL(3.5 GM daily)
betamethasone dipropionate augmented LOTN	1	QL(5 ML daily)
betamethasone dipropionate augmented OINT	1	QL(3.5 GM daily)
betamethasone valerate CREA	1	QL(2.5 GM daily)
betamethasone valerate FOAM	1	QL(1.67 GM daily)
betamethasone valerate LOTN	1	QL(5 ML daily)
betamethasone valerate OINT	1	QL(3 GM daily)
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	1	ST
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	1	ST
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	1	QL(1 GM daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate</i> CREA 0.05 %	1	QL(3 GM daily); PA	DIPROLENE OINT ( <i>Use betamethasone dipropionate augmented</i> )	9	QL(3.5 GM daily)
<i>clobetasol propionate</i> FOAM	1	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.01 %	1	
<i>clobetasol propionate</i> GEL 0.05 %	1	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.025 %	1	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate</i> OINT 0.05 %	1	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide</i> OIL	1	QL(118.28 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>clobetasol propionate</i> SOLN 0.05 %	1	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinolone acetonide</i> OINT	1	QL(4 GM daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide</i> SOLN	1	QL(4 ML daily)
CLODERM ( <i>Use clocortolone pivalate</i> )	9	QL(3 GM daily)	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 GM daily)
CORDRAN CREA ( <i>Use flurandrenolide</i> )	NF		<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1	QL(4 GM daily)
CORDRAN LOTN ( <i>Use flurandrenolide</i> )	NF		<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 GM daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluocinonide GEL</i>	1	
DERMA-SMOOTH/FS BODY OIL ( <i>Use fluocinolone acetonide</i> )	9	QL(118.28 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 GM daily)
DERMA-SMOOTH/FS SCALP OIL ( <i>Use fluocinolone acetonide</i> )	9	QL(8 ML daily)	<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>desonide</i> CREA	1	QL(4 GM daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>desonide</i> LOTN	1	QL(4 ML daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide</i> OINT	1	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate</i> CREA 0.05 %	1	QL(4 GM daily)
DESOWEN CREA ( <i>Use desonide</i> )	9	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate</i> LOTN	1	QL(6 ML daily)
<i>desoximetasone</i> CREA 0.25 %	1	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate</i> OINT	1	QL(4 GM daily)
<i>desoximetasone</i> GEL	1	QL(3 GM daily)	<i>halcinonide</i> CREA	1	PA
<i>desoximetasone</i> OINT 0.25 %	1	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate</i> CREA	1	QL(3.5 GM daily)
<i>diflorasone diacetate</i> CREA	1	PA	<i>halobetasol propionate</i> OINT	1	QL(3.5 GM daily)
<i>diflorasone diacetate</i> OINT	1	PA	HALOG CREA ( <i>Use halcinonide</i> )	9	PA
			HALOG OINT	3	PA
			<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1 %, 2.5 %	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1		TOPICORT OINT 0.25 % (Use desoximetasone)	9	QL(4 GM daily)
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ML daily)
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 GM daily)
LUXIQ FOAM (Use betamethasone valerate)	9	QL(1.67 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 GM daily)	TRIDESILON CREA 0.05 % (Use desonide)	9	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 GM daily)	VANOS CREA (Use fluocinonide)	9	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ML daily)	<b>Eczema Agents</b>		
OLUX FOAM (Use clobetasol propionate)	9	QL(3 GM daily); ST	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>prednicarbate OINT</i>	1		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
SYNALAR CREA (Use fluocinolone acetonide)	9	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
SYNALAR OINT (Use fluocinolone acetonide)	9	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ML daily); PA
SYNALAR SOLN (Use fluocinolone acetonide)	9	QL(4 ML daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
TACLONEX OINT (Use calcipotriene-betamethasone dipropionate)	9	ST	<b>Emollients</b>		
TACLONEX SUSP (Use calcipotriene-betamethasone dipropionate)	9	ST	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
TOPICORT CREA 0.25 % (Use desoximetasone)	9	QL(4 GM daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
TOPICORT GEL (Use desoximetasone)	9	QL(3 GM daily)	<b>Enzymes - Topical</b>		
			SANTYL OINT	3	PA
			<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)	<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
Immunosuppressive Agents - Topical			<i>FINACEA GEL (Use azelaic acid)</i>	9	QL(1.67 GM daily)
<i>ELIDEL (Use pimecrolimus)</i>	9	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA	<i>METROCREAM CREA (Use metronidazole (topical))</i>	9	QL(3 GM daily)
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA	<i>METROGEL GEL 1 % (Use metronidazole (topical))</i>	9	QL(5 GM daily)
<i>PROTOPIC OINT (Use tacrolimus (topical))</i>	9	AL(At least 2 yrs old); PA	<i>METROLOTION LOTN (Use metronidazole (topical))</i>	9	
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA	<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents			<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>podofilox SOLN</i>	1		<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 GM daily)
Local Anesthetics - Topical			<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
<i>GEN7T PTCH (Use lidocaine)</i>	NF	RX/OTC	<i>MIRVASO (Use brimonidine tartrate (topical))</i>	9	QL(1 GM daily); PA
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ML daily); RX/OTC	Scabicides & Pediculicides		
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ML daily)	<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ML daily)	<i>ELIMITE CREA (Use permethrin)</i>	9	
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 GM daily)	<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA	<i>malathion</i>	1	
<i>LIDODERM PTCH (Use lidocaine)</i>	9	PA	<i>NATROBA (Use spinosad)</i>	9	PA
<i>SYNERA PTCH</i>	3	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>NIX CREME RINSE LIQD EX (Use permethrin)</i>	9	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical			<i>OVIDE (Use malathion)</i>	9	
<i>EUCRISA</i>	3	QL(2 GM daily); PA	<i>permethrin CREA</i>	1	
Rosacea Agents			<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 GM daily)	<i>SKLICE (Use ivermectin (pediculicide))</i>	9	PA
			<i>spinosad</i>	1	PA
			Wound Care Products		

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REGRANEX	3	QL(0.5 GM daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1	
KETONE TEST STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1	
PRECISION XTRA KETONE	1	
RELION KETONE TEST STRP	1	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP PO	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 250 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 125 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>dichlorphenamide PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA
KEVEYIS PO ( <i>Use dichlorphenamide</i> )	9	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
ALDACTAZIDE PO ( <i>Use spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i> )	9	
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide PO</i>	1	
MAXZIDE-25 TABS PO ( <i>Use triamterene &amp; hydrochlorothiazide</i> )	9	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MAXZIDE TABS PO (Use triamterene & hydrochlorothiazide)	9	
spironolactone & hydrochlorothiazide PO	1	
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG	1	
triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO	1	
<b>Loop Diuretics</b>		
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	1	
bumetanide TABS PO	1	QL(5 EA daily)
BUMEX TABS PO 0.5 MG (Use bumetanide)	9	QL(5 EA daily)
EDECIN PO (Use ethacrynic acid)	9	QL(16 EA daily)
ethacrynic acid PO	1	QL(16 EA daily)
furosemide SOLN IJ 10 MG/ML	1	
furosemide TABS PO	1	
LASIX TABS PO (Use furosemide)	9	
toremide TABS PO	1	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
ALDACTONE TABS PO (Use spironolactone)	9	
amiloride hcl TABS PO	1	
DYRENIUM CAPS PO (Use triamterene)	9	QL(3 EA daily)
spironolactone TABS PO	1	
triamterene CAPS PO	1	QL(3 EA daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG	1	
hydrochlorothiazide CAPS PO	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG, 50 MG	7	QL(2 EA daily)
hydrochlorothiazide TABS PO 12.5 MG	1	QL(2 EA daily)
indapamide TABS PO 2.5 MG	1	QL(2 EA daily)
indapamide TABS PO 1.25 MG	1	QL(1 EA daily)
metolazone PO	1	QL(2 EA daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
ACTONEL TABS PO 35 MG (Use risedronate sodium)	9	QL(0.143 EA daily); PA
ACTONEL TABS PO 150 MG (Use risedronate sodium)	9	QL(0.036 EA daily); PA
alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG	1	QL(1 EA daily)
alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG	1	QL(0.143 EA daily)
AELVIA TBEC PO (Use risedronate sodium)	9	PA
calcitonin (salmon) NA	1	QL(0.14 ML daily)
FORTEO SOPN (Use teriparatide)	9	QL(0.09 ML daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D PO	3	QL(0.143 EA daily); PA
FOSAMAX TABS PO 70 MG (Use alendronate sodium)	9	QL(0.143 EA daily)
ibandronate sodium SOLN	4	SP; PA
ibandronate sodium TABS PO	1	QL(0.036 EA daily)
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
RECLAST SOLN ( <i>Use zoledronic acid</i> )	9	SP; PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TABS PO 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA	<b>Hormone Receptor Modulators</b>		
<i>risedronate sodium TABS PO 35 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA	EVISTA PO ( <i>Use raloxifene hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>risedronate sodium TABS PO 150 MG</i>	1	QL(0.036 EA daily); PA	OSPHENA PO	3	PA
<i>risedronate sodium TBEC PO</i>	1	PA	<i>raloxifene hcl PO</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA	<b>Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)</b>		
TYMLOS	4	PA	INCRELEX	4	SP; PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA	<b>LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants</b>		
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
<b>Corticotropin</b>			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
ACTHAR GEL	3	PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
<b>Fertility Regulators</b>			SYNAREL	4	SP; PA
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA	<b>Metabolic Modifiers</b>		
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>			ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>betaine PO</i>	4	SP; PA
GANIRELIX ACETATE ( <i>Use ganirelix acetate</i> )	9	PA	BUPHENYL POWD PO ( <i>Use sodium phenylbutyrate</i> )	9	PA
ORLISSA	2	PA	BUPHENYL TABS PO ( <i>Use sodium phenylbutyrate</i> )	9	PA
<b>Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)</b>			<i>calcitriol CAPS PO</i>	1	
EGRIFTA SV	4	PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<b>Growth Hormones</b>			<i>cinacalcet hcl PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA	CYSTADANE PO ( <i>Use betaine</i> )	9	SP; PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA			
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA			

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxercalciferol CAPS PO</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	SP; PA
HECTOROL SOLN ( <i>Use doxercalciferol</i> )	9	
KUVAN PACK ( <i>Use sapropterin dihydrochloride</i> )	9	PA
KUVAN TABS ( <i>Use sapropterin dihydrochloride</i> )	9	PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS PO</i>	4	PA
ORFADIN CAPS PO ( <i>Use nitisinone</i> )	9	PA
<i>paricalcitol CAPS PO</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
PHEBURANE PLLT	4	PA
ROCALTROL CAPS PO ( <i>Use calcitriol</i> )	9	
ROCALTROL SOLN PO ( <i>Use calcitriol</i> )	9	
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
SENSIPAR PO ( <i>Use cinacalcet hcl</i> )	9	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD PO</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS PO</i>	1	PA
STRENSIQ	4	PA
ZEMPLAR CAPS PO 1 MCG, 2 MCG ( <i>Use paricalcitol</i> )	9	
ZEMPLAR SOLN ( <i>Use paricalcitol</i> )	9	
Posterior Pituitary Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DDAVP PF SOLN IJ ( <i>Use desmopressin acetate</i> )	9	PA
DDAVP SOLN IJ 4 MCG/ML ( <i>Use desmopressin acetate</i> )	9	PA
DDAVP TABS PO 0.1 MG ( <i>Use desmopressin acetate</i> )	9	QL(6 EA daily)
DDAVP TABS PO 0.2 MG ( <i>Use desmopressin acetate</i> )	9	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline PO</i>	1	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN SOLN 50 MCG/ML, 100 MCG/ML, 500 MCG/ML ( <i>Use octreotide acetate</i> )	9	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
SAMSCA TABS ( <i>Use tolvaptan</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Estrogen Combinations</b>		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO</i>	1	
PREMPHASE PO	2	
PREMPRO PO	2	QL(1 EA daily)
<b>Estrogens</b>		
CLIMARA PTWK 0.025 MG/24HR, 0.0375 MG/24HR, 0.05 MG/24HR, 0.06 MG/24HR, 0.075 MG/24HR, 0.1 MG/24HR (Use estradiol)	9	
DELESTROGEN (Use estradiol valerate)	9	
DEPO-ESTRADIOL	3	
DIVIGEL GEL (Use estradiol)	9	
ELESTRIN GEL	3	
ESTRACE TABS PO (Use estradiol)	9	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS PO</i>	1	
ESTROGEL GEL (Use estradiol)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST PO	3	
MENOSTAR PTWK	3	
MINIVELLE PTTW (Use estradiol)	9	QL(0.286 EA daily)
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIVELLE-DOT PTTW (Use estradiol)	9	QL(0.286 EA daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS PO</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR PO</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO TABS PO 250 MG, 500 MG (Use ciprofloxacin hcl)	9	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1	
<i>levofloxacin TABS PO 500 MG</i>	7	
<i>levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS PO</i>	1	
<i>ofloxacin PO 300 MG, 400 MG</i>	1	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>Bile Acid Synthesis Disorder Agents</b>		
CHOLBAM	4	SP; PA
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
URSO 250 TABS PO (Use ursodiol)	9	
URSO FORTE TABS PO (Use ursodiol)	9	
<i>ursodiol CAPS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		
AMITIZA PO (Use lubiprostone)	9	QL(2 EA daily)
lubiprostone PO	1	QL(2 EA daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	1	QL(60 ML daily)
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	1	
metoclopramide hcl TABS PO	7	QL(6 EA daily)
REGLAN TABS PO (Use metoclopramide hcl)	9	QL(6 EA daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
APRISO CP24 (Use mesalamine)	9	
ASACOL HD TBEC PO (Use mesalamine)	9	QL(6 EA daily)
AZULFIDINE EN-TABS TBEC PO (Use sulfasalazine)	9	
AZULFIDINE TABS PO (Use sulfasalazine)	9	
balsalazide disodium CAPS PO	1	QL(9 EA daily)
CANASA SUPP PR (Use mesalamine)	9	
COLAZAL CAPS PO (Use balsalazide disodium)	9	QL(9 EA daily)
DELZICOL CPDR PO (Use mesalamine)	9	
DIPENTUM PO	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
LIALDA TBEC PO (Use mesalamine)	9	
mesalamine CP24	1	
mesalamine CPDR PO	1	
mesalamine ENEM PR	3	
mesalamine SUPP PR	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
mesalamine TBEC PO 1.2 GM	3	
mesalamine TBEC PO 800 MG	3	QL(6 EA daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
sulfasalazine TABS PO	1	
sulfasalazine TBEC PO	1	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
lactulose (encephalopathy) PO	1	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
alosetron hcl PO	1	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
LOTRONEX PO (Use alosetron hcl)	9	QL(2 EA daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
alvimopan PO	1	
ENTEREG PO (Use alvimopan)	9	
MOVANTIK PO	3	QL(1 EA daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO	1	
calcium acetate (phosphate binder) TABS PO	1	RX/OTC
FOSRENOL CHEW PO (Use lanthanum carbonate)	9	
lanthanum carbonate CHEW PO	1	
RENVELA PACK (Use sevelamer carbonate)	9	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RENVELA TABS PO (Use sevelamer carbonate)	9	
sevelamer carbonate PACK	1	
sevelamer carbonate TABS PO	1	
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
Alkalinizers		
potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO	1	
sodium citrate & citric acid PO	1	RX/OTC
UROCIT-K 10 TBCR PO (Use potassium citrate (alkalinizer))	9	
UROCIT-K 15 TBCR PO (Use potassium citrate (alkalinizer))	9	
UROCIT-K 5 TBCR PO (Use potassium citrate (alkalinizer))	9	
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS PO	3	PA
Genitourinary Irrigants		
acetic acid 0.25 %	1	
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %	1	
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS PO	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
alfuzosin hcl PO	1	QL(1 EA daily)
AVODART PO (Use dutasteride)	9	QL(1 EA daily)
dutasteride PO	1	QL(1 EA daily)
finasteride PO	1	5 mg only
FLOMAX PO (Use tamsulosin hcl)	9	
PROSCAR PO (Use finasteride)	9	5 mg only
RAPAFLO PO (Use silodosin)	9	
silodosin PO	1	
tamsulosin hcl PO	1	
UROXATRAL PO (Use alfuzosin hcl)	9	QL(1 EA daily)
Urinary Analgesics		
phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	1	
PYRIDIDIUM TABS PO (Use phenazopyridine hcl)	9	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (Use tiopronin)	3	QL(3 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (Use tiopronin)	3	QL(10 EA daily); PA
tiopronin TBEC 100 MG	3	QL(3 EA daily); PA
tiopronin TBEC 300 MG	3	QL(10 EA daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
colchicine w/ probenecid PO	1	
Gout Agents		
allopurinol PO 100 MG, 300 MG	1	
colchicine TABS PO	1	QL(1 EA daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COLCRYS TABS PO (Use colchicine)	9	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 EA daily); PA
ULORIC (Use <i>febuxostat</i> )	9	QL(1 EA daily); PA
ZYLOPRIM PO (Use <i>allopurinol</i> )	9	
Uricosurics		
<i>probenecid PO</i>	1	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
FIRAZYR SOSY (Use <i>icatibant acetate</i> )	9	QL(9 ML daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline PO</i>	1	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
AGRYLIN PO 0.5 MG (Use <i>anagrelide hcl</i> )	9	
<i>anagrelide hcl PO</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA
BRILINTA PO	2	QL(2 EA daily)
<i>cilostazol PO</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate PO 300 MG</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate PO 75 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole PO</i>	1	
EFFIENT PO (Use <i>prasugrel hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
PLAVIX PO 75 MG (Use <i>clopidogrel bisulfate</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>prasugrel hcl PO</i>	1	QL(1 EA daily)
ZONTIVITY PO	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
ZAVESCA ( <i>Use miglustat</i> )	9	QL(3 EA daily); SP; PA
<b>Agents for Sickle Cell Disease</b>		
DROXIA CAPS	3	
<b>Cobalamins</b>		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ML daily)
<b>Folic Acid/Folates</b>		
<i>folic acid TABS PO</i>	0	
<b>Hematopoietic Growth Factors</b>		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 EA daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT	4	SP; PA
PROCRIT	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 EA daily); PA
PROMACTA TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
<b>Iron</b>		
FER-IN-SOL SOLN PO ( <i>Use ferrous sulfate</i> )	9	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC PO</i>	0	
<b>Stem Cell Mobilizers</b>		
MOZOBIL ( <i>Use plerixafor</i> )	9	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
<b>Hemostatics - Systemic</b>		
AMICAR TABS PO ( <i>Use aminocaproic acid</i> )	9	PA
<i>aminocaproic acid TABS PO</i>	1	PA
CYKLOKAPRON SOLN ( <i>Use tranexamic acid</i> )	9	
LYSTEDA TABS PO ( <i>Use tranexamic acid</i> )	9	
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS PO</i>	1	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
<b>Barbiturate Hypnotics</b>		
<i>phenobarbital ELIX PO</i>	1	
<i>phenobarbital TABS PO</i>	1	
<b>Hypnotics - Tricyclic Agents</b>		
<i>doxepin hcl (sleep) PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SILENOR PO ( <i>Use doxepin hcl (sleep)</i> )	9	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
AMBIEN CR TBCR PO ( <i>Use zolpidem tartrate</i> )	9	QL(1 EA daily)
AMBIEN TABS PO ( <i>Use zolpidem tartrate</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>estazolam PO</i>	1	
<i>eszopiclone PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl PO</i>	1	PA
HALCION PO 0.25 MG ( <i>Use triazolam</i> )	9	
LUNESTA PO ( <i>Use eszopiclone</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
RESTORIL PO ( <i>Use temazepam</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>temazepam PO 15 MG, 30 MG</i>	7	QL(1 EA daily)
<i>temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>triazolam PO</i>	1	
<i>zaleplon PO 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon PO 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS PO</i>	7	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ROZEREM PO ( <i>Use ramelteon</i> )	9	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS PO</i>	1	
Laxative Combinations		
GOLYTELY SOLR PO ( <i>Use peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate</i> )	9	
MOVIPREP PO ( <i>Use peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i> )	9	
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
SUPREP BOWEL PREP KIT ( <i>Use sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i> )	9	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN PO</i>	1	
Saline Laxatives		
OSMOPREP PO	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP PR</i>	7	
<i>bisacodyl TBEC PO</i>	7	
DULCOLAX PINK LAXATIVE TBEC PO ( <i>Use bisacodyl</i> )	9	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DULCOLAX SUPP PR (Use bisacodyl)	9		ZITHROMAX TRI-PAK TABS PO (Use azithromycin)	9	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
DULCOLAX TBEC PO (Use bisacodyl)	9		ZITHROMAX Z-PAK TABS PO (Use azithromycin)	9	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Surfactant Laxatives			ZITHROMAX SOLR (Use azithromycin)	9	
COLACE CAPS PO 100 MG (Use docusate sodium)	9	QL(4 EA daily)	ZITHROMAX SUSR PO (Use azithromycin)	9	
docusate calcium PO	7	QL(1 EA daily)	ZITHROMAX TABS PO 250 MG (Use azithromycin)	9	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
docusate sodium CAPS PO 250 MG	7		ZITHROMAX TABS PO 500 MG (Use azithromycin)	9	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
docusate sodium CAPS PO 100 MG	7	QL(4 EA daily)	Clarithromycin		
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>			clarithromycin SUSR PO		
Local Anesthetics - Amides			clarithromycin TABS PO	1	
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	1		clarithromycin TB24 PO	1	
XYLOCAINE-MPF SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % (Use lidocaine hcl (local anesth.))	9		Erythromycins		
XYLOCAINE SOLN 0.5 %, 1 % (Use lidocaine hcl (local anesth.))	9		E.E.S. GRANULES SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate)	9	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>			ERYPED 200 SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate)	9	
Azithromycin			ERYPED 400 SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate)	9	
azithromycin PACK PO	1		erythromycin base CPEP PO	3	
azithromycin SOLR	1		erythromycin base TABS PO	3	
azithromycin SUSR PO	1		erythromycin base TBEC PO	1	
azithromycin TABS PO 250 MG	1	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)	erythromycin ethylsuccinate SUSR PO	1	
azithromycin TABS PO 600 MG	1	QL(0.286 EA daily)	erythromycin ethylsuccinate TABS PO	3	
azithromycin TABS PO 500 MG	1	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)	Fidaxomicin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIFICID TABS	2		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>			K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	
<b>Contraceptives</b>			MAXX PLUS MISC	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0		MAXX MISC	0	
CAYA DPRH	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN ULTRA THIN MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	
KIMONO PS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0				
KIMONO MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
<b>Diabetic Supplies</b>		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1	RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
RELION LANCETS	1	RX/OTC
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1	
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
<b>Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag</b>		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY PO	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
<b>Migraine Combinations</b>		
CAFERGOT TABS PO (Use ergotamine w/ caffeine)	9	QL(1.5 EA daily)
ergotamine w/ caffeine TABS PO	1	QL(1.5 EA daily)
sumatriptan-naproxen sodium PO	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
TREXIMET PO (Use sumatriptan-naproxen sodium)	9	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Migraine Products</b>			<b>Migraine Products</b>		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ML daily)	IMITREX TABS PO ( <i>Use sumatriptan succinate</i> )	9	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1		MAXALT-MLT TBDP PO 10 MG ( <i>Use rizatriptan benzoate</i> )	9	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)	MAXALT TABS PO 10 MG ( <i>Use rizatriptan benzoate</i> )	9	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
MIGRANAL SOLN NA ( <i>Use dihydroergotamine mesylate</i> )	9	QL(0.267 ML daily)	<i>naratriptan hcl PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Serotonin Agonists</b>			<b>Serotonin Agonists</b>		
<i>almotriptan malate PO 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	RELPAK PO ( <i>Use eletriptan hydrobromide</i> )	9	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>almotriptan malate PO 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>eletriptan hydrobromide PO</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
FROVA PO ( <i>Use frovatriptan succinate</i> )	9	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>frovatriptan succinate PO</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
IMITREX 5 MG/ACT, 20 MG/ACT ( <i>Use sumatriptan</i> )	9	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT ( <i>Use sumatriptan succinate</i> )	9	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ ( <i>Use sumatriptan succinate</i> )	9	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate TABS PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % ( <i>Use potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1	
<i>zolmitriptan TABS PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>lactated ringer's</i>	1	
<i>zolmitriptan TBDP PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-M IN D5W	1	
ZOMIG SOLN ( <i>Use zolmitriptan</i> )	9	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-R PH 7.4	1	
ZOMIG TABS PO 2.5 MG, 5 MG ( <i>Use zolmitriptan</i> )	9	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE 148 ( <i>Use electrolyte-148</i> )	1	
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>			PLASMA-LYTE A ( <i>Use electrolyte-a</i> )	1	
Bicarbonates			<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1		<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>Use sodium acetate</i> )	1		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
Calcium			POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>Use potassium chloride in nacl</i> )	1	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1		POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % ( <i>Use potassium chloride in nacl</i> )	9	
Electrolyte Mixtures			<i>ringer's</i>	1	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1		<b>Fluoride</b>		
<i>electrolyte-148</i>	1		<i>sodium fluoride CHEW PO</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>electrolyte-a</i>	1				
IONOSOL-MB IN D5W	1				
ISOLYTE-P IN D5W	1				
ISOLYTE-S	1				



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Magnesium</b>		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
<b>Phosphate</b>		
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1	
POTASSIUM PHOSPHATES(66 MEQ K) ( <i>Use potassium phosphates</i> )	9	
<b>Potassium</b>		
K-TAB TBCR PO 10 MEQ, 20 MEQ ( <i>Use potassium chloride</i> )	9	
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
<i>potassium bicarbonate TBEF PO</i>	1	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er PO</i>	1	
<i>potassium chloride CPCR PO</i>	1	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1	PA
<i>potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>Use potassium chloride</i> )	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 20 MEQ/50ML ( <i>Use potassium chloride</i> )	9	
<i>potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1	
<b>Sodium</b>		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Chelating Agents</b>		
CUPRIMINE CAPS PO ( <i>Use penicillamine</i> )	9	PA
DEPEN TITRATABS TABS PO ( <i>Use penicillamine</i> )	9	QL(8 EA daily)
<i>penicillamine CAPS PO</i>	1	PA
<i>penicillamine TABS PO</i>	1	QL(8 EA daily)
SYPRINE PO ( <i>Use trientine hcl</i> )	9	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>trientine hcl PO 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<b>Immunomodulators</b>		
<i>lenalidomide PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lenalidomide PO 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
THALOMID PO	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<b>Immunosuppressive Agents</b>		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1	
<i>azathioprine TABS PO</i>	1	
CELLCEPT CAPS PO ( <i>Use mycophenolate mofetil</i> )	9	
CELLCEPT TABS PO ( <i>Use mycophenolate mofetil</i> )	9	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS PO</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
IMURAN TABS PO (Use azathioprine)	9	
<i>mycophenolate mofetil CAPS PO</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS PO</i>	1	
<i>mycophenolate sodium PO</i>	1	
MYFORTIC PO (Use <i>mycophenolate sodium</i> )	9	
NEORAL CAPS PO (Use <i>cyclosporine modified (for microemulsion)</i> )	9	
NEORAL SOLN PO (Use <i>cyclosporine modified (for microemulsion)</i> )	9	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF CAPS PO (Use <i>tacrolimus</i> )	9	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
RAPAMUNE TABS PO (Use <i>sirolimus</i> )	9	
SANDIMMUNE CAPS PO (Use <i>cyclosporine</i> )	9	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS PO</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS PO</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
ZORTRESS 1 MG (Use <i>everolimus (immunosuppressant)</i> )	9	QL(10 EA daily); PA
ZORTRESS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG (Use <i>everolimus (immunosuppressant)</i> )	9	QL(20 EA daily); SP; PA
Irrigation Solutions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD PO</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP PR 30 GM/120ML</i>	1	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1	
NYSTATIN (Use <i>nystatin (mouth-throat)</i> )	9	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
PERIDEX (Use <i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i> )	9	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
Throat Products - Misc.		

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cevimeline hcl PO</i>	1		NEONATAL PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
EVOXAC PO ( <i>Use cevimeline hcl</i> )	9		NEONATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>pilocarpine hcl (oral) PO</i>	1		NIVA-PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
SALAGEN PO ( <i>Use pilocarpine hcl (oral)</i> )	9		ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<b>MULTIVITAMINS</b>			ONE VITE WOMENS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL ONE DAILY TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW PO</i>	7	RX/OTC	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MASONATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
NEONATAL COMPLETE TABS PO 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
QC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS PO</i>	1	
<i>carisoprodol TABS PO</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS PO 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS PO 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	7	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone PO 800 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
SOMA TABS PO ( <i>Use carisoprodol</i> )	9	
<i>tizanidine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS PO</i>	1	
ZANAFLEX CAPS PO ( <i>Use tizanidine hcl</i> )	9	
ZANAFLEX TABS PO 4 MG ( <i>Use tizanidine hcl</i> )	9	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Direct Muscle Relaxants		
DANTRIUM CAPS PO 25 MG ( <i>Use dantrolene sodium</i> )	9	QL(4 EA daily)
<i>dantrolene sodium CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>orphenadrine w/ aspirin &amp; caff PO 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
PATANASE ( <i>Use olopatadine hcl (nasal)</i> )	9	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
FLONASE ALLERGY RELIEF SUSP ( <i>Use fluticasone propionate (nasal)</i> )	9	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>flunisolide (nasal)</i>	1	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 GM daily); PA; RX/OTC

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NASACORT ALLERGY 24HR AERO (Use triamcinolone acetonide (nasal))	9	
NASONEX 24HR SUSP (Use mometasone furoate (nasal))	9	QL(1.14 ML daily); PA; RX/OTC
triamcinolone acetonide (nasal) AERO	1	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
RILUTEK TABS PO (Use riluzole)	9	
riluzole TABS PO	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
atracurium besylate 50 MG/5ML	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
betaxolol hcl (ophth) SOLN	1	
brimonidine tartrate-timolol maleate	1	
carteolol hcl (ophth)	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMBIGAN (Use brimonidine tartrate-timolol maleate)	9	
COSOPT (Use dorzolamide hcl-timolol maleate)	9	
dorzolamide hcl-timolol maleate	1	
levobunolol hcl 0.5 %	1	
timolol maleate (ophth) SOLG	1	
timolol maleate (ophth) SOLN	1	
TIMOPTIC SOLN (Use timolol maleate (ophth))	9	
TIMOPTIC-XE SOLG (Use timolol maleate (ophth))	9	
Cycloplegic Mydriatics		
MYDRIACYL SOLN (Use tropicamide)	9	
tropicamide SOLN 0.5 %	1	QL(2.5 ML daily)
tropicamide SOLN 1 %	1	
Miotics		
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
ALPHAGAN P 0.15 % (Use brimonidine tartrate)	9	
apraclonidine hcl	1	
brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
bacitracin (ophthalmic)	3	
CILOXAN SOLN (Use ciprofloxacin hcl (ophth))	9	
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>erythromycin (ophth)</i>	1		ALREX SUSP ( <i>Use loteprednol etabonate</i> )	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1		<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1		<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1		DUREZOL ( <i>Use difluprednate</i> )	9	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1		FML FORTE SUSP	3	PA
NATACYN	2		FML LIQUIFILM SUSP ( <i>Use fluorometholone (ophth)</i> )	9	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1		FML OINT	3	PA
OCUFLOX ( <i>Use ofloxacin (ophth)</i> )	9		LOTEMAX GEL ( <i>Use loteprednol etabonate</i> )	9	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1		LOTEMAX SUSP ( <i>Use loteprednol etabonate</i> )	9	PA
POLYTRIM ( <i>Use polymyxin b-trimethoprim</i> )	9		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>trifluridine</i>	1		MAXITROL OINT ( <i>Use neomycin-polymy-dexameth</i> )	9	
VIGAMOX SOLN OP ( <i>Use moxifloxacin hcl (ophth)</i> )	9		MAXITROL SUSP ( <i>Use neomycin-polymy-dexameth</i> )	9	
ZIRGAN GEL	2		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
ZYMAXID ( <i>Use gatifloxacin (ophth)</i> )	9		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
Ophthalmic Immunomodulators			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ML daily)
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	PRED FORTE ( <i>Use prednisolone acetate (ophth)</i> )	9	
RESTASIS EMUL ( <i>Use cyclosporine (ophth)</i> )	9	PA	PRED MILD	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
ALCAINE ( <i>Use proparacaine hcl</i> )	9				
<i>proparacaine hcl</i>	1				
Ophthalmic Steroids					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
TOBRADEX SUSP ( <i>Use tobramycin-dexamethasone</i> )	9	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
<b>Ophthalmics - Misc.</b>		
ACULAR ( <i>Use ketorolac tromethamine (ophth)</i> )	9	
ACULAR LS ( <i>Use ketorolac tromethamine (ophth)</i> )	9	
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
AZOPT ( <i>Use brinzolamide</i> )	9	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
BEPREVE ( <i>Use bepotastine besilate</i> )	9	PA
<i>brinzolamide</i>	1	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
BROMSITE ( <i>Use bromfenac sodium (ophth)</i> )	9	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ML daily); RX/OTC
PATADAY 0.2 % ( <i>Use olopatadine hcl</i> )	9	RX/OTC
PATADAY 0.1 % ( <i>Use olopatadine hcl</i> )	9	QL(0.34 ML daily); RX/OTC
PROLENSA ( <i>Use bromfenac sodium (ophth)</i> )	9	
TRUSOPT ( <i>Use dorzolamide hcl</i> )	9	
ZADITOR 0.035 % ( <i>Use ketotifen fumarate (ophth)</i> )	9	
<b>Prostaglandins - Ophthalmic</b>		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
TRAVATAN Z SOLN ( <i>Use travoprost</i> )	9	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
XALATAN SOLN ( <i>Use latanoprost</i> )	9	
ZIOPTAN ( <i>Use tafluprost</i> )	9	
<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
<b>Otic Agents - Miscellaneous</b>		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ML daily)
<b>Otic Anti-infectives</b>		
CETRAXAL ( <i>Use ciprofloxacin hcl (otic)</i> )	9	
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
<b>Otic Combinations</b>		
CIPRODEX ( <i>Use ciprofloxacin-dexamethasone</i> )	9	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
OTOVEL ( <i>Use ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i> )	NF	
<b>Otic Steroids</b>		
DERMOTIC ( <i>Use fluocinolone acetonide (otic)</i> )	9	
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
<b>Immune Serums</b>		
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
<b>Passive Immunizing Agents - Combinations</b>		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Aminopenicillins</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin CAPS PO</i>	7	
<i>amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML</i>	7	
AMOXICILLIN SUSR PO ( <i>Use amoxicillin</i> )	9	
<i>amoxicillin TABS PO</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS PO 500 MG</i>	1	
<b>Natural Penicillins</b>		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR PO</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS PO</i>	1	
<b>Penicillin Combinations</b>		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW PO</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR PO</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS PO</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12 PO</i>	1	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1	

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AUGMENTIN ES-600 SUSR PO (Use amoxicillin & pot clavulanate)	9	
AUGMENTIN TABS PO 125 MG-500 MG (Use amoxicillin & pot clavulanate)	9	
piperacillin sodium-tazobactam sodium	1	
UNASYN IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM (Use ampicillin & sulbactam sodium)	9	
<b>Penicillinase-Resistant Penicillins</b>		
dicloxacillin sodium PO	1	
nafcillin sodium IV 10 GM	1	
oxacillin sodium IJ 1 GM	1	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Progestins</b>		
AYGESTIN TABS PO (Use norethindrone acetate)	9	
medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG	1	
medroxyprogesterone acetate PO 10 MG	7	
megestrol acetate (appetite) PO	1	PA
norethindrone acetate TABS PO	0	
progesterone CAPS PO	1	
PROMETRIUM CAPS PO (Use progesterone)	9	
PROVERA PO 5 MG, 10 MG (Use medroxyprogesterone acetate)	9	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Emotional Conditions</b>		
<b>Agents for Chemical Dependency</b>		
acamprosate calcium PO	1	
disulfiram PO	1	
lofexidine hcl	1	QL(224 EA per 14 day(s) retail)
LUCEMYRA (Use lofexidine hcl)	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail)
<b>Antidementia Agents</b>		
ARICEPT TABS PO 5 MG, 23 MG (Use donepezil hydrochloride)	9	QL(1 EA daily)
ARICEPT TABS PO 10 MG (Use donepezil hydrochloride)	9	QL(2 EA daily)
donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG	1	QL(2 EA daily)
donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG	1	QL(1 EA daily)
donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG	1	QL(1 EA daily)
donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG	1	QL(2 EA daily)
galantamine hydrobromide CP24 PO	1	QL(1 EA daily)
galantamine hydrobromide SOLN PO	1	QL(6 ML daily)
galantamine hydrobromide TABS PO	1	QL(2 EA daily)
memantine hcl TABS PO	1	QL(2 EA daily)
memantine hcl TABS PO	1	
NAMENDA TITRATION PAK TABS PO (Use memantine hcl)	NF	
NAMENDA TABS PO (Use memantine hcl)	9	QL(2 EA daily)
RAZADYNE ER CP24 PO (Use galantamine hydrobromide)	9	QL(1 EA daily)
rivastigmine tartrate CAPS PO	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Combination Psychotherapeutics			COPAXONE SOSY 20 MG/ML (Use glatiramer acetate)	9	QL(1 ML daily)
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline PO</i>	1		COPAXONE SOSY 40 MG/ML (Use glatiramer acetate)	9	QL(0.43 ML daily)
<i>perphenazine-amitriptyline PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Fibromyalgia Agents			<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 EA daily)
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 EA daily)
SAVELLA TABS PO	2	QL(2 EA daily); PA	<i> fingolimod hcl PO</i>	4	QL(1 EA daily)
Movement Disorder Drug Therapy			GILENYA PO (Use <i> fingolimod hcl</i> )	9	QL(1 EA daily)
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA	<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA	LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA	PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>tetrabenazine PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	PLEGRIDY SOSY IM	4	QL(0.036 ML daily); PA
XENAZINE PO (Use <i>tetrabenazine</i> )	9	QL(3 EA daily); SP; PA	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
Multiple Sclerosis Agents			REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
AMPYRA (Use <i>dalfampridine</i> )	9	QL(2 EA daily); SP; PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
AUBAGIO PO (Use <i>teriflunomide</i> )	9	QL(1 EA daily)	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	TECFIDERA CDPK (Use <i>dimethyl fumarate</i> )	9	QL(2 EA daily)
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	TECFIDERA CPDR (Use <i>dimethyl fumarate</i> )	9	QL(2 EA daily)
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA	<i>teriflunomide PO</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents					

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LYRICA CR 82.5 MG, 165 MG (Use pregabalin (once-daily))	9	QL(1 EA daily); PA
LYRICA CR 330 MG (Use pregabalin (once-daily))	9	QL(2 EA daily); PA
pregabalin (once-daily) 330 MG	3	QL(2 EA daily); PA
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
ergoloid mesylates TABS PO	1	
pimozide PO	1	
Smoking Deterrents		
bupropion hcl (smoking deterrent) PO	0	QL(2 EA daily)
CHANTIX STARTING MONTH PAK TBPK (Use varenicline tartrate)	9	
NICODERM CQ PT24 TD (Use nicotine)	9	QL(1 EA daily)
NICORETTE MINI LOZG (Use nicotine polacrilex)	9	
NICORETTE STARTER KIT GUM (Use nicotine polacrilex)	9	
NICORETTE GUM (Use nicotine polacrilex)	9	
NICORETTE LOZG (Use nicotine polacrilex)	9	
nicotine polacrilex GUM	0	
nicotine polacrilex LOZG	0	
NICOTINE KIT	0	
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NICOTROL INHA	0	
varenicline tartrate TABS PO	0	QL(2 EA daily)
varenicline tartrate TBPK	0	
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
ESBRIET CAPS (Use pirfenidone)	9	
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
pirfenidone CAPS	4	
pirfenidone TABS PO 534 MG	4	QL(3 EA daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		
sulfadiazine TABS PO	1	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Glycylcyclines		
tigecycline	1	
TYGACIL (Use tigecycline)	9	
Tetracyclines		

Ambetter NV Formulary Updated January 1, 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTICLATE TABS PO (Use doxycycline hyclate)	NF	
demeclocycline hcl TABS PO	1	
doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG	1	QL(2 EA daily)
doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG	1	
doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG	1	QL(2 EA daily)
doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG	1	
doxycycline hyclate CAPS PO	1	QL(2 EA daily)
doxycycline hyclate SOLR	1	
doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG	1	QL(2 EA daily)
minocycline hcl CAPS PO	1	QL(3 EA daily)
minocycline hcl TABS PO	1	QL(3 EA daily)
tetracycline hcl CAPS PO	1	QL(8 EA daily)
VIBRAMYCIN CAPS PO (Use doxycycline hyclate)	9	QL(2 EA daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
<b>Antithyroid Agents</b>		
methimazole TABS PO	1	
propylthiouracil PO	1	
<b>Thyroid Hormones</b>		
ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS PO	2	QL(1 EA daily)
CYTOMEL TABS PO (Use liothyronine sodium)	9	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
levothyroxine sodium TABS PO	1	
liothyronine sodium SOLN	1	
liothyronine sodium TABS PO	1	
NP THYROID TABS PO	1	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS PO (Use levothyroxine sodium)	2	
TRIOSTAT SOLN (Use liothyronine sodium)	9	
<b>TOXOIDS</b>		
<b>Toxoid Combinations</b>		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHTHERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
<b>Antispasmodics</b>		
atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	1	
atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	1	
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dicyclomine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS PO</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS PO 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS PO 1 MG</i>	1	
LIBRAX PO ( <i>Use chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i> )	9	
<i>methscopolamine bromide PO</i>	1	
ROBINUL-FORTE TABS PO ( <i>Use glycopyrrolate</i> )	9	QL(6 EA daily)
ROBINUL TABS PO ( <i>Use glycopyrrolate</i> )	9	
<b>H-2 Antagonists</b>		
<i>cimetidine TABS PO</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	7	
<i>famotidine SUSR PO</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS PO</i>	1	
PEPCID AC MAXIMUM STRENGTH TABS PO ( <i>Use famotidine</i> )	9	RX/OTC
PEPCID TABS PO ( <i>Use famotidine</i> )	9	RX/OTC
TAGAMET HB 200 TABS PO ( <i>Use cimetidine</i> )	9	RX/OTC
TAGAMET HB TABS PO ( <i>Use cimetidine</i> )	9	RX/OTC
<b>Misc. Anti-Ulcer</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CARAFATE SUSP PO ( <i>Use sucralfate</i> )	9	QL(40 ML daily)
CARAFATE TABS PO ( <i>Use sucralfate</i> )	9	QL(4 EA daily)
<i>sucralfate SUSP PO</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<b>Proton Pump Inhibitors</b>		
ACIPHEX TBEC PO ( <i>Use rabeprazole sodium</i> )	9	QL(1 EA daily)
DEXILANT PO ( <i>Use dexlansoprazole</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>dexlansoprazole PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR PO 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR PO 30 MG</i>	1	
NEXIUM 24HR TBEC ( <i>Use esomeprazole magnesium</i> )	1	QL(2 EA daily)
NEXIUM CPDR PO 20 MG ( <i>Use esomeprazole magnesium</i> )	NF	QL(2 EA daily); RX/OTC
NEXIUM CPDR PO 40 MG ( <i>Use esomeprazole magnesium</i> )	9	QL(1 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
PREVACID 24HR CPDR PO ( <i>Use lansoprazole</i> )	9	QL(2 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREVACID CPDR PO 30 MG (Use lansoprazole)	9		DETROL LA CP24 PO (Use tolterodine tartrate)	9	QL(1 EA daily)
PROTONIX TBEC PO 20 MG (Use pantoprazole sodium)	9	QL(1 EA daily)	DETROL TABS PO (Use tolterodine tartrate)	9	
PROTONIX TBEC PO 40 MG (Use pantoprazole sodium)	9		DITROPAN XL TB24 PO 5 MG, 10 MG (Use oxybutynin chloride)	9	
rabeprazole sodium TBEC PO	3	QL(1 EA daily)	fesoterodine fumarate	1	QL(1 EA daily); PA
Ulcer Drugs - Prostaglandins			oxybutynin chloride SOLN	1	
CYTOTEC PO (Use misoprostol)	9	QL(4 EA daily)	oxybutynin chloride TABS PO 5 MG	1	
misoprostol PO	1	QL(4 EA daily)	oxybutynin chloride TB24 PO	1	
Ulcer Therapy Combinations			solifenacin succinate TABS PO	1	QL(1 EA daily); PA
amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail	tolterodine tartrate CP24 PO	1	QL(1 EA daily)
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG	1	QL(1 EA daily); RX/OTC	tolterodine tartrate TABS PO	1	
ZEGERID OTC CAPS PO (Use omeprazole-sodium bicarbonate)	9	QL(1 EA daily); RX/OTC	TOVIAZ (Use fesoterodine fumarate)	9	QL(1 EA daily); PA
ZEGERID CAPS PO 1100 MG-20 MG (Use omeprazole-sodium bicarbonate)	9	QL(1 EA daily); RX/OTC	tropium chloride CP24 PO	1	QL(1 EA daily)
ZEGERID CAPS PO 1100 MG-40 MG (Use omeprazole-sodium bicarbonate)	NF		tropium chloride TABS PO	1	QL(3 EA daily)
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			VESICARE TABS PO (Use solifenacin succinate)	9	QL(1 EA daily); PA
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
darifenacin hydrobromide PO	1	QL(1 EA daily)	bethanechol chloride PO 25 MG	1	
			bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG	1	QL(4 EA daily)
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			flavoxate hcl PO	1	
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			VACCINES		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			Bacterial Vaccines		
darifenacin hydrobromide PO	1	QL(1 EA daily)	ACTHIB SOLR IM	0	
			BEXSERO	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
HIBERIX SOLR IJ	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENACTRA	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
TRUMENBA	0		FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<b>Viral Vaccines</b>			FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
COMIRNATY SUSP	0				
COMIRNATY SUSY	0				
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11	0	
HAVRIX	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
IPOL	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			ROTARIX SUSP	0	
			ROTARIX SUSR PO	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ROTATEQ SOLN PO	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail

#### VAGINAL AND RELATED PRODUCTS

Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
CLEOCIN CREA (Use clindamycin phosphate vaginal)	9	
clindamycin phosphate vaginal CREA	1	
clotrimazole vaginal CREA 1 %	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
GYNE-LOTRIMIN CREA (Use clotrimazole vaginal)	9	
metronidazole vaginal	1	
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	1	
terconazole vaginal CREA	1	
terconazole vaginal SUPP	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
hydrocortisone vaginal	1	QL(15.15 GM daily)
MONISTAT CARE INSTANT ITCH RLF (Use hydrocortisone vaginal)	9	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
ESTRACE CREA (Use estradiol vaginal)	9	QL(2 GM daily)
estradiol vaginal CREA	1	QL(2 GM daily)
estradiol vaginal TABS	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VAGIFEM TABS (Use estradiol vaginal)	9	

#### VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions

Anaphylaxis Therapy Agents		
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	1	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
EPIPEN 2-PAK SOAJ (Use epinephrine (anaphylaxis))	NF	
EPIPEN JR 2-PAK SOAJ (Use epinephrine (anaphylaxis))	9	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Vasopressors		
<i>midodrine hcl PO</i>	1	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS PO</i>	7	
<i>cholecalciferol TABS PO 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
DRISDOL CAPS PO ( <i>Use ergocalciferol</i> )	9	
<i>ergocalciferol CAPS PO</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR PO	1	
<i>niacinamide TABS PO 500 MG</i>	7	
<i>niacinamide TABS PO 100 MG</i>	1	
<i>niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG</i>	7	
<i>niacin TABS PO</i>	7	
<i>niacin TBCR PO</i>	7	
SLO-NIACIN TBCR PO ( <i>Use niacin</i> )	9	

# INDEX

abacavir sulfate SOLN PO .....	44	30 MG-300 MG .....	8	acyclovir CAPS PO .....	46
abacavir sulfate TABS PO .....	44	acetaminophen w/ codeine TABS PO		acyclovir SUSP PO .....	46
abacavir sulfate-lamivudine PO ...	44	60 MG-300 MG .....	8	acyclovir TABS PO .....	46
ABELCET .....	26	acetaminophen-caff-dihydrocod		acyclovir topical CREA .....	59
ABILIFY TABS PO (Use aripiprazole)		CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG	8	acyclovir topical OINT .....	59
.....	44	acetazolamide CP12 PO .....	63	ADACEL SUSP .....	89
abiraterone acetate 250 MG .....	37	acetazolamide sodium .....	63	adapalene CREA .....	54
abiraterone acetate 500 MG .....	37	acetazolamide TABS PO 125 MG	63	adapalene GEL .....	54
ABRAXANE 100 MG (Use paclitaxel		acetazolamide TABS PO 250 MG	63	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5	
protein-bound particles) .....	41	acetic acid (otic) .....	84	%-0.1 % .....	54
ABRYSVO .....	92	acetic acid 0.25 % .....	69	ADCETRIS .....	36
ABSORICA PO 10 MG, 20 MG, 30		acetylcysteine SOLN .....	54	ADCIRCA TABS PO (Use tadalafil	
MG, 40 MG (Use isotretinoin) .....	54	ACIPHEX TBEC PO (Use		(pulmonary hypertension)) .....	50
acamprosate calcium PO .....	86	rabeprazole sodium) .....	90	ADDERALL TABS PO 30 MG (Use	
acarbose PO .....	21	acitretin PO 10 MG, 17.5 MG	58	amphetamine-dextroamphetamine)	.1
ACCOLATE PO (Use zafirlukast) ..	12	acitretin PO 25 MG .....	58	ADDERALL TABS PO 5 MG, 7.5	
ACCUPRIL PO 20 MG, 40 MG (Use		ACTHAR GEL .....	65	MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	
quinapril hcl) .....	29	ACTHIB SOLR IM .....	91	(Use amphetamine-	
ACCUPRIL PO 5 MG, 10 MG (Use		ACTICLATE TABS PO (Use		dextroamphetamine) .....	1
quinapril hcl) .....	29	doxycycline hyclate) .....	89	ADDERALL XR CP24 PO 15 MG	
ACCURETIC PO 12.5 MG-10 MG		ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML ...	40	(Use amphetamine-	
(Use quinapril-hydrochlorothiazide)		ACTIQ LPOP (Use fentanyl citrate)	.6	dextroamphetamine) .....	1
30		ACTONEL TABS PO 150 MG (Use		ADDERALL XR CP24 PO 20 MG, 25	
ACCURETIC PO 12.5 MG-20 MG		risedronate sodium) .....	64	MG, 30 MG (Use amphetamine-	
(Use quinapril-hydrochlorothiazide)		ACTONEL TABS PO 35 MG (Use		dextroamphetamine) .....	1
30		risedronate sodium) .....	64	ADDERALL XR CP24 PO 5 MG, 10	
ACCURETIC PO 25 MG-20 MG (Use		ACTOPLUS MET TABS PO (Use		MG (Use amphetamine-	
quinapril-hydrochlorothiazide) .....	30	pioglitazone hcl-metformin hcl) ...	22	dextroamphetamine) .....	1
acebutolol hcl CAPS PO .....	47	ACTOS PO (Use pioglitazone hcl)	24	adefovir dipivoxil PO .....	46
acetaminophen w/ codeine SOLN PO		ACULAR (Use ketorolac		ADEMPAS PO .....	50
.....	8	tromethamine (ophth)) .....	84	ADIPEX-P CAPS PO (Use	
acetaminophen w/ codeine TABS PO		ACULAR LS (Use ketorolac		phentermine hcl) .....	1
15 MG-300 MG .....	8	tromethamine (ophth)) .....	84	ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5	
acetaminophen w/ codeine TABS PO				MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	89
				ADVAIR DISKUS AEPB (Use	

fluticasone-salmeterol) .....12	hydrochlorothiazide) ..... 63	alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG ..... 10
ADVAIR HFA AERO (Use fluticasone-salmeterol) .....12	ALDACTONE TABS PO (Use spironolactone) ..... 64	alprazolam TABS PO 2 MG .....10
ADVATE .....70	ALDURAZYME ..... 65	alprazolam TB24 PO .....10
ADYNOVATE .....70	ALECENSA .....38	alprazolam TBDP PO ..... 11
AFINITOR TABS (Use everolimus) 38	alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG ..... 64	ALPROLIX .....70
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY .....92	alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG ..... 64	ALREX SUSP (Use loteprednol etabonate) ..... 83
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 92	alfuzosin hcl PO ..... 69	ALTABAX .....56
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML .....92	ALIMTA SOLR 500 MG (Use pemetrexed disodium) ..... 35	ALTACE CAPS PO 1.25 MG, 2.5 MG, 5 MG, 10 MG (Use ramipril) ..29
AFLURIA SUSP .....92	ALINIA SUSR PO .....32	ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT ..... 70
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT .....70	ALINIA TABS PO (Use nitazoxanide) 32	ALUNBRIG TABS PO ..... 38
AGRYLIN PO 0.5 MG (Use anagrelide hcl) ..... 70	aliskiren fumarate PO .....31	ALUNBRIG TBPK .....38
AIMOVIG .....75	ALKERAN IV (Use melphalan hcl) .35	ALVESCO ..... 12
AIMSCO LUBRICATED MISC ....74	ALKERAN PO (Use melphalan) ...35	alvimopan PO .....68
AKYNZEO PO ..... 25	allopurinol PO 100 MG, 300 MG ..69	amantadine hcl CAPS PO ..... 41
albendazole PO .....10	almotriptan malate PO 12.5 MG ...76	amantadine hcl SOLN ..... 41
albuterol sulfate AERS .....12	almotriptan malate PO 6.25 MG ...76	amantadine hcl TABS PO ..... 41
albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML ..... 13	ALOCRIL ..... 84	AMARYL PO 1 MG, 2 MG (Use glimepiride) ..... 24
albuterol sulfate NEBU .....13	alogliptin benzoate 12.5 MG .....23	AMARYL PO 4 MG (Use glimepiride) 24
albuterol sulfate SYRP PO .....13	alogliptin benzoate 25 MG .....23	AMBIEN CR TBCR PO (Use zolpidem tartrate) ..... 72
albuterol sulfate TABS PO .....13	alogliptin-metformin hcl ..... 22	AMBIEN TABS PO (Use zolpidem tartrate) .....72
ALCAINE (Use proparacaine hcl) .83	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....22	AMBISOME (Use amphotericin b liposome) .....26
alclometasone dipropionate CREA 59	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG ..... 22	ambrisentan PO .....50
alclometasone dipropionate OINT .59	ALOMIDE .....84	amcinonide CREA ..... 59
ALDACTAZIDE PO (Use spironolactone &	alose tron hcl PO ..... 68	
	ALPHAGAN P 0.15 % (Use brimonidine tartrate) ..... 82	

amcinonide LOTN .....59	PO .....85	ANAPROX DS TABS PO (Use naproxen sodium) .....4
amcinonide OINT .....59	amoxicillin CAPS PO .....85	anastrozole PO .....37
AMICAR TABS PO (Use aminocaproic acid) .....71	amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG .....85	ANCOBON PO (Use flucytosine) ..26
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....3	AMOXICILLIN SUSR PO (Use amoxicillin) .....85	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....9
amiloride & hydrochlorothiazide PO 63	amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML 85	ANNOVERA .....52
amiloride hcl TABS PO .....64	amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML .....85	ANORO ELLIPTA .....13
aminocaproic acid TABS PO .....71	amoxicillin TABS PO .....85	ANTARA PO 30 MG, 90 MG (Use fenofibrate micronized) .....28
aminophylline SOLN .....14	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK .....91	ANUSOL-HC EX (Use hydrocortisone (rectal)) .....9
amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 11	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG .....1	ANZEMET TABS PO 50 MG .....25
amiodarone hcl TABS PO .....11	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG ...1	APIDRA SOLN .....23
AMITIZA PO (Use lubiprostone) ...68	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG .....1	APIDRA SOLOSTAR SOPN .....23
amitriptyline hcl TABS PO .....21	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG .....1	apomorphine hydrochloride SOCT 41
amlodipine besylate TABS PO ....48	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 10 MG .....1	apraclonidine hcl .....82
amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO .....49	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG .....1	aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG .....25
amlodipine besylate-benazepril hcl PO .....30	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG .....1	aprepitant CAPS PO 80 MG .....25
amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO .....30	amphotericin b IV .....26	aprepitant CAPS PO .....25
amlodipine besylate-valsartan PO .30	amphotericin b liposome .....26	aprepitant MISC PO .....25
amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO .....30	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM .....85	APRISO CP24 (Use mesalamine) .68
amoxapine PO .....21	ampicillin CAPS PO 500 MG .....85	APTENSIO XR CP24 PO (Use methylphenidate hcl) .....2
amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO .....85	ampicillin sodium IJ 1 GM .....85	APTIVUS CAPS .....44
amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO .....85	AMPYRA (Use dalfampridine) ....87	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....71
amoxicillin & pot clavulanate TABS PO .....85	ANAFRANIL PO (Use clomipramine hcl) .....21	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...71
amoxicillin & pot clavulanate TB12	anagrelide hcl PO .....70	

ARAVA PO (Use leflunomide) . . . . .	6	asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 43	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML . . . . .	89	
ARCALYST . . . . .	4	aspirin CHEW PO . . . . .	6	ATROVENT HFA . . . . .	12
AREXVY . . . . .	92	aspirin TABS PO 325 MG . . . . .	6	AUBAGIO PO (Use teriflunomide) .87	
arformoterol tartrate . . . . .	13	aspirin TBEC PO 325 MG . . . . .	6	AUGMENTIN ES-600 SUSR PO (Use amoxicillin & pot clavulanate) 86	
ARICEPT TABS PO 10 MG (Use donepezil hydrochloride) . . . . .	86	aspirin TBEC PO 81 MG . . . . .	6	AUGMENTIN TABS PO 125 MG-500 MG (Use amoxicillin & pot clavulanate) . . . . .	86
ARICEPT TABS PO 5 MG, 23 MG (Use donepezil hydrochloride) . . . . .	86	aspirin-dipyridamole PO . . . . .	70	AUSTEDO TABS . . . . .	87
ARIKAYCE . . . . .	3	ATACAND HCT PO (Use candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide) . . . . .	30	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK . . . . .	87
ARIMIDEX PO (Use anastrozole) . 37		ATACAND PO (Use candesartan cilexetil) . . . . .	29	AUSTEDO XR TB24 . . . . .	87
aripiprazole SOLN PO . . . . .	44	atazanavir sulfate CAPS PO . . . . .	44	AVALIDE PO (Use irbesartan- hydrochlorothiazide) . . . . .	30
aripiprazole TABS PO . . . . .	44	ATELVIA TBEC PO (Use risedronate sodium) . . . . .	64	avanafil PO . . . . .	49
ARIXTRA 10 MG/0.8ML (Use fondaparinux sodium) . . . . .	14	atenolol & chlorthalidone PO . . . . .	30	AVAPRO PO (Use irbesartan) . . . . .	29
ARIXTRA 2.5 MG/0.5ML (Use fondaparinux sodium) . . . . .	14	atenolol TABS PO . . . . .	47	AVAR-E LS CREA (Use sulfacetamide sodium w/ sulfur) . . . 54	
ARIXTRA 5 MG/0.4ML (Use fondaparinux sodium) . . . . .	14	ATGAM . . . . .	78	AVODART PO (Use dutasteride) . .69	
ARIXTRA 7.5 MG/0.6ML (Use fondaparinux sodium) . . . . .	14	ATIVAN TABS PO 0.5 MG, 2 MG (Use lorazepam) . . . . .	11	AVONEX PEN AJKT . . . . .	87
armodafinil PO . . . . .	2	ATIVAN TABS PO 1 MG (Use lorazepam) . . . . .	11	AVONEX PREFILLED PSKT . . . . .	87
ARMOUR THYROID TABS PO . . .89		atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG . . . . .	2	AYGESTIN TABS PO (Use norethindrone acetate) . . . . .	86
ARNUITY ELLIPTA . . . . .	12	atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG . . . . .	1	AYVAKIT . . . . .	38
AROMASIN PO (Use exemestane) 37		atorvastatin calcium TABS PO . . . . .	28	azacitidine SUSR . . . . .	36
ARRANON (Use nelarabine) . . . . .	35	atovaquone PO . . . . .	32	AZATHIOPRINE SODIUM . . . . .	78
arsenic trioxide 10 MG/10ML . . . . .	40	atovaquone-proguanil hcl PO . . . . .	33	azathioprine TABS PO . . . . .	78
ARTHROTEC TBEC PO (Use diclofenac w/ misoprostol) . . . . .	5	atracurium besylate 50 MG/5ML . .82		azelaic acid GEL . . . . .	62
ARZERRA . . . . .	36	ATRIPLA PO (Use efavirenz- emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate) . . . . .	44	azelastine hcl (ophth) . . . . .	84
ASACOL HD TBEC PO (Use mesalamine) . . . . .	68	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML . . . . .	89	azelastine hcl . . . . .	81
asenapine maleate 2.5 MG . . . . .	43			AZELEX . . . . .	54
				AZILECT PO (Use rasagiline	

mesylate) .....42	BAXDELA SOLR .....67	benztropine mesylate TABS PO ...41
azithromycin PACK PO .....73	BAXDELA TABS .....67	bepotastine besilate .....84
azithromycin SOLR .....73	BELSOMRA .....72	BEPREVE (Use bepotastine besilate) .....84
azithromycin SUSR PO .....73	BENADRYL ALLERGY CHILDRENS LIQD PO (Use diphenhydramine hcl) 26	betaine PO .....65
azithromycin TABS PO 250 MG ...73	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...30	betamethasone dipropionate (topical) CREA .....59
azithromycin TABS PO 500 MG ...73	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..30	betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....59
azithromycin TABS PO 600 MG ...73	benazepril hcl PO .....29	betamethasone dipropionate (topical) OINT .....59
AZOPT (Use brinzolamide) .....84	benazepril hcl PO .....29	betamethasone dipropionate augmented CREA .....59
AZOR PO (Use amlodipine besylate-olmesartan medoxomil) .....30	bendamustine hcl SOLR .....35	betamethasone dipropionate augmented LOTN .....59
AZULFIDINE EN-TABS TBEC PO (Use sulfasalazine) .....68	BENEFIX KIT .....70	betamethasone dipropionate augmented OINT .....59
AZULFIDINE TABS PO (Use sulfasalazine) .....68	BENICAR HCT PO (Use olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide) ...30	betamethasone dipropionate augmented CREA ...59
bacitracin (ophthalmic) .....82	BENICAR PO (Use olmesartan medoxomil) .....29	betamethasone valerate CREA ...59
bacitracin .....32	BENZAMYCIN GEL (Use benzoyl peroxide-erythromycin) .....55	betamethasone valerate FOAM ...59
baclofen TABS PO .....81	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .55	betamethasone valerate LOTN ....59
BACTRIM DS TABS PO (Use sulfamethoxazole-trimethoprim) ...32	BENZEPRO FOAM 5.3 % .....55	betamethasone valerate OINT ....59
BACTRIM TABS PO (Use sulfamethoxazole-trimethoprim) ...32	benzonatate PO 100 MG .....54	BETAPACE AF PO (Use sotalol hcl (afib/afI)) .....48
BALCOLTRA PO (Use levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .51	benzonatate PO 150 MG .....54	BETAPACE TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG (Use sotalol hcl) .....48
balsalazide disodium CAPS PO ...68	benzonatate PO 200 MG .....54	BETASERON KIT .....87
BALVERSA .....38	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....55	betaxolol hcl (ophth) SOLN .....82
BANZEL SUSP (Use rufinamide) ..16	benzoyl peroxide GEL 10 % .....55	betaxolol hcl PO .....47
BANZEL TABS PO 200 MG (Use rufinamide) .....16	benzoyl peroxide GEL 5 % .....55	bethanechol chloride PO 25 MG ...91
BANZEL TABS PO 400 MG (Use rufinamide) .....16	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .55	bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG .....91
BARACLUDE TABS PO (Use entecavir) .....46	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .55	bexarotene (topical) .....57
	benztropine mesylate SOLN .....41	bexarotene PO .....40

BEXSERO .....	91	BRILINTA PO .....	70	phenylbutyrate) .....	65
BEYAZ PO (Use drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium) .....	51	brimonidine tartrate (topical) .....	62	BUPRENEX SOLN (Use buprenorphine hcl) .....	9
bicalutamide PO .....	37	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % .....	82	buprenorphine hcl SOLN .....	9
BICNU (Use carmustine) .....	35	brimonidine tartrate-timolol maleate . 82		buprenorphine hcl SUBL .....	9
BIDIL PO (Use isosorbide dinitrate-hydralazine hcl) .....	49	brinzolamide .....	84	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL .....	9
BIJUVA .....	67	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML .....	16	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL .....	9
BIKTARVY .....	44	BRIVIACT TABS .....	16	buprenorphine PTWK .....	9
BILTRICIDE PO (Use praziquantel) 10		BRIXADI (WEEKLY) SOSY .....	9	bupropion hcl (smoking deterrent) PO .....	88
bimatoprost SOLN .....	84	BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML .....	9	bupropion hcl TABS PO .....	19
bisacodyl SUPP PR .....	72	bromfenac sodium (ophth) .....	84	bupropion hcl TB12 PO 100 MG .....	19
bisacodyl TBEC PO .....	72	bromocriptine mesylate CAPS PO .....	42	bupropion hcl TB12 PO 150 MG .....	19
bisoprolol & hydrochlorothiazide PO . 30		bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG .....	42	bupropion hcl TB12 PO 200 MG .....	19
bisoprolol fumarate PO .....	47	BROMSITE (Use bromfenac sodium (ophth)) .....	84	bupropion hcl TB24 PO 150 MG .....	19
bleomycin sulfate 15 UNIT .....	38	BROVANA (Use arformoterol tartrate) .....	13	bupropion hcl TB24 PO 300 MG .....	19
BOOSTRIX SUSP .....	89	BRUKINSA .....	39	bupirone hcl PO 5 MG .....	10
BOOSTRIX SUSY .....	89	budesonide (inhalation) SUSP .....	12	bupirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	10
bortezomib SOLR IJ .....	39	budesonide (intrarectal) .....	9	busulfan SOLN .....	35
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG .....	39	budesonide (nasal) .....	81	BUSULFEX SOLN (Use busulfan) .....	35
bosentan TABS 125 MG .....	50	budesonide CPEP PO .....	53	butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG .....	6
bosentan TABS 62.5 MG .....	50	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....	13	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG .....	6
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG .....	39	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML .....	64	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG .....	6
BOSULIF TABS 400 MG .....	39	bumetanide TABS PO .....	64	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG .....	6
BRAFTOVI PO 75 MG .....	39	BUMEX TABS PO 0.5 MG (Use bumetanide) .....	64	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	8
BREO ELLIPTA (Use fluticasone furoate-vilanterol) .....	13	BUPHENYL POWD PO (Use sodium phenylbutyrate) .....	65		
BREO ELLIPTA .....	13	BUPHENYL TABS PO (Use sodium			
BREZTRI AEROSPHERE .....	13				



butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG- 325 MG .....	8	calcitriol (topical) .....	58	carbamazepine SUSP PO .....	16
butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO	6	calcitriol CAPS PO .....	65	carbamazepine TABS PO .....	16
butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO	8	calcitriol SOLN IV .....	65	carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG .....	16
butenafine hcl .....	56	calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO .....	68	carbamazepine TB12 PO 200 MG	.16
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	9	calcium acetate (phosphate binder) TABS PO .....	68	CARBATROL CP12 PO 100 MG (Use carbamazepine) .....	16
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	.9	calcium chloride (dihydrate) SOLN	77	CARBATROL CP12 PO 200 MG (Use carbamazepine) .....	16
BUTRANS PTWK (Use buprenorphine) .....	9	calcium polycarbophil TABS PO ...	72	CARBATROL CP12 PO 300 MG (Use carbamazepine) .....	16
BYSTOLIC PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG (Use nebivolol hcl) .....	47	CALQUENCE .....	39	carbidopa PO .....	41
BYSTOLIC PO 20 MG (Use nebivolol hcl) .....	47	CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (Use irinotecan hcl) .....	41	carbidopa-levodopa TABS PO ....	42
cabergoline PO .....	66	CANASA SUPP PR (Use mesalamine) .....	68	carbidopa-levodopa TBCR PO ....	42
CABOMETYX TABS PO .....	39	CANCIDAS (Use caspofungin acetate) .....	26	carbidopa-levodopa TBDP PO ....	42
CADUET PO 10 MG-10 MG, 10 MG- 20 MG, 10 MG-40 MG, 10 MG-80 MG, 5 MG-10 MG, 5 MG-20 MG, 5 MG-40 MG, 5 MG-80 MG (Use amlodipine besylate-atorvastatin calcium) .....	49	candesartan cilexetil PO .....	29	carbidopa-levodopa-entacapone PO .	42
CAFERGOT TABS PO (Use ergotamine w/ caffeine) .....	75	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide PO .....	30	carbinoxamine maleate SOLN PO	.26
CALAN SR TBCR PO (Use verapamil hcl) .....	48	capecitabine PO .....	36	carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG .....	26
calcipotriene CREA .....	58	CAPRELSA PO .....	39	carboplatin SOLN 50 MG/5ML ....	35
calcipotriene OINT .....	58	captopril PO 12.5 MG .....	29	CARDIZEM CD CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG (Use diltiazem hcl coated beads) .....	48
calcipotriene SOLN .....	58	captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	29	CARDIZEM CD CP24 PO 180 MG, 240 MG (Use diltiazem hcl coated beads) .....	48
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	59	CARAFATE SUSP PO (Use sucralfate) .....	90	CARDIZEM LA TB24 (Use diltiazem hcl) .....	48
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	59	CARAFATE TABS PO (Use sucralfate) .....	90	CARDIZEM TABS PO 30 MG, 60 MG, 120 MG (Use diltiazem hcl) ...	48
calcitonin (salmon) NA .....	64	carbamazepine CHEW PO 100 MG 16		CARDURA PO (Use doxazosin mesylate) .....	30
		carbamazepine CP12 PO 100 MG	16	carisoprodol TABS PO .....	81
		carbamazepine CP12 PO 200 MG	16		
		carbamazepine CP12 PO 300 MG	16		

carmustine .....	35	cefpodoxime proxetil TABS PO ....	51	TBPK (Use varenicline tartrate) ....	88
carteolol hcl (ophth) .....	82	cefprozil SUSR PO .....	51	CHEMET PO .....	24
carvedilol phosphate PO .....	47	cefprozil TABS PO .....	51	CHEMSTRIP K STRP .....	63
carvedilol PO .....	47	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	51	CHILDRENS ADVIL SUSP PO 100	
CASODEX PO (Use bicalutamide) 37		ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,		MG/5ML (Use ibuprofen) .....	5
casopfungin acetate .....	26	500 MG .....	51	CHILDRENS MOTRIN SUSP PO 100	
CATAPRES-TTS-1 PTWK (Use		ceftriaxone sodium IJ 250 MG ....	51	MG/5ML (Use ibuprofen) .....	5
clonidine) .....	30	cefuroxime axetil TABS PO .....	51	chloramphenicol sodium succinate	
CATAPRES-TTS-2 PTWK (Use		cefuroxime sodium IJ 750 MG ....	51	32	
clonidine) .....	30	CELEBREX PO (Use celecoxib) ....	5	chlordiazepoxide hcl CAPS PO ....	11
CATAPRES-TTS-3 PTWK (Use		celecoxib PO .....	5	chlordiazepoxide hcl-clidinium	
clonidine) .....	30	CELEXA TABS PO 10 MG (Use		bromide PO .....	89
CAYA DPRH .....	74	citalopram hydrobromide) .....	19	chlordiazepoxide-amitriptyline PO .	87
CAYSTON .....	33	CELEXA TABS PO 20 MG (Use		chlorhexidine gluconate (mouth-	
cefaclor CAPS PO .....	51	citalopram hydrobromide) .....	19	throat) .....	79
cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250		CELEXA TABS PO 40 MG (Use		chloroquine phosphate TABS PO 250	
MG/5ML, 375 MG/5ML .....	51	citalopram hydrobromide) .....	19	MG .....	34
cefadroxil CAPS PO .....	50	CELLCEPT CAPS PO (Use		chloroquine phosphate TABS PO 500	
cefadroxil SUSR PO .....	51	mycophenolate mofetil) .....	78	MG .....	34
cefadroxil TABS PO .....	51	CELLCEPT TABS PO (Use		chlorpromazine hcl SOLN .....	44
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10		mycophenolate mofetil) .....	78	chlorpromazine hcl TABS PO ....	44
GM, 500 MG .....	51	CELONTIN (Use methsuximide) ..	18	chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG .	64
cefdinir CAPS PO .....	51	cephalexin CAPS PO .....	51	chlorzoxazone TABS PO 500 MG .	81
cefdinir SUSR PO .....	51	cephalexin SUSR PO .....	51	chlorzoxazone TABS PO 750 MG .	81
cefepime hcl SOLR IJ 1 GM .....	51	CERDELGA .....	70	CHOLBAM .....	67
cefixime CAPS PO .....	51	CEREBYX (Use fosphenytoin		cholecalciferol CAPS PO .....	95
cefixime SUSR PO .....	51	sodium) .....	18	cholecalciferol TABS PO 10 MCG,	
CEFOTAN IJ (Use cefotetan		CEREZYME 400 UNIT .....	70	400 UNIT .....	95
disodium) .....	51	cetirizine hcl TABS PO .....	26	cholestyramine light PACK PO ....	27
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM		CETRAXAL (Use ciprofloxacin hcl		cholestyramine light POWD PO ...	27
51		(otic)) .....	84	cholestyramine PACK PO .....	27
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	51	cevimeline hcl PO .....	80	cholestyramine POWD PO .....	28
cefpodoxime proxetil SUSR PO ...	51	CHANTIX STARTING MONTH PAK		choline fenofibrate PO .....	28

CHORIONIC GONADOTROPIN IM 65	citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG ..... 19	CLEOCIN PO (Use clindamycin hcl) . 33
CIALIS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG (Use tadalafil) ..... 49	citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG ..... 19	CLEOCIN PO (Use clindamycin palmitate hydrochloride) ..... 33
CIALIS PO 5 MG (Use tadalafil) ... 49	citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG ..... 20	CLEOCIN-T LOTN (Use clindamycin phosphate (topical)) ..... 55
ciclopirox GEL ..... 56	CLARINEX TABS PO (Use desloratadine) ..... 27	CLIMARA PRO ..... 67
ciclopirox olamine CREA ..... 56	clarithromycin SUSR PO ..... 73	CLIMARA PTWK 0.025 MG/24HR, 0.0375 MG/24HR, 0.05 MG/24HR, 0.06 MG/24HR, 0.075 MG/24HR, 0.1 MG/24HR (Use estradiol) ..... 67
ciclopirox olamine SUSP ..... 56	clarithromycin TABS PO ..... 73	CLINDAGEL GEL (Use clindamycin phosphate (topical)) ..... 55
ciclopirox SHAM ..... 56	clarithromycin TB24 PO ..... 73	clindamycin hcl PO ..... 33
ciclopirox SOLN ..... 56	CLARITIN ALLERGY CHILDRENS SOLN PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin palmitate hydrochloride PO ..... 33
cidofovir ..... 46	CLARITIN CAPS PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate (topical) FOAM ..... 55
cilostazol PO ..... 70	CLARITIN CHEW PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate (topical) GEL 55
CILOXAN SOLN (Use ciprofloxacin hcl (ophth)) ..... 82	CLARITIN CHILDRENS CHEW PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate (topical) LOTN ..... 55
CIMDUO ..... 44	CLARITIN REDITABS JUNIORS TBDP PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate (topical) SOLN ..... 55
cimetidine TABS PO ..... 90	CLARITIN REDITABS TBDP PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate (topical) SWAB ..... 55
cinacalcet hcl PO ..... 65	CLARITIN SOLN PO (Use loratadine) ..... 27	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML ..... 33
CIPRO TABS PO 250 MG, 500 MG (Use ciprofloxacin hcl) ..... 67	CLASSIC PRENATAL TABS PO .. 80	clindamycin phosphate vaginal CREA ..... 94
CIPRODEX (Use ciprofloxacin- dexamethasone) ..... 84	clemastine fumarate SYRP PO ... 26	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) ..... 55
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN .... 82	clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG ..... 26	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % ..... 55
ciprofloxacin hcl (otic) ..... 84	CLEOCIN CREA (Use clindamycin phosphate vaginal) ..... 94	clindamycin phosphate-tretinoin .. 55
ciprofloxacin hcl TABS PO ..... 67	CLEOCIN PHOSPHATE SOLN IJ (Use clindamycin phosphate) ..... 33	
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 67		
ciprofloxacin SUSR PO ..... 67		
ciprofloxacin-dexamethasone ..... 85		
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 85		
cisplatin SOLN 100 MG/100ML .... 35		
citalopram hydrobromide SOLN PO 19		

CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ...82	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...94	hcl) ..... 28
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .82	clotrimazole w/ betamethasone CREA .....56	colestipol hcl GRAN PO ..... 28
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...82	clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....56	colestipol hcl PACK PO .....28
clobazam SUSP .....15	clozapine TABS PO .....43	colestipol hcl TABS PO .....28
clobazam TABS PO .....15	clozapine TBDP PO 100 MG ..... 43	COMBIGAN (Use brimonidine tartrate-timolol maleate) ..... 82
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 60	clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG ..... 43	COMBIVIR PO (Use lamivudine- zidovudine) .....44
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....59	clozapine TBDP PO 25 MG .....43	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT ..... 39
clobetasol propionate FOAM ..... 60	CLOZARIL TABS PO (Use clozapine) ..... 43	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT ..... 39
clobetasol propionate GEL 0.05 % 60	COARTEM ..... 34	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT ..... 39
clobetasol propionate OINT 0.05 % 60	codeine sulfate TABS PO 30 MG ...6	COMIRNATY SUSP ..... 92
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 60	CODEINE SULFATE TABS PO ....6	COMIRNATY SUSY ..... 92
clocortolone pivalate ..... 60	COLACE CAPS PO 100 MG (Use docusate sodium) ..... 73	COMPLERA .....45
CLODERM (Use clocortolone pivalate) .....60	COLAZAL CAPS PO (Use balsalazide disodium) .....68	COMTAN PO (Use entacapone) .. 41
clofarabine .....36	colchicine TABS PO ..... 69	CONCERTA TBCR PO 18 MG, 27 MG (Use methylphenidate hcl) .....2
CLOLAR (Use clofarabine) .....36	colchicine w/ probenecid PO .....69	CONCERTA TBCR PO 36 MG, 54 MG (Use methylphenidate hcl) .....2
clomipramine hcl PO .....21	COLCRYS TABS PO (Use colchicine) .....70	CONTRACE PO .....1
clonazepam TABS PO .....15	colesevelam hcl PACK .....28	COPAXONE SOSY 20 MG/ML (Use glatiramer acetate) .....87
clonidine hcl (adhd) TB12 PO .....2	colesevelam hcl TABS PO .....28	COPAXONE SOSY 40 MG/ML (Use glatiramer acetate) .....87
clonidine hcl TABS PO .....30	COLESTID FLAVORED GRAN PO (Use colestipol hcl) .....28	COPIKTRA PO .....39
clonidine PTWK .....30	COLESTID FLAVORED PACK PO (Use colestipol hcl) .....28	CORDRAN CREA (Use flurandrenolide) ..... 60
clopidogrel bisulfate PO 300 MG ..70	COLESTID GRAN PO (Use colestipol hcl) .....28	CORDRAN LOTN (Use flurandrenolide) ..... 60
clopidogrel bisulfate PO 75 MG ...70	COLESTID PACK PO (Use colestipol hcl) ..... 28	CORDRAN TAPE .....60
clorazepate dipotassium TABS PO 11	COLESTID TABS PO (Use colestipol	COREG CR PO (Use carvedilol
clotrimazole (topical) CREA .....56		
clotrimazole (topical) SOLN .....56		
clotrimazole .....79		

phosphate) .....	47	cromolyn sodium NEBU .....	12	STARTER AJKT .....	4
COREG PO (Use carvedilol) .....	47	crotamiton LOTN .....	62	CYMBALTA CPEP PO (Use duloxetine hcl) .....	21
CORGARD TABS PO 20 MG (Use nadolol) .....	48	CUBICIN RF (Use daptomycin) ...	32	cyproheptadine hcl SYRP PO .....	27
CORGARD TABS PO 40 MG (Use nadolol) .....	48	CUPRIMINE CAPS PO (Use penicillamine) .....	78	cyproheptadine hcl TABS PO .....	27
CORGARD TABS PO 80 MG (Use nadolol) .....	48	CVS PRENATAL TABS PO 100 MG- 2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .	80	CYSTADANE PO (Use betaine) ...	65
CORLANOR TABS PO (Use ivabradine hcl) .....	50	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	71	CYSTAGON CAPS PO .....	69
CORTEF TABS PO (Use hydrocortisone) .....	53	cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG .....	81	CYSTARAN .....	84
CORTENEMA PR (Use hydrocortisone (intrarectal)) .....	9	cyclophosphamide CAPS .....	35	cytarabine SOLN .....	36
CORTISPORIN-TC .....	85	cyclophosphamide SOLR IJ .....	35	CYTOMEL TABS PO (Use liothyronine sodium) .....	89
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 58		cycloserine PO .....	35	CYTOTEC PO (Use misoprostol) .	91
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ .....	58	cyclosporine (ophth) EMUL .....	83	dabigatran etexilate mesylate CAPS PO .....	15
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	58	cyclosporine CAPS PO .....	78	dacarbazine SOLR 200 MG .....	40
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	58	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO .....	78	dactinomycin .....	38
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	58	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO .....	78	dalfampridine .....	87
COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	58	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	78	DALIRESP PO (Use roflumilast) ...	12
COSMEGEN (Use dactinomycin) .	38	CYKLOKAPRON SOLN (Use tranexamic acid) .....	71	danazol CAPS PO .....	9
COSOPT (Use dorzolamide hcl- timolol maleate) .....	82	CYLTEZO (2 PEN) AJKT .....	3	DANTRIUM CAPS PO 25 MG (Use dantrolene sodium) .....	81
COZAAR PO (Use losartan potassium) .....	29	CYLTEZO (2 PEN) AJKT .....	4	dantrolene sodium CAPS PO .....	81
CREON CPEP PO .....	63	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML .....	4	dapagliflozin propanediol PO .....	24
CRESEMBA CAPS 186 MG .....	26	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	4	dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG .....	22
CRESTOR TABS PO (Use rosuvastatin calcium) .....	28	CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT .....	4	dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG .....	22
cromolyn sodium (ophth) .....	84	CYLTEZO-PSORIASIS/UV		dapsone PO .....	33

darifenacin hydrobromide PO .....91	DEPAKOTE ER TB24 PO (Use divalproex sodium) .....18	desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG ..... 66
darunavir TABS .....45	DEPAKOTE TBEC PO (Use divalproex sodium) .....18	desogestrel & ethinyl estradiol PO .51
dasatinib .....39	DEPEN TITRATABS TABS PO (Use penicillamine) ..... 78	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO ..... 51
DAURISMO .....37	DEPO-ESTRADIOL .....67	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO ..... 51
DAYPRO TABS PO (Use oxaprozin) . 5	DEPO-MEDROL SUSP (Use methylprednisolone acetate) .....53	desonide CREA .....60
DAYTRANA PTCH (Use methylphenidate) .....2	DEPO-MEDROL SUSP .....53	desonide LOTN ..... 60
DDAVP PF SOLN IJ (Use desmopressin acetate) .....66	DEPO-PROVERA SUSP IM (Use medroxyprogesterone acetate (contraceptive)) ..... 53	desonide OINT .....60
DDAVP SOLN IJ 4 MCG/ML (Use desmopressin acetate) .....66	DEPO-PROVERA SUSY IM (Use medroxyprogesterone acetate (contraceptive)) ..... 53	DESOWEN CREA (Use desonide) 60
DDAVP TABS PO 0.1 MG (Use desmopressin acetate) .....66	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....53	desoximetasone CREA 0.25 % ....60
DDAVP TABS PO 0.2 MG (Use desmopressin acetate) .....66	DERMA-SMOOTH/FS BODY OIL (Use fluocinolone acetonide) ..... 60	desoximetasone GEL .....60
DEBACTEROL .....79	DERMA-SMOOTH/FS SCALP OIL (Use fluocinolone acetonide) ..... 60	desoximetasone OINT 0.25 % .....60
decitabine .....36	DERMOTIC (Use fluocinolone acetonide (otic)) .....85	DESOXYN PO (Use methamphetamine hcl) .....1
deferasirox PACK .....24	desipramine hcl TABS PO .....21	desvenlafaxine succinate PO 100 MG ..... 21
deferasirox TABS PO .....24	desloratadine TABS PO ..... 27	desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG .....21
deferasirox TBSO .....24	desloratadine TBDP PO 2.5 MG ..27	DETROL LA CP24 PO (Use tolterodine tartrate) .....91
deflazacort SUSP PO .....53	desmopressin acetate SOLN IJ ...66	DETROL TABS PO (Use tolterodine tartrate) .....91
deflazacort TABS PO .....53	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....66	dexamethasone ELIX PO .....53
DELESTROGEN (Use estradiol valerate) .....67	desmopressin acetate spray .....66	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....53
DELSTRIGO .....45	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % .....66	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....83
DELZICOL CPDR PO (Use mesalamine) .....68	desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG .....66	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....53
demeclocycline hcl TABS PO .....89		dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML .....53
DEMEROL SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML (Use meperidine hcl) .....6		
DENAVIR (Use penciclovir) .....59		

dexamethasone SOLN PO .....	53	diazepam CONC .....	11	fluconazole) .....	26
dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG .....	53	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML ...	11	DIFLUCAN TABS PO 100 MG, 150 MG, 200 MG (Use fluconazole) ...	26
dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	53	diazepam TABS PO .....	11	diflunisal TABS PO .....	6
dexchlorpheniramine maleate SOLN .	26	diazoxide .....	23	difluprednate .....	83
DEXEDRINE CP24 PO 10 MG, 15 MG (Use dextroamphetamine sulfate)	1	DIBENZYLINE PO (Use phenoxybenzamine hcl) .....	29	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML ....	49
DEXILANT PO (Use dexlansoprazole) .....	90	dichlorphenamide PO .....	63	digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	49
dexlansoprazole PO .....	90	DICLEGIS TBEC PO (Use doxylamine-pyridoxine) .....	25	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	76
dexmethylphenidate hcl CP24 PO ..	2	diclofenac epolamine PTCH EX ...	57	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	76
dexmethylphenidate hcl TABS PO ..	2	diclofenac potassium TABS PO 50 MG .....	5	DILANTIN INFATABS CHEW PO (Use phenytoin) .....	18
dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG .....	1	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	58	DILANTIN PO (Use phenytoin sodium extended) .....	18
dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG .....	1	diclofenac sodium (ophth) .....	84	DILANTIN PO .....	18
dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .....	1	diclofenac sodium (topical) GEL EX 57		DILANTIN SUSP PO (Use phenytoin) .....	18
dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG .....	1	diclofenac sodium TB24 PO .....	5	DILANTIN-125 SUSP PO (Use phenytoin) .....	18
dextrose in lactated ringers .....	77	diclofenac sodium TBEC PO .....	5	DILAUDID LIQD PO (Use hydromorphone hcl) .....	6
DIACOMIT CAPS 250 MG .....	16	diclofenac sodium TBEC PO .....	5	DILAUDID TABS PO (Use hydromorphone hcl) .....	6
DIACOMIT CAPS 500 MG .....	16	dicloxacillin sodium PO .....	86	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	48
DIACOMIT PACK 250 MG .....	16	dicyclomine hcl CAPS PO .....	90	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG .....	48
DIACOMIT PACK 500 MG .....	16	dicyclomine hcl SOLN PO .....	90	diltiazem hcl CP12 PO .....	48
DIASTAT ACUDIAL GEL PR (Use diazepam (anticonvulsant)) .....	15	dicyclomine hcl TABS PO .....	90	diltiazem hcl CP24 PO .....	48
DIASTAT PEDIATRIC GEL PR (Use diazepam (anticonvulsant)) .....	15	DIFFERIN CREA (Use adapalene) 55		diltiazem hcl extended release beads PO .....	48
diazepam (anticonvulsant) GEL PR 15		DIFFERIN GEL (Use adapalene) ..	55	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	48
		DIFFERIN LOTN .....	55		
		DIFICID TABS .....	74		
		diflorasone diacetate CREA .....	60		
		diflorasone diacetate OINT .....	60		
		DIFLUCAN SUSR PO (Use			

DILTIAZEM HCL SOLR .....	48	divalproex sodium TBEC PO .....	18	doxercalciferol CAPS PO .....	66
diltiazem hcl TABS PO .....	48	DIVIGEL GEL (Use estradiol) .....	67	doxercalciferol SOLN .....	66
diltiazem hcl TB24 .....	48	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML (Use docetaxel) .....	41	DOXIL SUSP (Use doxorubicin hcl liposomal) .....	38
dimethyl fumarate CDPK .....	87	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	41	doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	38
dimethyl fumarate CPDR .....	87	DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (Use docetaxel) .....	41	DOXORUBICIN HCL SOLN (Use doxorubicin hcl) .....	38
DIOVAN HCT PO (Use valsartan-hydrochlorothiazide) .....	30	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	41	doxorubicin hcl SOLN .....	38
DIOVAN TABS PO (Use valsartan) 29		docusate calcium PO .....	73	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	38
DIPENTUM PO .....	68	docusate sodium CAPS PO 100 MG . 73		doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG .....	89
diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG .....	26	docusate sodium CAPS PO 250 MG . 73		doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG .....	89
diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML .....	26	dofetilide PO .....	11	doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG .....	89
diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML .....	26	donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG .....	86	doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG .....	89
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	26	donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG .....	86	doxycycline hyclate CAPS PO .....	89
diphenoxylate w/ atropine LIQD PO 24		donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG .....	86	doxycycline hyclate SOLR .....	89
diphenoxylate w/ atropine TABS PO . 24		donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG .....	86	doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG .....	89
DIPHThERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP .....	89	DOPTELET .....	71	doxylamine-pyridoxine TBEC PO .	25
DIPROLENE OINT (Use betamethasone dipropionate augmented) .....	60	dorzolamide hcl .....	84	DRISDOL CAPS PO (Use ergocalciferol) .....	95
dipyridamole PO .....	70	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	82	dronabinol CAPS PO .....	25
disopyramide phosphate CAPS PO 11		DOVATO .....	45	drosiprenone-ethinyl estradiol PO .	51
disulfiram PO .....	86	DOVONEX CREA (Use calcipotriene) .....	58	drosiprenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO .....	51
DITROPAN XL TB24 PO 5 MG, 10 MG (Use oxybutynin chloride) .....	91	doxazosin mesylate PO .....	30	DROXIA CAPS .....	71
divalproex sodium TB24 PO .....	18	doxepin hcl (antipruritic) .....	58	DUAVEE .....	67
		doxepin hcl (sleep) PO .....	71	DUETACT (Use pioglitazone hcl-glimepiride) .....	22
		doxepin hcl CAPS PO .....	21	DULCOLAX PINK LAXATIVE TBEC	
		doxepin hcl CONC PO .....	21		



PO (Use bisacodyl) .....	72	EDARBI PO .....	29	ELLA PO .....	52
DULCOLAX SUPP PR (Use bisacodyl) .....	73	EDECRIIN PO (Use ethacrynic acid) . 64		ELMIRON CAPS PO .....	69
DULCOLAX TBEC PO (Use bisacodyl) .....	73	EDURANT .....	45	ELOCTATE .....	70
DULERA .....	13	efavirenz CAPS PO .....	45	EMCYT PO .....	37
duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	21	efavirenz TABS PO .....	45	EMEND CAPS PO 80 MG (Use aprepitant) .....	25
duloxetine hcl CPEP PO 40 MG ...	21	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO .....	45	EMEND TRI-PACK CAPS PO (Use aprepitant) .....	25
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 61		efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	45	EMFLAZA SUSP PO (Use deflazacort) .....	53
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	61	EFFEXOR XR CP24 PO 150 MG (Use venlafaxine hcl) .....	21	EMFLAZA TABS PO (Use deflazacort) .....	53
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 61		EFFEXOR XR CP24 PO 37.5 MG (Use venlafaxine hcl) .....	21	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 75	
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 61		EFFEXOR XR CP24 PO 75 MG (Use venlafaxine hcl) .....	21	EMGALITY SOAJ .....	75
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	61	EFFIENT PO (Use prasugrel hcl) ..	70	EMGALITY SOSY .....	75
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	74	EFUDEX CREA (Use fluorouracil (topical)) .....	58	EMSAM .....	19
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC .....	74	EGRIFTA SV .....	65	emtricitabine CAPS PO .....	45
DUREX TROPICAL MISC .....	74	ELAPRASE .....	66	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG ....	45
DUREZOL (Use difluprednate) ...	83	electrolyte-148 .....	77	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG ....	45
dutasteride PO .....	69	electrolyte-a .....	77	EMTRIVA CAPS PO (Use emtricitabine) .....	45
DYRENIUM CAPS PO (Use triamterene) .....	64	ELESTRIN GEL .....	67	EMTRIVA SOLN .....	45
E.E.S. GRANULES SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate) .....	73	eletriptan hydrobromide PO .....	76	EMVERM CHEW PO .....	10
EC-NAPROSYN TBEC PO 500 MG (Use naproxen) .....	5	ELIDEL (Use pimecrolimus) .....	62	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG .....	30
econazole nitrate CREA .....	56	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	37	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG .....	30
ECOTRIN ARTHRTIS PAIN TBEC PO (Use aspirin) .....	6	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	37	enalapril maleate TABS PO .....	29
ECOTRIN TBEC PO (Use aspirin) ..	6	ELIMITE CREA (Use permethrin) .	62		
		ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK .....	14		
		ELIQUIS TABS .....	14		

ENBREL MINI SOCT .....	6	EPIPEN JR 2-PAK SOAJ (Use epinephrine (anaphylaxis)) .....	94	erlotinib hcl .....	36
ENBREL SOLN .....	6	EPIVIR HBV SOLN .....	46	ERTACZO .....	56
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	6	EPIVIR HBV TABS PO (Use lamivudine (hbv)) .....	46	ertapenem sodium IJ .....	32
ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	6	EPIVIR SOLN PO (Use lamivudine) 45		ERYPED 200 SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate) .....	73
ENBREL SURECLICK SOAJ .....	6	EPIVIR TABS PO (Use lamivudine) 45		ERYPED 400 SUSR PO (Use erythromycin ethylsuccinate) .....	73
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	92	eplerenone PO .....	32	erythromycin (acne aid) PADS ....	55
ENGERIX-B SUSY .....	92	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	71	erythromycin (acne aid) SOLN ....	55
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	14	epoprostenol sodium .....	49	erythromycin (ophth) .....	83
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	14	EPZICOM PO (Use abacavir sulfate- lamivudine) .....	45	erythromycin base CPEP PO .....	73
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	14	EQL PRENATAL FORMULA TABS PO .....	80	erythromycin base TABS PO .....	73
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	14	EQUETRO PO 100 MG .....	42	erythromycin base TBEC PO .....	73
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	14	EQUETRO PO 200 MG .....	42	erythromycin ethylsuccinate SUSR PO .....	73
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	14	EQUETRO PO 300 MG .....	42	erythromycin ethylsuccinate TABS PO .....	73
ENSPRYNG .....	78	ERAXIS .....	26	ESBRIET CAPS (Use pirfenidone)	88
entacapone PO .....	41	ERBITUX .....	36	escitalopram oxalate SOLN PO ...	20
entecavir TABS PO .....	46	ergocalciferol CAPS PO .....	95	escitalopram oxalate TABS PO 10 MG .....	20
ENTEREG PO (Use alvimopan) ...	68	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML .....	95	escitalopram oxalate TABS PO 20 MG .....	20
EPIDIOLEX .....	16	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML .....	95	escitalopram oxalate TABS PO 5 MG .....	20
EPIDUO GEL (Use adapalene- benzoyl peroxide) .....	55	ergoloid mesylates TABS PO .....	88	ESGIC TABS PO (Use butalbital- acetaminophen-caffeine) .....	6
epinastine hcl (ophth) .....	84	ERGOMAR SUBL .....	76	esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG .....	90
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	94	ergotamine w/ caffeine TABS PO ..	75	esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG .....	90
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	94	eribulin mesylate .....	41	esomeprazole magnesium TBEC .	90
EPIPEN 2-PAK SOAJ (Use epinephrine (anaphylaxis)) .....	94	ERIVEDGE .....	37	ESPEROCT .....	70
		ERLEADA 240 MG .....	37		
		ERLEADA 60 MG .....	37		

estazolam PO .....	72	everolimus (immunosuppressant) 1 MG .....	78	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 74
ESTRACE CREA (Use estradiol vaginal) .....	94	everolimus TABS .....	39	FARESTON PO (Use toremifene citrate) .....
ESTRACE TABS PO (Use estradiol) . 67		EVISTA PO (Use raloxifene hcl) ..	65	37
estradiol GEL .....	67	EVOCLIN FOAM (Use clindamycin phosphate (topical)) .....	55	FARXIGA PO (Use dapagliflozin propanediol) .....
estradiol PTTW .....	67	EVOTAZ .....	45	24
estradiol PTWK .....	67	EVOXAC PO (Use cevimeline hcl)	80	FASENRA PEN SOAJ .....
estradiol TABS PO .....	67	EXELDERM CREA (Use sulconazole nitrate) .....	56	11
estradiol vaginal CREA .....	94	EXELDERM SOLN (Use sulconazole nitrate) .....	56	FASENRA SOSY 30 MG/ML .....
estradiol vaginal TABS .....	94	exemestane PO .....	37	11
estradiol valerate .....	67	EXFORGE HCT PO (Use amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide) .....	30	FASLODEX SOSY (Use fulvestrant) . 37
ESTROGEL GEL (Use estradiol) ..	67	EXFORGE PO (Use amlodipine besylate-valsartan) .....	30	FC2 FEMALE CONDOM .....
eszopiclone PO .....	72	EXJADE TBSO (Use deferasirox) .	24	74
ethacrynic acid PO .....	64	ezetimibe PO .....	28	febuxostat .....
ethambutol hcl TABS PO .....	35	ezetimibe-simvastatin PO .....	27	70
ethosuximide CAPS PO .....	18	famciclovir PO 125 MG, 250 MG ..	46	felbamate SUSP .....
ethosuximide SOLN PO .....	18	famciclovir PO 500 MG .....	47	18
ethynodiol diacet & eth estrad PO .	51	famotidine in nacl SOLN .....	90	felbamate TABS PO 400 MG .....
etodolac CAPS PO .....	5	famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	90	18
etodolac TABS PO .....	5	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	90	FELBATOL SUSP (Use felbamate) 18
etonogestrel-ethinyl estradiol .....	52	famotidine SUSR PO .....	90	FELBATOL TABS PO 400 MG (Use felbamate) .....
ETOPOPHOS .....	41	famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG . 90		18
etoposide CAPS PO .....	41	FANAPT PO .....	43	FELBATOL TABS PO 600 MG (Use felbamate) .....
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	41	FANAPT TITRATION PACK PO ..	43	18
etravirine PO .....	45	FANTASY LUBRICATED MISC ...	74	FELDENE CAPS PO (Use piroxicam) .....
EUCRISA .....	62			5
EVAMIST SOLN .....	67			felodipine PO .....
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	79			48
				FEMARA PO (Use letrozole) .....
				37
				FEMCAP DEVI .....
				74
				FEMLYV TBDP .....
				51
				FEMRING .....
				94
				fenofibrate micronized PO 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...
				28
				fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....
				28
				FENOGLIDE TABS PO (Use

fenofibrate) .....	28	flecainide acetate PO .....	11	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	92
fenoprofen calcium TABS PO .....	5	FLECTOR PTCH EX (Use diclofenac		FLULAVAL SUSY .....	92
FENSOLVI (6 MONTH) SC .....	65	epolamine) .....	57	FLUMIST .....	92
fentanyl citrate LPOP .....	6	FLOLAN (Use epoprostenol sodium)		FLUMIST QUADRIVALENT .....	92
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25		.....	49	flunisolide (nasal) .....	81
MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,		FLOMAX PO (Use tamsulosin hcl)	69	fluocinolone acetonide (otic) .....	85
100 MCG/HR .....	6	FLONASE ALLERGY RELIEF SUSP		fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	60
FER-IN-SOL SOLN PO (Use ferrous		(Use fluticasone propionate (nasal))	81	fluocinolone acetonide CREA 0.025	
sulfate) .....	71	81		% .....	60
ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML,		FLOVENT DISKUS AEPB (Use		fluocinolone acetonide OIL .....	60
15 MG/ML .....	71	fluticasone propionate (inhalation))	12	fluocinolone acetonide OINT .....	60
ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65		12		fluocinolone acetonide SOLN .....	60
MG, 325 MG .....	71	FLOVENT HFA (Use fluticasone		fluocinonide CREA 0.05 % .....	60
ferrous sulfate TBEC PO .....	71	propionate hfa) .....	12	fluocinonide CREA 0.1 % .....	60
fesoterodine fumarate .....	91	floxuridine .....	36	fluocinonide emulsified base .....	60
FETZIMA CP24 .....	21	FLUAD .....	92	fluocinonide GEL .....	60
FETZIMA TITRATION C4PK .....	21	FLUAD QUADRIVALENT .....	92	fluocinonide OINT .....	60
FINACEA GEL (Use azelaic acid) .	62	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	92	fluocinonide SOLN .....	60
finasteride PO .....	69	FLUARIX SUSY .....	92	fluorometholone (ophth) SUSP ....	83
fingolimod hcl PO .....	87	FLUBLOK QUADRIVALENT .....	92	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	58
FIORICET CAPS PO (Use butalbital-		FLUBLOK SOSY .....	92	fluorouracil (topical) SOLN .....	58
acetaminophen-caffeine) .....	6	FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluorouracil 500 MG/10ML .....	36
6		SUSP .....	92	fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG ...	20
FIORICET/CODEINE PO 30 MG-40		FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG ...	20
MG-50 MG-300 MG (Use butalbital-		SUSY .....	92	fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG ...	20
acetaminophen-caffeine w/ codeine) .		8		fluoxetine hcl CPDR PO .....	20
8		FLUCELVAX SUSP .....	92	fluoxetine hcl SOLN PO .....	20
FIRAZYR SOSY (Use icatibant		FLUCELVAX SUSY .....	92	FLUOXETINE HCL TABS PO (Use	
acetate) .....	70	26		fluoxetine hcl) .....	20
FIRDAPSE .....	34	fluconazole SUSR PO .....	26		
FIRMAGON (240 MG DOSE) .....	37	fluconazole TABS PO .....	26		
FIRMAGON 80 MG .....	37	flucytosine PO .....	26		
FIRVANQ SOLR PO (Use		fludarabine phosphate SOLN .....	36		
vancomycin hcl) .....	32	36			
flavoxate hcl PO .....	91	fludarabine phosphate SOLR .....	36		
		fludrocortisone acetate TABS PO .	54		

fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG .....	20	FOSAMAX PLUS D PO .....	64
fluoxetine hcl TABS PO 20 MG .....	20	FOSAMAX TABS PO 70 MG (Use alendronate sodium) .....	64
fluphenazine hcl CONC PO .....	44	fosamprenavir calcium TABS PO ..	45
fluphenazine hcl ELIX PO .....	44	fosfomycin tromethamine .....	33
fluphenazine hcl SOLN .....	44	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO .....	30
flurandrenolide CREA .....	60	fosinopril sodium PO .....	29
flurandrenolide LOTN .....	60	fosphenytoin sodium .....	18
flurazepam hcl PO .....	72	FOSRENOL CHEW PO (Use lanthanum carbonate) .....	68
flurbiprofen sodium .....	84	FRAGMIN SOSY .....	15
flurbiprofen TABS PO .....	5	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER .....	75
flutamide PO .....	37	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR .....	75
fluticasone furoate-vilanterol .....	13	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR .....	75
fluticasone propionate (inhalation) AEPB .....	12	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	75
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 81		FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	75
fluticasone propionate CREA 0.05 % 60		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR .....	75
fluticasone propionate hfa .....	12	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	75
fluticasone propionate LOTN .....	60	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	75
fluticasone propionate OINT .....	60	FREESTYLE LIBRE READER ....	75
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....	13	FROVA PO (Use frovatriptan succinate) .....	76
fluticasone-salmeterol AERO .....	13	frovatriptan succinate PO .....	76
fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG . 28		FT PRENATAL TABS PO .....	80
fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG . 28		fulvestrant SOSY .....	37
fluvoxamine maleate TABS PO 100		furosemide SOLN IJ 10 MG/ML ...	64
MG .....	20	furosemide TABS PO .....	64
fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG .....	20	FUZEON SOLR .....	45
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT .....	92		
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY ....	93		
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 93			
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 93			
FLUZONE SUSP .....	93		
FLUZONE SUSY .....	93		
FML FORTE SUSP .....	83		
FML LIQUIFILM SUSP (Use fluorometholone (ophth)) .....	83		
FML OINT .....	83		
FOCALIN TABS PO (Use dexmethylphenidate hcl) .....	2		
FOCALIN XR CP24 PO (Use dexmethylphenidate hcl) .....	2		
folic acid TABS PO .....	71		
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 15			
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 14			
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .14			
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 14			
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST .....	63		
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON .....	63		
formoterol fumarate NEBU .....	13		
FORTEO SOPN (Use teriparatide) 64			

FYCOMPA TABS 2 MG .....	15	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	36	glipizide TB24 PO .....	24
FYCOMPA TABS 4 MG .....	15	gemfibrozil TABS PO .....	28	glipizide-metformin hcl PO 250 MG- 2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	22
FYCOMPA TABS 6 MG .....	15	GEN7T PTCH (Use lidocaine) .....	62	glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG .....	22
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	15	GENERESS FE PO (Use norethindrone & ethinyl estradiol-fe) 51		GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	63
gabapentin CAPS PO .....	16	GENOTROPIN CART SC .....	65	glucagon (rdna) .....	23
gabapentin SOLN PO .....	16	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	65	GLUCAGON EMERGENCY (Use glucagon (rdna)) .....	23
gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG .....	16	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	3	GLUCOTROL XL TB24 PO (Use glipizide) .....	24
GABITRIL PO (Use tiagabine hcl) .	18	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	83	GLUMETZA TB24 PO (Use metformin hcl) .....	23
galantamine hydrobromide CP24 PO 86		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	83	glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	24
galantamine hydrobromide SOLN PO .....	86	gentamicin sulfate (topical) CREA .	56	glyburide TABS PO .....	24
galantamine hydrobromide TABS PO .....	86	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	56	glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG .....	22
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	85	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML ....	3	glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	22
GAMMAGARD 30 GM/300ML .....	85	GENVOYA .....	45	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	69
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR .....	85	GEODON PO (Use ziprasidone hcl) 42		glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 90	
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	85	GILENYA PO (Use fingolimod hcl)	87	glycopyrrolate TABS PO 1 MG ....	90
GAMUNEX-C .....	85	GILOTRIF .....	36	glycopyrrolate TABS PO 2 MG ....	90
ganciclovir sodium SOLR .....	46	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	87	GLYNASE PO (Use glyburide micronized) .....	24
GANIRELIX ACETATE (Use ganirelix acetate) .....	65	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	87	GLYXAMBI PO .....	22
ganirelix acetate .....	65	GLEEVEC PO (Use imatinib mesylate) .....	39	GNP PRENATAL TABS PO .....	80
GARDASIL 9 SUSP .....	93	GLEOSTINE PO 10 MG .....	35	GOHIBIC .....	70
GARDASIL 9 SUSY .....	93	GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG .	35	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	63
gatifloxacin (ophth) .....	83	glimepiride PO 1 MG, 2 MG .....	24	GOLYTELY SOLR PO (Use peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate) .....	72
gefitinib .....	36	glimepiride PO 4 MG .....	24		
		glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG ..	24		

granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	25	SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	15	homatropine methylbromide)	54
granisetron hcl TABS PO	25	heparin sodium (porcine) SOLN IJ		hydralazine hcl SOLN	32
GRASTEK SUBL	3	5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		hydralazine hcl TABS PO	32
griseofulvin microsize SUSP PO	26	20000 UNIT/ML	15	HYDREA PO (Use hydroxyurea)	40
griseofulvin microsize TABS PO	26	HEPLISAV-B SOSY	93	hydrochlorothiazide CAPS PO	64
griseofulvin ultramicrosize PO	26	HIBERIX SOLR IJ	92	hydrochlorothiazide TABS PO 12.5	64
guanfacine hcl (adhd) PO	2	HIPREX PO (Use methenamine		MG	64
guanfacine hcl PO	30	hippurate)	33	hydrochlorothiazide TABS PO 25	64
GYNAZOLE-1	94	HUMATROPE CART IJ	65	MG, 50 MG	64
GYNE-LOTRIMIN CREA (Use		HUMIRA (2 PEN) AJKT 80		hydrocodone bitartrate CP12 PO	6
clotrimazole vaginal)	94	MG/0.8ML	4	hydrocodone bitartrate T24A	7
HAEGARDA SOLR SC	70	HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	hydrocodone bitartrate-homatropine	
HALAVEN (Use eribulin mesylate)	41	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	methylbromide TABS PO	54
halcinonide CREA	60	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER		hydrocodone polistirex-	
HALCION PO 0.25 MG (Use		AJKT	4	chlorpheniramine polistirex SUER PO	54
triazolam)	72	HUMIRA-PED<40KG CROHNS		hydrocodone-acetaminophen SOLN	
HALDOL DECANOATE (Use		STARTER PSKT	4	PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217	
haloperidol decanoate)	43	HUMIRA-PED>/=40KG CROHNS		MG/10ML-5 MG/10ML, 325	
halobetasol propionate CREA	60	START PSKT	4	MG/15ML-7.5 MG/15ML	8
halobetasol propionate OINT	60	HUMIRA-PED>/=40KG UC		hydrocodone-acetaminophen SOLN	
HALOG CREA (Use halcinonide)	60	STARTER AJKT	4	PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML	8
HALOG OINT	60	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS		hydrocodone-acetaminophen TABS	
haloperidol decanoate	43	STARTER AJKT	4	PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG,	
haloperidol lactate CONC PO	43	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT		300 MG-7.5 MG	8
haloperidol lactate SOLN	43	STARTER AJKT	4	hydrocodone-acetaminophen TABS	
haloperidol TABS PO	43	HUMULIN R U-500		PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG,	
HAVRIX	93	(CONCENTRATED) SOLN SC	23	325 MG-7.5 MG	8
HECTOROL SOLN (Use		HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG-	
doxercalciferol)	66	SC	23	200 MG, 5 MG-200 MG	8
HEMANGEOL SOLN PO	48	HYCAMTIN CAPS PO	41	hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-	
HEPARIN (PORCINE) IN NACL		HYCAMTIN SOLR (Use topotecan		200 MG	8
Index 21		hcl)	41	hydrocortisone (intrarectal) PR	9
		HYCODAN TABS PO 1.5 MG-5 MG		hydrocortisone (rectal) EX	9
		(Use hydrocodone bitartrate-		hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	

2.5 % .....	60	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .	10	IFEX SOLR (Use ifosfamide) .....	35
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	61	hydroxyzine hcl SYRP PO .....	10	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	35
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....	61	hydroxyzine hcl TABS PO .....	10	ifosfamide SOLR .....	35
hydrocortisone acetate (rectal) PR .	9	hydroxyzine pamoate CAPS PO ...	10	imatinib mesylate PO .....	39
hydrocortisone butyrate CREA .....	61	HYPERSAL NEBU (Use sodium chloride (inhalant)) .....	54	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	39
hydrocortisone butyrate OINT .....	61	HYPERSAL NEBU .....	54	IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	39
hydrocortisone butyrate SOLN .....	61	HYQVIA .....	85	IMBRUVICA SUSP .....	39
hydrocortisone sod succinate 100 MG .....	53	HYZAAR PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG (Use losartan potassium & hydrochlorothiazide) .....	31	IMBRUVICA TABS .....	39
hydrocortisone TABS PO .....	53	HYZAAR PO 12.5 MG-50 MG (Use losartan potassium & hydrochlorothiazide) .....	30	imipenem-cilastatin IV .....	32
hydrocortisone vaginal .....	94	ibandronate sodium SOLN .....	64	imipramine hcl TABS PO .....	21
hydrocortisone valerate CREA .....	61	ibandronate sodium TABS PO ....	64	imipramine pamoate PO .....	21
hydrocortisone valerate OINT .....	61	IBRANCE CAPS .....	39	imiquimod 5 % .....	62
hydrocortisone w/acetic acid .....	85	IBRANCE TABS .....	39	IMITREX 5 MG/ACT, 20 MG/ACT (Use sumatriptan) .....	76
hydromorphone hcl LIQD PO .....	7	ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML ..	5	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT (Use sumatriptan succinate) .....	76
HYDROMORPHONE HCL PF SOLN IJ (Use hydromorphone hcl) .....	7	ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG .....	5	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ (Use sumatriptan succinate) .....	76
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	7	ibuprofen TABS PO 800 MG .....	5	IMITREX TABS PO (Use sumatriptan succinate) .....	76
hydromorphone hcl TABS PO .....	7	icatibant acetate SOSY .....	70	IMODIUM A-D CAPS PO (Use loperamide hcl) .....	24
hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG	7	ICLUSIG PO .....	39	IMPAVIDO .....	32
hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG .....	7	icosapent ethyl 1 GM .....	27	IMURAN TABS PO (Use azathioprine) .....	79
hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG .....	34	IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (Use idarubicin hcl) .....	38	INCRELEX .....	65
hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG .....	34	IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (Use idarubicin hcl) .....	38	INCRUSE ELLIPTA .....	12
hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG .....	34	idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	38	indapamide TABS PO 1.25 MG ...	64
hydroxyurea PO .....	40	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	38	indapamide TABS PO 2.5 MG ....	64
		IDELVION .....	70	INDERAL LA CP24 PO (Use propranolol hcl) .....	48
				indomethacin CAPS PO 25 MG, 50	



MG .....	5	IOPIDINE .....	82	isradipine CAPS PO .....	48
indomethacin CPR PO .....	5	IPOL .....	93	ISTODAX SOLR (Use romidepsin)	39
INFANRIX .....	89	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 81		itraconazole CAPS PO .....	26
INFLECTRA SOLR .....	68	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 81		itraconazole SOLN .....	26
INGREZZA CAPS .....	87	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	12	ivabradine hcl TABS PO .....	50
INGREZZA CPPK .....	87	ipratropium-albuterol SOLN .....	13	ivermectin (pediculicide) .....	62
INGREZZA CPSP .....	87	irbesartan PO .....	29	ivermectin PO .....	10
INLYTA .....	36	irbesartan-hydrochlorothiazide PO	31	IXEMPRA KIT 15 MG .....	41
INREBIC .....	39	IRESSA (Use gefitinib) .....	36	JADENU SPRINKLE PACK (Use deferasirox) .....	24
INSPRA PO (Use eplerenone) ....	32	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	41	JADENU TABS PO (Use deferasirox) .....	24
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN .....	23	irrigation solutions, physiological	79	JAKAFI .....	39
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	23	ISENTRESS CHEW .....	45	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	93
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	23	ISENTRESS HD TABS PO .....	45	JANUMET TABS PO .....	22
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP .....	23	ISENTRESS TABS PO .....	45	JANUMET XR TB24 PO 1000 MG- 100 MG .....	22
INSULIN ASPART SOLN IJ .....	23	ISOLYTE-P IN D5W .....	77	JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	22
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	23	ISOLYTE-S .....	77	JANUVIA PO .....	23
INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	23	isoniazid SOLN .....	35	JARDIANCE PO .....	24
INTELENCE PO (Use etravirine) ..	45	isoniazid SYRP PO .....	35	JEVTANA .....	41
INTELENCE PO 25 MG .....	45	isoniazid TABS PO .....	35	JIVI .....	70
INTUNIV PO (Use guanfacine hcl (adhd)) .....	2	ISORDIL TITRADOSE TABS PO 5 MG (Use isosorbide dinitrate) ....	10	JULUCA .....	45
INVANZ IJ (Use ertapenem sodium) .	32	isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	10	JYNARQUE TBPK .....	66
INVEGA PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG (Use paliperidone) .....	43	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO .....	49	KALETRA SOLN PO (Use lopinavir- ritonavir) .....	45
INVEGA PO 6 MG (Use paliperidone) .....	43	isosorbide mononitrate TABS PO .	10	KALETRA TABS PO (Use lopinavir- ritonavir) .....	45
IONOSOL-MB IN D5W .....	77	isosorbide mononitrate TB24 PO ..	10	KALYDECO TABS .....	88
		isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	55	KAMELEON LUBRICATED MISC	74
				KANJINTI .....	36

KAPVAY TB12 PO (Use clonidine hcl (adhd))	84	clonazepam	15
KAZANO 1000 MG-12.5 MG (Use alogliptin-metformin hcl)	22	KLOXXADO LIQD	24
KAZANO 500 MG-12.5 MG (Use alogliptin-metformin hcl)	22	KOGENATE FS KIT	70
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (Use potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	77	KOMBIGLYZE XR PO 1000 MG-2.5 MG (Use saxagliptin-metformin hcl)	22
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	77	KOMBIGLYZE XR PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG (Use saxagliptin-metformin hcl)	22
KENALOG-40 SUSP (Use triamcinolone acetonide)	53	KOSELUGO	39
KEPIVANCE 6.25 MG	41	KOVALTRY	70
KEPPRA SOLN PO 100 MG/ML (Use levetiracetam)	16	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	80
KEPPRA TABS PO 1000 MG (Use levetiracetam)	16	KRINTAFEL	34
KEPPRA TABS PO 250 MG, 750 MG (Use levetiracetam)	16	K-TAB TBCR PO 10 MEQ, 20 MEQ (Use potassium chloride)	78
KEPPRA TABS PO 500 MG (Use levetiracetam)	16	KUVAN PACK (Use sapropterin dihydrochloride)	66
KEPPRA XR TB24 PO (Use levetiracetam)	16	KUVAN TABS (Use sapropterin dihydrochloride)	66
KERYDIN (Use tavaborole)	56	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	74
ketoconazole (topical) CREA	56	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	74
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	56	KYPROLIS	39
ketoconazole PO	26	labetalol hcl SOLN	47
KETONE TEST STRP	63	labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	47
ketoprofen CAPS PO 50 MG	5	labetalol hcl TABS PO 300 MG	47
ketorolac tromethamine (ophth)	84	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	16
ketorolac tromethamine TABS PO	5	lacosamide TABS PO	16
KETOSTIX STRP	63	lactated ringer's (irrigation)	79
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		lactated ringer's	77
		lactic acid (ammonium lactate) CREA	
KEVEYIS PO (Use dichlorphenamide)	63		
KEVZARA SOAJ	4		
KEVZARA SOSY	4		
KIMONO COLORS DEVI	74		
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	74		
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	74		
KIMONO MISC	74		
KIMONO PLUS MISC	74		
KIMONO PS MISC	74		
KIMONO PS PLUS MISC	74		
KIMONO SENSATION MISC	74		
KIMONO SENSATION PLUS MISC	74		
KIMONO SPECIAL DEVI	74		
KINRIX SUSY	89		
KISQALI (200 MG DOSE)	39		
KISQALI (400 MG DOSE)	39		
KISQALI (600 MG DOSE)	39		
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	38		
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	38		
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	38		
KITABIS PAK NEBU (Use tobramycin)	3		
KLARON (Use sulfacetamide sodium (acne))	55		
KLONOPIN TABS PO (Use			

61	LATUDA PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG (Use lurasidone hcl) .....	43	MG .....	16
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....		61	levetiracetam TABS PO 500 MG ..	17
lactulose (encephalopathy) PO ....	LATUDA PO 80 MG (Use lurasidone hcl) .....	68	levetiracetam TB24 PO .....	17
lactulose SOLN PO .....	leflunomide PO .....	72	levobunolol hcl 0.5 % .....	82
LAMICTAL CHEW PO 25 MG (Use lamotrigine) .....	LEMTRADA .....	16	levocetirizine dihydrochloride SOLN PO .....	27
LAMICTAL CHEW PO 5 MG (Use lamotrigine) .....	lenalidomide PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	16	levocetirizine dihydrochloride TABS PO .....	27
LAMICTAL ODT TBDP PO (Use lamotrigine) .....	lenalidomide PO 20 MG .....	16	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	83
LAMICTAL TABS PO (Use lamotrigine) .....	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ..	16	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 67	
lamivudine (hbv) TABS PO .....	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ..	46	levofloxacin SOLN PO .....	67
lamivudine SOLN PO .....	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ..	45	levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG .....	67
lamivudine TABS PO .....	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ..	45	levofloxacin TABS PO 500 MG ....	67
lamivudine-zidovudine PO .....	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ..	45	levonorgestrel & eth estradiol TABS PO .....	51
lamotrigine CHEW PO 25 MG ....	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ..	16	levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG .....	52
lamotrigine CHEW PO 5 MG .....	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	16	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO .....	51
lamotrigine TABS PO .....	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	16	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG .....	51
lamotrigine TBDP PO .....	LETAIRIS PO (Use ambrisentan) ..	16	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO .....	52
LANOXIN SOLN IJ (Use digoxin) ..	letrozole PO .....	49	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO .....	52
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (Use digoxin) ....	leucovorin calcium SOLR .....	49		
lansoprazole CPDR PO 15 MG ....	leucovorin calcium TABS PO .....	90		
lansoprazole CPDR PO 30 MG ....	LEUKERAN PO .....	90		
lanthanum carbonate CHEW PO ..	LEUKINE SOLR IJ .....	68		
lapatinib ditosylate .....	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....	39		
LASIX TABS PO (Use furosemide) 64	levalbuterol hcl .....	64		
LASTACRAFT .....	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ....	84		
latanoprost SOLN .....	levalbuterol tartrate .....	84		
	levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML .....			
	levetiracetam TABS PO 1000 MG ..			
	levetiracetam TABS PO 250 MG, 750			

LEXAPRO TABS PO 5 MG (Use escitalopram oxalate) .....	20	lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	29	lorazepam CONC PO .....	11
LEXIVA SUSP PO .....	45	lithium carbonate CAPS PO .....	42	lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG	11
LEXIVA TABS PO (Use fosamprenavir calcium) .....	45	lithium carbonate TABS PO .....	42	lorazepam TABS PO 1 MG .....	11
LIALDA TBEC PO (Use mesalamine) .....	68	lithium carbonate TBCR PO .....	42	LORBRENA .....	39
LIBRAX PO (Use chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide) .....	90	lithium PO .....	42	losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	31
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....	73	LITHOBID TBCR PO (Use lithium carbonate) .....	42	losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG .....	31
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	79	LO LOESTRIN FE TABS .....	52	losartan potassium PO .....	29
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	79	LODINE TABS PO (Use etodolac) ..	5	LOSEASONIQUE PO (Use levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day)) .....	52
lidocaine hcl GEL 2 % .....	62	LODOSYN PO (Use carbidopa) ...	41	LOFEXIDINE HCL .....	86
lidocaine hcl PRSY .....	62	LOKELMA .....	79	LOMOTIL TABS PO (Use diphenoxylate w/ atropine) .....	24
lidocaine hcl SOLN .....	62	LOPERAMIDE HCL CAPS PO .....	24	LOPID TABS PO (Use gemfibrozil) 28	
lidocaine PTCH 5 % .....	62	LOPINAVIR-RITONAVIR SOLN PO .....	45	LOPINAVIR-RITONAVIR TABS PO .....	45
lidocaine-prilocaine CREA .....	62	LOPRESSOR TABS PO (Use metoprolol tartrate) .....	47	LOPROX CREA (Use ciclopirox olamine) .....	57
LIDODERM PTCH (Use lidocaine) ..	62	LOPROX SHAM (Use ciclopirox) ..	57	LOPROX SUSP (Use ciclopirox olamine) .....	57
LINCOCIN (Use lincomycin hcl) ..	33	LOTENSIN HCT PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG (Use benazepril & hydrochlorothiazide) .....	31	LOTENSIN HCT PO 12.5 MG-20 MG (Use benazepril & hydrochlorothiazide) .....	31
lincomycin hcl .....	33	LOTENSIN HCT PO 12.5 MG-20 MG (Use benazepril & hydrochlorothiazide) .....	31	LOTENSIN PO 10 MG, 20 MG, 40 MG (Use benazepril hcl) .....	29
linezolid SUSR .....	33	LOTENSIN PO 10 MG, 20 MG, 40 MG (Use benazepril hcl) .....	29	loteprednol etabonate GEL .....	83
linezolid TABS PO .....	33	LOTREXOL PO 10 MG-5 MG, 20 MG-10 MG, 20 MG-5 MG, 40 MG-10 MG (Use amlodipine besylate-benazepril hcl) .....	31	loteprednol etabonate SUSP .....	83
LINZESS .....	68	LOTREXOL PO 10 MG-5 MG, 20 MG-10 MG, 20 MG-5 MG, 40 MG-10 MG (Use amlodipine besylate-benazepril hcl) .....	31	LOTREXOL AF CREA (Use clotrimazole (topical)) .....	57
liothyronine sodium SOLN .....	89	LOTREXOL AF CREA (Use clotrimazole (topical)) .....	57		
liothyronine sodium TABS PO .....	89				
LIPITOR TABS PO (Use atorvastatin calcium) .....	28				
lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO .....	1				
lisdexamfetamine dimesylate CHEW 1					
lisinopril & hydrochlorothiazide PO 31					

LOTRIMIN AF JOCK ITCH CREA (Use clotrimazole (topical))	57	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	37	malathion	62
LOTRIMIN ULTRA (Use butenafine hcl)	57	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	65	maraviroc TABS PO	45
LOTRONEX PO (Use alosetron hcl)	68	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	65	MARINOL CAPS PO (Use dronabinol)	25
lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG	28	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	65	MARPLAN PO	19
lovastatin TABS PO 40 MG	28	lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	43	MASONATAL TABS PO	80
LOVAZA PO (Use omega-3-acid ethyl esters)	27	lurasidone hcl PO 80 MG	43	MATULANE PO	40
LOVENOX SOLN IJ 300 MG/3ML (Use enoxaparin sodium)	15	LUXIQ FOAM (Use betamethasone valerate)	61	MAXALT TABS PO 10 MG (Use rizatriptan benzoate)	76
LOVENOX SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML (Use enoxaparin sodium)	15	LUZU (Use luliconazole)	57	MAXALT-MLT TBDP PO 10 MG (Use rizatriptan benzoate)	76
LOVENOX SOSY 30 MG/0.3ML (Use enoxaparin sodium)	15	LYNPARZA TABS PO	39	MAXIDEX SUSP OP	83
LOVENOX SOSY 40 MG/0.4ML (Use enoxaparin sodium)	15	LYRICA CAPS PO 225 MG, 300 MG (Use pregabalin)	17	MAXITROL OINT (Use neomycin- polymy-dexameth)	83
LOVENOX SOSY 60 MG/0.6ML (Use enoxaparin sodium)	15	LYRICA CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG (Use pregabalin)	17	MAXITROL SUSP (Use neomycin- polymy-dexameth)	83
LOVENOX SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML (Use enoxaparin sodium)	15	LYRICA CR 330 MG (Use pregabalin (once-daily))	88	MAXX MISC	74
loxapine succinate PO	43	LYRICA CR 82.5 MG, 165 MG (Use pregabalin (once-daily))	88	MAXX PLUS MISC	74
lubiprostone PO	68	LYRICA SOLN (Use pregabalin)	17	MAXZIDE TABS PO (Use triamterene & hydrochlorothiazide)	64
LUCEMYRA (Use lofexidine hcl)	86	LYSODREN PO	37	MAXZIDE-25 TABS PO (Use triamterene & hydrochlorothiazide)	63
luliconazole	57	LYSTEDA TABS PO (Use tranexamic acid)	71	meclizine hcl TABS PO 12.5 MG	25
LUMIZYME	66	MACROBID PO (Use nitrofurantoin monohyd macro)	33	meclizine hcl TABS PO 25 MG	25
LUNESTA PO (Use eszopiclone)	72	MACRODANTIN PO 50 MG, 100 MG (Use nitrofurantoin macrocrystal)	33	meclofenamate sodium CAPS PO	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	37	mafenide acetate PACK	59	MEDROL TABS PO 4 MG, 8 MG, 16 MG (Use methylprednisolone)	53
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	37	magnesium sulfate IJ 50 %	78	MEDROL TABS PO	53
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	37	MALARONE PO (Use atovaquone- proguanil hcl)	34	MEDROL TBPK PO (Use methylprednisolone)	53

medroxyprogesterone acetate PO 10 MG .....	86	mesalamine CPDR PO .....	68	methamphetamine hcl PO .....	1
medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG .....	86	mesalamine ENEM PR .....	68	methazolamide TABS PO .....	63
mefenamic acid CAPS PO .....	5	mesalamine SUPP PR .....	68	methenamine hippurate PO .....	33
mefloquine hcl PO .....	34	mesalamine TBEC PO 1.2 GM ....	68	methimazole TABS PO .....	89
megestrol acetate (appetite) PO ...	86	mesalamine TBEC PO 800 MG ...	68	methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG .....	81
megestrol acetate SUSP PO .....	37	MESTINON SOLN PO (Use pyridostigmine bromide) .....	34	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	36
megestrol acetate TABS PO .....	37	MESTINON TABS PO (Use pyridostigmine bromide) .....	34	methotrexate sodium SOLR .....	36
MEKINIST TABS PO 0.5 MG .....	39	MESTINON TBCR PO (Use pyridostigmine bromide) .....	34	methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG .....	36
MEKINIST TABS PO 2 MG .....	39	METADATE CD CPCR PO (Use methylphenidate hcl) .....	2	methoxsalen rapid PO .....	58
MEKTOVI .....	39	metaxalone PO 800 MG .....	81	methscopolamine bromide PO ....	90
meloxicam TABS PO .....	5	metformin hcl TABS PO 1000 MG .23		methsuximide .....	18
melphalan hcl IV .....	35	metformin hcl TABS PO 500 MG ..23		methyl dopa TABS PO .....	30
melphalan PO .....	35	metformin hcl TABS PO 850 MG ..23		METHYLIN SOLN PO (Use methylphenidate hcl) .....	2
memantine hcl TABS PO .....	86	metformin hcl TB24 PO 500 MG ..23		methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG .....	2
MENACTRA .....	92	metformin hcl TB24 PO 750 MG ..23		methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG .....	2
MENEST PO .....	67	methadone hcl CONC PO .....	7	methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG .....	2
MENOSTAR PTWK .....	67	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .7		.....	2
MENQUADFI .....	92	METHADONE HCL SOLN IJ .....	7	methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG .....	2
MENVEO SOLR .....	92	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML .....	7	methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG .....	2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	7	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 7		methylphenidate hcl CP24 PO .....	2
meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML .....	7	methadone hcl TABS PO 10 MG ...	7	methylphenidate hcl CPCR PO .....	2
meperidine hcl TABS PO 50 MG ....	7	methadone hcl TABS PO 5 MG .....	7	methylphenidate hcl SOLN PO .....	2
meprobamate PO .....	10	methadone hcl TBSO PO .....	7	methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG .....	2
MEPRON PO (Use atovaquone) ..	32	METHADOSE CONC PO (Use methadone hcl) .....	7	methylphenidate hcl TABS PO 5 MG	
mercaptapurine TABS PO .....	36	METHADOSE SUGAR-FREE CONC PO (Use methadone hcl) .....	7	2	
meropenem .....	32				
mesalamine CP24 .....	68				

methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG .....	2	50 MG, 100 MG .....	47	minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG .....	32
methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG .....	2	METROCREAM CREA (Use metronidazole (topical)) .....	62	MIRCERA .....	71
methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG .....	3	METROGEL GEL 1 % (Use metronidazole (topical)) .....	62	MIRCETTE PO (Use desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)) .....	52
methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG .....	2	METROLOTION LOTN (Use metronidazole (topical)) .....	62	mirtazapine TABS PO 15 MG .....	19
methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG .....	3	metronidazole (topical) CREA .....	62	mirtazapine TABS PO 30 MG .....	19
methylphenidate PTCH .....	3	metronidazole (topical) GEL 0.75 % .....	62	mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG .....	18
methylprednisolone acetate SUSP 53		metronidazole (topical) GEL 1 % ..	62	mirtazapine TBDP PO 15 MG .....	19
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	53	metronidazole (topical) LOTN .....	62	mirtazapine TBDP PO 30 MG .....	19
methylprednisolone TABS PO .....	53	metronidazole TABS PO .....	32	mirtazapine TBDP PO 45 MG .....	19
methylprednisolone TBPK PO .....	53	metronidazole vaginal .....	94	MIRVASO (Use brimonidine tartrate (topical)) .....	62
methyltestosterone TABS .....	9	mexiletine hcl PO .....	11	misoprostol PO .....	91
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	68	micafungin sodium .....	26	mitomycin SOLR IV 20 MG .....	38
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	68	MICARDIS HCT PO (Use telmisartan-hydrochlorothiazide) ..	31	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	38
metoclopramide hcl TABS PO .....	68	MICARDIS PO (Use telmisartan) ..	29	M-M-R II SOLR .....	93
metolazone PO .....	64	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	94	M-NATAL PLUS TABS PO .....	80
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	31	midodrine hcl PO .....	95	modafinil PO 100 MG .....	3
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG .....	31	miglitol PO .....	21	modafinil PO 200 MG .....	3
metoprolol succinate TB24 PO 200 MG .....	47	miglustat .....	71	MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y .....	93
metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	47	MIGRANAL SOLN NA (Use dihydroergotamine mesylate) .....	76	MODERNA COVID-19 BIVALENT 93	
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	47	MINASTRIN 24 FE CHEW PO (Use norethin acet & estrad-fe) .....	52	MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP .....	93
metoprolol tartrate TABS PO 25 MG,		MINIPRESS CAPS PO (Use prazosin hcl) .....	30	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP .....	93
		MINIVELLE PTTW (Use estradiol) ..	67	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY .....	93
		minocycline hcl CAPS PO .....	89	MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y SUSP .....	93
		minocycline hcl TABS PO .....	89	MODERNA COVID-19 VACCINE	

SUSP .....	93	MOZOBI (Use plerixafor) .....	71	naloxone hcl LIQD .....	24
moexipril hcl PO .....	29	MS CONTIN TBCR PO (Use morphine sulfate) .....	7	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	25
mometasone furoate (nasal) SUSP 81		MULPLETA .....	71	naltrexone hcl PO .....	25
mometasone furoate CREA .....	61	MULTI PRENATAL TABS PO .....	80	NAMENDA TABS PO (Use memantine hcl) .....	86
mometasone furoate OINT .....	61	mupirocin OINT .....	56	NAMENDA TITRATION PAK TABS PO (Use memantine hcl) .....	86
mometasone furoate SOLN .....	61	MVASI .....	36	NAPROSYN SUSP PO (Use naproxen) .....	5
MONISTAT CARE INSTANT ITCH RLF (Use hydrocortisone vaginal) 94		MYALEPT .....	66	NAPROSYN TABS PO 500 MG (Use naproxen) .....	5
montelukast sodium CHEW PO ...	12	MYAMBUTOL TABS PO 400 MG (Use ethambutol hcl) .....	35	naproxen sodium TABS PO 550 MG .	5
montelukast sodium PACK PO ....	12	MYCAMINE (Use micafungin sodium) .....	26	naproxen SUSP PO .....	5
montelukast sodium TABS PO ....	12	MYCOBUTIN PO (Use rifabutin) ..	35	naproxen TABS PO .....	5
MONUROL (Use fosfomycin tromethamine) .....	33	mycophenolate mofetil CAPS PO .	79	naproxen TBEC PO 500 MG .....	5
morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	7	mycophenolate mofetil TABS PO ..	79	naratriptan hcl PO .....	76
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	7	mycophenolate sodium PO .....	79	NARCAN LIQD (Use naloxone hcl)	25
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML .....	7	MYDRIACYL SOLN (Use tropicamide) .....	82	NARDIL PO (Use phenelzine sulfate)	19
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML .....	7	MYFORTIC PO (Use mycophenolate sodium) .....	79	NASACORT ALLERGY 24HR AERO (Use triamcinolone acetonide (nasal)) .....	82
morphine sulfate TABS PO .....	7	MYLERAN TABS PO .....	35	NASONEX 24HR SUSP (Use mometasone furoate (nasal)) .....	82
morphine sulfate TBCR PO .....	7	MYSOLINE PO (Use primidone) ..	17	NATACYN .....	83
MOTOFEN PO .....	24	nabumetone PO .....	5	NATAZIA .....	52
MOVANTIK PO .....	68	nadolol TABS PO 20 MG .....	48	nateglinide PO .....	24
MOVIPREP PO (Use peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid) .....	72	nadolol TABS PO 40 MG .....	48	NATROBA (Use spinosad) .....	62
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 83		nadolol TABS PO 80 MG .....	48	NAYZILAM .....	15
moxifloxacin hcl in sodium chloride 67		naftillin sodium IV 10 GM .....	86	neбиволол hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG .....	47
moxifloxacin hcl TABS PO .....	67	naftifine hcl CREA 1 % .....	57		
		naftifine hcl CREA 2 % .....	57		
		nalbuphine hcl .....	9		
		NALFON TABS PO (Use fenoprofen calcium) .....	5		



neбиволол hcl PO 20 MG .....	47	benzoate) .....	23	NICARDIPINE HCL SOLN (Use nicardipine hcl) .....	48
NEBUSAL NEBU .....	54	NESINA 6.25 MG, 25 MG (Use alogliptin benzoate) .....	23	nicardipine hcl SOLN .....	48
nefazodone hcl PO .....	21	NEUPRO .....	42	NICODERM CQ PT24 TD (Use nicotine) .....	88
nelarabine .....	36	NEURONTIN CAPS PO (Use gabapentin) .....	17	NICORETTE GUM (Use nicotine polacrilex) .....	88
neomycin sulfate TABS PO .....	3	NEURONTIN SOLN PO (Use gabapentin) .....	17	NICORETTE LOZG (Use nicotine polacrilex) .....	88
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	83	NEURONTIN TABS PO (Use gabapentin) .....	17	NICORETTE MINI LOZG (Use nicotine polacrilex) .....	88
neomycin-polymy-dexameth OINT	83	NEVANAC .....	84	NICORETTE STARTER KIT GUM (Use nicotine polacrilex) .....	88
neomycin-polymy-dexameth SUSP	83	nevirapine SUSP PO .....	45	NICOTINE KIT .....	88
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	83	nevirapine TABS PO .....	45	nicotine polacrilex GUM .....	88
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	85	nevirapine TB24 PO .....	45	nicotine polacrilex LOZG .....	88
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	85	NEXAVAR PO (Use sorafenib tosylate) .....	39	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	88
NEONATAL COMPLETE TABS PO		NEXIUM 24HR TBEC (Use esomeprazole magnesium) .....	90	NICOTROL INHA .....	88
120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-		NEXIUM CPDR PO 20 MG (Use esomeprazole magnesium) .....	90	NICOTROL NS SOLN .....	88
10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20		NEXIUM CPDR PO 40 MG (Use esomeprazole magnesium) .....	90	nifedipine CAPS PO 10 MG .....	48
MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-		NEXTSTELLIS .....	52	nifedipine CAPS PO 20 MG .....	48
2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG ...	80	niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO	29	nifedipine TB24 PO .....	49
NEONATAL PLUS TABS PO .....	80	niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG	95	NILANDRON PO (Use nilutamide)	37
NEONATAL PRENATAL TABS PO	80	NIACIN ER TBCR PO .....	95	nilutamide PO .....	37
NEONATAL VITAMIN TABS PO ..	80	niacin TABS PO .....	95	nimodipine CAPS PO .....	49
NEORAL CAPS PO (Use cyclosporine modified (for microemulsion)) .....	79	niacin TBCR PO .....	95	NINLARO .....	39
NEORAL SOLN PO (Use cyclosporine modified (for microemulsion)) .....	79	niacinamide TABS PO 100 MG ...	95	NIPENT .....	40
NEOSTIGMINE METHYLSULFATE		niacinamide TABS PO 500 MG ...	95	nisoldipine PO .....	49
SOSY (Use neostigmine methylsulfate) .....	34	nicardipine hcl CAPS PO .....	48	nitazoxanide TABS PO .....	32
neostigmine methylsulfate SOSY ..	34			nitisinone CAPS PO .....	66
NEO-SYNALAR .....	56			NITRO-BID OINT .....	10
NESINA 12.5 MG (Use alogliptin					

NITRO-DUR PT24 (Use nitroglycerin) PO .....	52	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	23
.....10		NOVOLIN 70/30 SUSP .....	23
nitrofurantoin macrocrystal PO 50		NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	23
MG, 100 MG .....	33	NOVOLIN N SUSP .....	24
nitrofurantoin monohyd macro PO	.33	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	24
nitrofurantoin PO .....	33	NOVOLIN R SOLN IJ .....	24
nitroglycerin (intra-anal) PR .....	9	NOXAFIL SUSP (Use posaconazole)	.....26
nitroglycerin CPCR PO .....	10	NP THYROID TABS PO .....	89
nitroglycerin PT24 .....	10	NUBEQA .....	37
NITROGLYCERIN SOLN IV .....	10	NUCALA SOAJ .....	11
nitroglycerin SUBL .....	10	NUCALA SOLR .....	11
NITROSTAT SUBL (Use		NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	11
nitroglycerin) .....	10	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	11
NIVA-PLUS TABS PO .....	80	NUEDEXTA .....	88
NIX CREME RINSE LIQD EX (Use		NULOJIX .....	79
permethrin) .....	62	NUVARING (Use etonogestrel-	
nizatidine CAPS PO .....	90	ethinyl estradiol) .....	52
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30		NUVIGIL PO (Use armodafinil) .....	3
MG/3ML .....	65	NYSTATIN (Use nystatin (mouth-	
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5		throat)) .....	79
MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		nystatin (mouth-throat) .....	79
MG/1.5ML .....	65	nystatin (topical) CREA .....	57
norelgestromin-ethinyl estradiol	...52	nystatin (topical) OINT .....	57
norethin acet & estrad-fe CAPS	...52	nystatin (topical) POWD EX .....	57
norethin acet & estrad-fe CHEW PO	.52	nystatin TABS PO .....	26
52		nystatin-triamcinolone CREA .....	57
norethin acet & estrad-fe TABS PO 1		nystatin-triamcinolone OINT .....	57
MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		NYVEPRIA .....	71
MCG-75 MG .....	52	octreotide acetate SOLN .....	66
norethindrone & eth estradiol PO	..52	OCUFLOX (Use ofloxacin (ophth))	
norethindrone & ethinyl estradiol-fe			
PO .....	52		
norethindrone (contraceptive) PO	.53		
norethindrone acet & eth estra TABS			
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	63		
NOVAVAX COVID-19 VACCINE			
SUSP .....	93		
NOVAVAX COVID-19 VACCINE			
SUSY .....	93		
NOVOEIGHT .....	70		

83	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	74	ORKAMBI TABS .....	88	
ODEFSEY .....	45	ONCASPAR .....	40	ORLADEYO .....	70
ODOMZO PO .....	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 25		orphenadrine citrate TB12 PO .....	81
OFEV .....	88	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML .....	25	orphenadrine w/ aspirin & caff PO 385 MG-30 MG-25 MG .....	81
ofloxacin (ophth) .....	83	ondansetron hcl SOSY .....	25	oseltamivir phosphate CAPS PO ..	47
ofloxacin (otic) .....	84	ondansetron hcl TABS PO 24 MG	25	oseltamivir phosphate SUSR PO ..	47
ofloxacin PO 300 MG, 400 MG .....	67	ondansetron hcl TABS PO 4 MG ..	25	OSENI 15 MG-25 MG, 30 MG-12.5 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG (Use alogliptin-pioglitazone) .....	22
OGIVRI .....	36	ondansetron hcl TABS PO 8 MG ..	25	OSMOPREP PO .....	72
olanzapine SOLR .....	43	ondansetron hcl TABS PO 8 MG ..	25	OSPHENA PO .....	65
olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG . 43		ondansetron TBDP PO 4 MG .....	25	OTEZLA TABS PO .....	5
olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	43	ondansetron TBDP PO 8 MG .....	25	OTEZLA TBPK PO .....	5
olanzapine TBDP PO 20 MG .....	43	ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO .....	80	OTOVEL (Use ciprofloxacin- fluocinolone acetonide) .....	85
olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	43	ONE VITE WOMENS TABS PO ..	80	OVIDE (Use malathion) .....	62
olmesartan medoxomil PO .....	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING .....	75	oxacillin sodium IJ 1 GM .....	86
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide PO .....	31	ONFI SUSP (Use clobazam) .....	15	oxalipatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	35
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide PO .....	31	ONFI TABS PO (Use clobazam) ..	15	oxandrolone PO .....	9
olopatadine hcl (nasal) .....	81	ONGLYZA PO (Use saxagliptin hcl) 23		oxaprozin TABS PO .....	5
olopatadine hcl 0.1 % .....	84	OPILL PO .....	53	oxazepam CAPS PO .....	11
olopatadine hcl 0.2 % .....	84	OPSUMIT .....	50	oxcarbazepine SUSP PO .....	17
OLUX FOAM (Use clobetasol propionate) .....	61	OPVEE NA .....	25	oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG .....	17
omega-3-acid ethyl esters PO .....	27	ORAPRED ODT TBDP PO (Use prednisolone sodium phosphate) ..	53	oxcarbazepine TABS PO 600 MG	17
omeprazole CPDR PO .....	90	ORENITRAM TBCR .....	50	oxiconazole nitrate CREA .....	57
omeprazole magnesium CPDR PO 90		ORFADIN CAPS PO (Use nitisinone) .....	66	OXISTAT CREA (Use oxiconazole nitrate) .....	57
omeprazole TBEC PO .....	90	ORGOVYX .....	37	OXISTAT LOTN .....	57
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG .....	91	ORLISSA .....	65	oxybutynin chloride SOLN .....	91
		ORKAMBI PACK .....	88		

oxybutynin chloride TABS PO 5 MG . 91	pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG ..... 90	PAXIL TABS PO 20 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20
oxybutynin chloride TB24 PO ..... 91	pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG ..... 90	PAXIL TABS PO 30 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20
oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG ..... 7	paricalcitol CAPS PO ..... 66	PAXIL TABS PO 40 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20
oxycodone hcl TABS PO ..... 7	paricalcitol SOLN ..... 66	pazopanib hcl ..... 39
oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG ..... 8	PARLODEL CAPS PO (Use bromocriptine mesylate) ..... 42	PEDIAPRED SOLN PO (Use prednisolone sodium phosphate) .. 53
oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG ..... 8	PARLODEL TABS PO (Use bromocriptine mesylate) ..... 42	PEDIARIX SUSY ..... 89
oxymorphone hcl TABS PO ..... 7	PARNATE PO (Use tranlycypromine sulfate) ..... 19	pediatric multivitamins w/fl CHEW PO ..... 80
oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG . 7	paroxetine hcl SUSP PO ..... 20	PEDVAX HIB SUSP ..... 92
oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 7	paroxetine hcl TABS PO 10 MG .. 20	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO ..... 72
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN ..... 23	paroxetine hcl TABS PO 20 MG .. 20	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM ..... 72
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML ..... 23	paroxetine hcl TABS PO 30 MG .. 20	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO ..... 72
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ... 23	paroxetine hcl TABS PO 40 MG .. 20	PEGASYS SOLN ..... 46
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML ..... 41	paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG . 20	PEGASYS SOSY ..... 46
paclitaxel protein-bound particles . 41	paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG ..... 20	PEMAZYRE ..... 39
paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..... 43	PATADAY 0.1 % (Use olopatadine hcl) ..... 84	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 36
paliperidone PO 6 MG ..... 43	PATADAY 0.2 % (Use olopatadine hcl) ..... 84	penciclovir ..... 59
palonosetron hcl SOLN ..... 25	PATANASE (Use olopatadine hcl (nasal)) ..... 81	penicillamine CAPS PO ..... 78
PAMELOR CAPS PO (Use nortriptyline hcl) ..... 21	PAXIL CR TB24 PO 12.5 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20	penicillamine TABS PO ..... 78
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML ..... 64	PAXIL CR TB24 PO 25 MG, 37.5 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML . 85
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 65	PAXIL SUSP PO (Use paroxetine hcl) ..... 20	penicillin g potassium 5000000 UNIT 85
PANRETIN ..... 58	PAXIL TABS PO 10 MG (Use paroxetine hcl) ..... 20	PENICILLIN G PROCAINE ..... 85
		penicillin g sodium ..... 85

penicillin v potassium SOLR PO ...85	93	pindolol TABS PO .....48
penicillin v potassium TABS PO ...85	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP .....93	pioglitazone hcl PO .....24
PENTACEL .....89	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP .....93	pioglitazone hcl-glimepiride .....22
pentazocine w/ naloxone hcl PO ....9	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP .....93	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO .....22
pentoxifylline PO .....70	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP .....93	piperacillin sodium-tazobactam sodium .....86
PEPCID AC MAXIMUM STRENGTH TABS PO (Use famotidine) .....90	PHEBURANE PLLT .....66	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .39
PEPCID TABS PO (Use famotidine) . 90	phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG .....69	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .39
PERCOCET TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG (Use oxycodone w/ acetaminophen) . 8	phendimetrazine tartrate TABS PO .1	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .39
PERCOCET TABS PO 325 MG-2.5 MG (Use oxycodone w/ acetaminophen) .....9	phenelzine sulfate PO .....19	pirfenidone CAPS .....88
PERFOROMIST NEBU (Use formoterol fumarate) .....13	PHENERGAN SOLN IJ (Use promethazine hcl) .....27	pirfenidone TABS PO 534 MG ....88
PERIDEX (Use chlorhexidine gluconate (mouth-throat)) .....79	phenobarbital ELIX PO .....71	piroxicam CAPS PO .....5
perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG .....29	phenobarbital TABS PO .....71	PLAN B ONE-STEP PO (Use levonorgestrel (emergency oc)) ...52
perindopril erbumine PO 4 MG ....29	phenoxybenzamine hcl PO .....29	PLAQUENIL PO (Use hydroxychloroquine sulfate) .....34
PERJETA .....36	phentermine hcl CAPS PO .....1	PLASMA-LYTE 148 (Use electrolyte- 148) .....77
permethrin CREA .....62	phenytoin CHEW PO .....18	PLASMA-LYTE A (Use electrolyte-a) .....77
permethrin LIQD EX .....62	phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG .....18	PLAVIX PO 75 MG (Use clopidogrel bisulfate) .....70
perphenazine TABS PO .....44	phenytoin sodium SOLN .....18	PLEGRIDY SOAJ .....87
perphenazine-amitriptyline PO ....87	phenytoin SUSP PO .....18	PLEGRIDY SOSY IM .....87
PERSERIS PRSY .....43	PHEXXI .....94	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 87
PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR .....93	PHOTOFRIN .....40	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....87
PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11 .....93	PIFELTRO .....45	plerixafor .....71
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT .	pilocarpine hcl (oral) PO .....80	PNEUMOVAX 23 SOLN .....92
	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 82	PNEUMOVAX 23 SOSY .....92
	pimecrolimus .....62	podofilox SOLN .....62
	pimozide PO .....88	

polymyxin b sulfate SOLR .....	33	20 MEQ/50ML (Use potassium chloride) .....	78	prednisolone sodium phosphate SOLN PO .....	53
polymyxin b-trimethoprim .....	83	potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 % .....	78	prednisolone sodium phosphate TBDP PO .....	54
POLYTRIM (Use polymyxin b-trimethoprim) .....	83	potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ .....	78	prednisolone SOLN .....	54
POMALYST .....	38	potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO .....	69	prednisolone TABS PO .....	54
posaconazole SUSP .....	26	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML .....	78	prednisone SOLN PO .....	54
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 78		POTASSIUM PHOSPHATES(66 MEQ K) (Use potassium phosphates) .....	78	prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG	54
potassium bicarbonate TBEF PO .. 78		PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	55	prednisone TABS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	54
potassium chloride CPCR PO .....	78	PRADAXA CAPS PO (Use dabigatran etexilate mesylate) .....	15	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	88
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	77	pralatrexate 20 MG/ML .....	36	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	88
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L .....	77	pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG .....	42	pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG .....	17
POTASSIUM CHLORIDE IN NAACL 20 MEQ/L-0.45 % (Use potassium chloride in nacl) .....	77	pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	42	pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	17
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % .....	77	prasugrel hcl PO .....	70	pregabalin SOLN .....	17
POTASSIUM CHLORIDE IN NAACL 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % (Use potassium chloride in nacl) ...	77	pravastatin sodium PO .....	28	PREHEVBRIO .....	93
potassium chloride microencapsulated crystals er PO .. 78		praziquantel PO .....	10	PREMARIN .....	94
potassium chloride PACK PO 20 MEQ .....	78	prazosin hcl CAPS PO .....	30	PREMARIN SOLR .....	67
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (Use potassium chloride) .....	78	PRECISION XTRA KETONE .....	63	PREMARIN TABS PO .....	67
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV		PRED FORTE (Use prednisolone acetate (ophth)) .....	83	PREMPHASE PO .....	67
		PRED MILD .....	83	PREMPRO PO .....	67
		prednicarbate OINT .....	61	PRENATAL ONE DAILY TABS PO	80
		prednisolone acetate (ophth) .....	83	PRENATAL PLUS TABS PO .....	80
		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	84	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO .....	80
				PRENATAL TABS PO .....	80
				PRENATAL VITAMIN AND	

MINERAL TABS PO .....	80	PRISTIQ PO 100 MG (Use desvenlafaxine succinate) .....	21	promethazine hcl SUPP PR 50 MG 27
PRENATAL VITAMIN TABS PO ...	80	PRISTIQ PO 25 MG, 50 MG (Use desvenlafaxine succinate) .....	21	promethazine hcl TABS PO .....
PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG- 2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	80	PROAIR HFA AERS (Use albuterol sulfate) .....	13	PROMETRIUM CAPS PO (Use progesterone) .....
PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	80	probenecid PO .....	70	propafenone hcl CP12 PO .....
PRENATRIX TABS PO .....	80	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 11		propafenone hcl TABS PO .....
PRENATRYL TABS PO .....	80	PROCARDIA XL TB24 PO (Use nifedipine) .....	49	propranolol hcl .....
PREVACID 24HR CPDR PO (Use lansoprazole) .....	90	prochlorperazine maleate TABS PO . 44		propranolol hcl CP24 PO .....
PREVACID CPDR PO 30 MG (Use lansoprazole) .....	91	prochlorperazine PR .....	44	propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML
PREVNAR 13 .....	92	PROCRIT .....	71	48
PREVNAR 20 .....	92	PROCTOCORT PR (Use hydrocortisone acetate (rectal)) .....	9	propranolol hcl TABS PO .....
PREZCOBIX .....	45	progesterone CAPS PO .....	86	propylthiouracil PO .....
PREZISTA SUSP .....	45	PROGLYCEM (Use diazoxide) ...	23	PROQUAD SUSR .....
PREZISTA TABS (Use darunavir) .	45	PROGRAF CAPS PO (Use tacrolimus) .....	79	PROSCAR PO (Use finasteride) ..
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	45	PROGRAF PACK .....	79	PROTONIX TBEC PO 20 MG (Use pantoprazole sodium) .....
PRIFTIN PO .....	35	PROGRAF SOLN .....	79	PROTONIX TBEC PO 40 MG (Use pantoprazole sodium) .....
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS PO (Use primaquine phosphate) ..	34	PROLASTIN-C SOLN .....	88	PROTOPIC OINT (Use tacrolimus (topical)) .....
primaquine phosphate TABS PO ..	34	PROLENSA (Use bromfenac sodium (ophth)) .....	84	protriptyline hcl PO .....
PRIMAXIN IV IV 500 MG-500 MG (Use imipenem-cilastatin) .....	32	PROLEUKIN .....	40	PROVENTIL HFA AERS (Use albuterol sulfate) .....
primidone PO 50 MG, 250 MG ....	17	PROLIA SOSY .....	65	13
PRIORIX SUSR .....	93	PROMACTA PACK .....	71	PROVERA PO 5 MG, 10 MG (Use medroxyprogesterone acetate) ....
		PROMACTA TABS PO .....	71	PROVIGIL PO 100 MG (Use modafinil) .....
		promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML .....	27	PROVIGIL PO 200 MG (Use modafinil) .....
		promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG .....	27	3
				PROZAC CAPS PO 10 MG (Use fluoxetine hcl) .....
				20
				PROZAC CAPS PO 20 MG (Use fluoxetine hcl) .....
				20
				PROZAC CAPS PO 40 MG (Use

fluoxetine hcl) .....20	quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG ....43	RAPAMUNE TABS PO (Use sirolimus) .....79
PRUDOXIN (Use doxepin hcl (antipruritic)) .....58	quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG .....43	rasagiline mesylate PO .....42
PULMICORT FLEXHALER AEPB .12	quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG .....44	RAZADYNE ER CP24 PO (Use galantamine hydrobromide) .....86
PULMICORT SUSP (Use budesonide (inhalation)) .....12	quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG .....44	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 74
PULMOZYME .....88	quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG ...29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....74
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO .....81	quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG ....29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 74
pyrazinamide PO .....35	quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG .....31	REBIF REBIDOSE SOAJ .....87
PYRIDIDIUM TABS PO (Use phenazopyridine hcl) .....69	quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG .....31	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ .....87
pyridostigmine bromide SOLN PO .35	quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG .....31	REBIF SOSY .....87
pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG .....35	quinidine sulfate TABS PO .....11	REBIF TITRATION PACK SOSY ..87
pyridostigmine bromide TBCR PO .35	quinine sulfate CAPS PO 324 MG .34	RECLAST SOLN (Use zoledronic acid) .....65
pyrimethamine PO .....34	QVAR REDIHALER .....12	RECOMBIVAX HB SUSP .....93
QC PRENATAL TABS PO .....81	RA PRENATAL FORMULA TABS PO .....81	RECOMBIVAX HB SUSY .....93
QINLOCK .....39	RA PRENATAL TABS PO .....81	RECTIV PR (Use nitroglycerin (intra- anal)) .....10
QUADRACEL SUSP .....89	rabeprazole sodium TBEC PO ....91	REGLAN TABS PO (Use metoclopramide hcl) .....68
QUADRACEL SUSY .....89	raloxifene hcl PO .....65	REGRANEX .....63
QUALAQUIN CAPS PO (Use quinine sulfate) .....34	ramelteon PO .....72	RELENZA DISKHALER .....47
QUARTETTE PO (Use levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day)) .....52	ramipril CAPS PO .....29	RELION KETONE TEST STRP ...63
QUDEXY XR CS24 PO (Use topiramate) .....17	RANEXA TB12 PO 1000 MG (Use ranolazine) .....10	RELION LANCET DEVICES 30G .75
QUESTRAN LIGHT POWD PO (Use cholestyramine light) .....28	RANEXA TB12 PO 500 MG (Use ranolazine) .....10	RELION LANCETS .....75
QUESTRAN PACK PO (Use cholestyramine) .....28	ranolazine TB12 PO 1000 MG ....10	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP .....63
QUESTRAN POWD PO (Use cholestyramine) .....28	ranolazine TB12 PO 500 MG .....10	RELPAK PO (Use eletriptan hydrobromide) .....76
	RAPAFLO PO (Use silodosin) .....69	REMERON SOLTAB TBDP PO 15



MG (Use mirtazapine) .....	19	RETROVIR SYRP PO (Use zidovudine) .....	46	30 MG .....	65
REMERON SOLTAB TBDP PO 30 MG (Use mirtazapine) .....	19	REVATIO SOLN (Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)) ..	50	risedronate sodium TBEC PO .....	65
REMERON SOLTAB TBDP PO 45 MG (Use mirtazapine) .....	19	REVATIO SUSR (Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)) ..	50	RISPERDAL CONSTA (Use risperidone microspheres) .....	43
REMERON TABS PO 15 MG (Use mirtazapine) .....	19	REVATIO TABS PO (Use sildenafil citrate (pulmonary hypertension)) ..	50	RISPERDAL SOLN PO (Use risperidone) .....	43
REMERON TABS PO 30 MG (Use mirtazapine) .....	19	REXULTI .....	44	RISPERDAL TABS PO 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG (Use risperidone) .....	43
RENFLEXIS .....	68	REYATAZ CAPS PO 200 MG, 300 MG (Use atazanavir sulfate) .....	46	risperidone microspheres .....	43
REVELA PACK (Use sevelamer carbonate) .....	68	REZVOGLAR KWIKPEN .....	24	risperidone SOLN PO .....	43
REVELA TABS PO (Use sevelamer carbonate) .....	69	ribavirin (hepatitis c) CAPS PO ..	46	risperidone TABS PO .....	43
repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG .....	24	ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG .....	46	risperidone TBDP PO .....	43
repaglinide PO 2 MG .....	24	RIDAURA PO .....	4	RITALIN LA CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG (Use methylphenidate hcl) .....	3
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	29	rifabutin PO .....	35	RITALIN LA CP24 PO 30 MG (Use methylphenidate hcl) .....	3
REPATHA SOSY .....	29	RIFADIN SOLR (Use rifampin) .....	35	RITALIN TABS PO 10 MG, 20 MG (Use methylphenidate hcl) .....	3
REPATHA SURECLICK SOAJ .....	29	rifampin CAPS PO .....	35	RITALIN TABS PO 5 MG (Use methylphenidate hcl) .....	3
RESTASIS EMUL (Use cyclosporine (ophth)) .....	83	rifampin SOLR .....	35	ritonavir TABS PO .....	46
RESTORIL PO (Use temazepam) ..	72	RILUTEK TABS PO (Use riluzole) ..	82	rivastigmine tartrate CAPS PO .....	86
RETACRIT .....	71	riluzole TABS PO .....	82	rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG .....	76
RETEVMO CAPS .....	39	rimantadine hydrochloride TABS PO ..	47	rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG ..	76
RETIN-A CREA (Use tretinoin) .....	55	ringer's .....	77	rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG .....	76
RETIN-A GEL (Use tretinoin) .....	55	ringer's irrigation .....	79	rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG ..	76
RETIN-A MICRO 0.1 % (Use tretinoin microsphere) .....	55	RINVOQ LQ SOLN .....	3	ROBINUL TABS PO (Use glycopyrrolate) .....	90
RETIN-A MICRO PUMP 0.1 % (Use tretinoin microsphere) .....	55	RINVOQ TB24 PO .....	3	ROBINUL-FORTE TABS PO (Use	
RETROVIR CAPS PO (Use zidovudine) .....	45	risedronate sodium TABS PO 150 MG .....	65		
RETROVIR SOLN .....	45	risedronate sodium TABS PO 35 MG ..	65		
		risedronate sodium TABS PO 5 MG,			

glycopyrrolate) ..... 90	SALAGEN PO (Use pilocarpine hcl (oral)) .....80	SELZENTRY TABS PO (Use maraviroc) .....46
ROCALTROL CAPS PO (Use calcitriol) .....66	salsalate PO .....6	SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75 MG ..... 46
ROCALTROL SOLN PO (Use calcitriol) .....66	SAMSCA TABS (Use tolvaptan) ...66	SEMGLEE (YFGN) SOLN .....24
roflumilast PO .....12	SANDIMMUNE CAPS PO (Use cyclosporine) .....79	SEMGLEE (YFGN) SOPN .....24
romidepsin SOLR .....39	SANDOSTATIN SOLN 50 MCG/ML, 100 MCG/ML, 500 MCG/ML (Use octreotide acetate) .....66	SENSIPAR PO (Use cinacalcet hcl) 66
ropinirole hydrochloride TABS PO .42	SANTYL OINT .....61	SEREVENT DISKUS .....13
ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG .....42	SAPHRIS 2.5 MG (Use asenapine maleate) .....44	SEROQUEL TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG (Use quetiapine fumarate) .....44
ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG .....42	SAPHRIS 5 MG, 10 MG (Use asenapine maleate) .....44	SEROQUEL TABS PO 300 MG, 400 MG (Use quetiapine fumarate) ....44
rosuvastatin calcium TABS PO ....28	sapropterin dihydrochloride PACK .66	SEROQUEL XR TB24 PO 300 MG, 400 MG (Use quetiapine fumarate) 44
ROTARIX SUSP .....93	sapropterin dihydrochloride TABS .66	SEROQUEL XR TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG (Use quetiapine fumarate) .....44
ROTARIX SUSR PO .....93	SAVELLA TABS PO .....87	sertraline hcl CONC PO ..... 20
ROTATEQ SOLN PO .....94	SAVELLA TITRATION PACK MISC 87	sertraline hcl TABS PO 100 MG ...20
ROXICODONE TABS PO 15 MG, 30 MG (Use oxycodone hcl) .....8	saxagliptin hcl PO .....23	sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50 MG ..... 20
ROZEREM PO (Use ramelteon) ...72	saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-2.5 MG .....22	sevelamer carbonate PACK .....69
ROZLYTREK CAPS .....39	saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....22	sevelamer carbonate TABS PO ...69
RUBRACA .....40	SCEMBLIX 100 MG .....40	SHINGRIX .....94
rufinamide SUSP .....17	SCEMBLIX 20 MG, 40 MG .....40	SIGNIFOR .....66
rufinamide TABS PO 200 MG .....17	scopolamine .....25	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....50
rufinamide TABS PO 400 MG .....17	SEASONIQUE PO (Use levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day)) .....52	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....50
RUXIENCE .....36	selegiline hcl CAPS PO .....42	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO .....50
RYBELSUS TABS PO .....23	selegiline hcl TABS PO .....42	sildenafil citrate PO .....49
RYTHMOL SR CP12 PO (Use propafenone hcl) .....11	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....59	
SABRIL PACK (Use vigabatrin) ...18	SELZENTRY SOLN .....46	
SABRIL TABS (Use vigabatrin) ....18		
SAFYRAL PO (Use drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium) .....52		

SILENOR PO (Use doxepin hcl (sleep)) .....	72	SODIUM ACETATE SOLN (Use sodium acetate) .....	77	sorafenib tosylate PO .....	40
silodosin PO .....	69	sodium acetate SOLN .....	77	SORBITOL 3 % .....	69
SILVADENE (Use silver sulfadiazine) .....	59	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	69	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML .....	69
silver sulfadiazine .....	59	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % .....	54	sotalol hcl (afib/afib) PO .....	48
SIMPONI ARIA SOLN .....	4	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	78	sotalol hcl TABS PO 240 MG .....	48
SIMULECT .....	79	sodium citrate & citric acid PO .....	69	sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG .....	48
simvastatin TABS PO .....	28	sodium fluoride CHEW PO .....	77	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	94
SINEMET TABS PO 100 MG-10 MG, 100 MG-25 MG (Use carbidopa-levodopa) .....	42	sodium phenylbutyrate POWD PO	66	SPIKEVAX SUSP .....	94
SINGULAIR CHEW PO (Use montelukast sodium) .....	12	sodium phenylbutyrate TABS PO	66	SPIKEVAX SUSY .....	94
SINGULAIR PACK PO (Use montelukast sodium) .....	12	sodium polystyrene sulfonate POWD PO .....	79	spinosad .....	62
SINGULAIR TABS PO (Use montelukast sodium) .....	12	sodium polystyrene sulfonate SUSP PR 30 GM/120ML .....	79	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (Use tiotropium bromide monohydrate) .	12
sirolimus TABS PO .....	79	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate .....	72	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	12
SIRTURO .....	35	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS .....	46	spironolactone & hydrochlorothiazide PO .....	64
SIVEXTRO TABS .....	33	solifenacin succinate TABS PO ...	91	spironolactone TABS PO .....	64
SKLICE (Use ivermectin (pediculicide)) .....	62	SOLQUA .....	22	SPORANOX CAPS PO (Use itraconazole) .....	26
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT ..	58	SOLOSEC .....	3	SPORANOX SOLN (Use itraconazole) .....	26
SKYRIZI PEN SOAJ .....	58	SOLU-CORTEF (Use hydrocortisone sod succinate) .....	54	SPRAVATO (56 MG DOSE) .....	19
SKYRIZI SOCT .....	68	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	54	SPRAVATO (84 MG DOSE) .....	19
SKYRIZI SOLN .....	68	SOLU-CORTEF 250 MG .....	54	SPRYCEL (Use dasatinib) .....	40
SKYRIZI SOSY .....	58	SOLU-MEDROL 2 GM .....	54	STALEVO 100 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42
SLO-NIACIN TBCR PO (Use niacin) .	95	SOLU-MEDROL 500 MG, 1000 MG (Use methylprednisolone sod succ) 54		STALEVO 125 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42
SLYND PO .....	53	SOMA TABS PO (Use carisoprodol) .	81	STALEVO 150 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO .....	81			STALEVO 200 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42

STALEVO 50 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42	sucralfate SUSP PO .....	90	sumatriptan .....	76
STALEVO 75 PO (Use carbidopa-levodopa-entacapone) .....	42	sucralfate TABS PO .....	90	sumatriptan succinate SOAJ .....	76
stannous fluoride CONC .....	79	SULAR PO 8.5 MG, 17 MG, 34 MG (Use nisoldipine) .....	49	sumatriptan succinate SOCT .....	76
stavudine CAPS PO .....	46	sulconazole nitrate CREA .....	57	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	76
STELARA 130 MG/26ML .....	68	sulconazole nitrate SOLN .....	57	sumatriptan succinate TABS PO ..	77
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	58	sulfacetamide sodium (acne) .....	56	sumatriptan-naproxen sodium PO	.75
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	58	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .83		sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	40
STELARA SOSY 90 MG/ML .....	58	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....	56	sunitinib malate PO 37.5 MG .....	40
STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (Use avanafil) .....	49	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	56	SUNOSI PO 150 MG .....	2
STIOLTO RESPIMAT .....	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	56	SUNOSI PO 75 MG .....	2
STIVARGA .....	40	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	56	SUPRAX CAPS PO (Use cefixime)	51
STRATTERA PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG (Use atomoxetine hcl) .	2	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	56	SUPRAX SUSR PO 200 MG/5ML (Use cefixime) .....	51
STRATTERA PO 60 MG, 80 MG, 100 MG (Use atomoxetine hcl) .....	2	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	84	SUPREP BOWEL PREP KIT (Use sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate) .....	72
STRENSIQ .....	66	sulfadiazine TABS PO .....	88	SUSTIVA CAPS PO (Use efavirenz) .	46
streptomycin sulfate SOLR .....	3	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	32	SUTENT PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (Use sunitinib malate) .....	40
STRIBILD .....	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO .....	32	SUTENT PO 37.5 MG (Use sunitinib malate) .....	40
STRIVERDI RESPIMAT .....	13	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO .....	32	SYMBICORT (Use budesonide-formoterol fumarate dihydrate) .....	13
STROMECTOL PO (Use ivermectin) .	10	SULFAMYLON CREA .....	59	SYMFI (Use efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate) .....	46
SUBLOCADE SOSY .....	9	SULFAMYLON PACK 5 % (Use mafenide acetate) .....	59	SYMFI LO (Use efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate) .....	46
SUBOXONE FILM SL (Use buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate) .....	9	sulfasalazine TABS PO .....	68	SYNALAR CREA (Use fluocinolone acetonide) .....	61
SUBSYS LIQD 100 MCG .....	8	sulfasalazine TBEC PO .....	68	SYNALAR OINT (Use fluocinolone	
SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG .....	8	sulindac TABS PO .....	5		
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG .....	8	SUMADAN WASH LIQD (Use sulfacetamide sodium w/ sulfur) ...	56		

acetonide) .....61	TAGRISSO 80 MG .....37	carbamazepine) .....17
SYNALAR SOLN (Use fluocinolone acetonide) .....61	TAKHZYRO SOLN .....70	TEGRETOL TABS PO (Use carbamazepine) .....17
SYNAREL .....65	TAKHZYRO SOSY .....70	TEGRETOL-XR TB12 PO 100 MG, 400 MG (Use carbamazepine) ....17
SYNERA PTCH .....62	TALZENNA .....40	TEGRETOL-XR TB12 PO 200 MG (Use carbamazepine) .....17
SYNJARDY TABS .....22	TAMIFLU CAPS PO (Use oseltamivir phosphate) .....47	TEKTURNA PO (Use aliskiren fumarate) .....32
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....22	TAMIFLU SUSR PO (Use oseltamivir phosphate) .....47	telmisartan PO .....29
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....22	tamoxifen citrate TABS PO .....37	telmisartan-amlodipine PO .....31
SYNRIBO .....40	tamsulosin hcl PO .....69	telmisartan-hydrochlorothiazide PO 31
SYNTHROID TABS PO (Use levothyroxine sodium) .....89	TARCEVA (Use erlotinib hcl) .....37	temazepam PO 15 MG, 30 MG ....72
SYPRINE PO (Use trientine hcl) ...78	TARGRETIN (Use bexarotene (topical)) .....58	temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG .72
TABLOID PO .....36	TARGRETIN PO (Use bexarotene) 40	TEMODAR CAPS PO 250 MG (Use temozolomide) .....35
TABRECTA .....40	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....40	TEMODAR SOLR .....35
TACLONEX OINT (Use calcipotriene- betamethasone dipropionate) .....61	TASIGNA 50 MG .....40	temozolomide CAPS PO .....35
TACLONEX SUSP (Use calcipotriene-betamethasone dipropionate) .....61	TASMAR PO (Use tolcapone) .....41	temsirolimus .....40
tacrolimus (topical) OINT .....62	tavorole .....57	TENIVAC INJ .....89
tacrolimus CAPS PO .....79	TAVALISSE .....70	tenofovir disoproxil fumarate TABS PO .....46
tadalafil (pulmonary hypertension) TABs PO .....50	TAYTULLA CAPS (Use norethin acet & estrad-fe) .....52	TENORETIC 100 PO (Use atenolol & chlorthalidone) .....31
tadalafil PO 5 MG .....49	tazarotene CREA 0.1 % .....58	TENORETIC 50 PO (Use atenolol & chlorthalidone) .....31
TAFINLAR CAPS PO .....40	TAZORAC CREA 0.1 % (Use tazarotene) .....58	TENORMIN TABS PO (Use atenolol) .....47
tafluprost .....84	TAZVERIK .....40	TEPADINA 15 MG (Use thiotepa) .35
TAGAMET HB 200 TABS PO (Use cimetidine) .....90	TDVAX SUSP .....89	terazosin hcl PO .....30
TAGAMET HB TABS PO (Use cimetidine) .....90	TECFIDERA CDPK (Use dimethyl fumarate) .....87	terbinafine hcl TABS PO .....26
TAGRISSO 40 MG .....37	TECFIDERA CPDR (Use dimethyl fumarate) .....87	terbutaline sulfate SOLN .....13
	TEFLARO .....51	
	TEGRETOL SUSP PO (Use	

terbutaline sulfate TABS PO	13	TIBSOVO	40	tolterodine tartrate TABS PO	91
terconazole vaginal CREA	94	tigecycline	88	tolvaptan TABS	66
terconazole vaginal SUPP	94	TIKOSYN PO (Use dofetilide)	11	TOPAMAX SPRINKLE CPSP PO 15 MG (Use topiramate)	17
teriflunomide PO	87	timolol maleate (ophth) SOLG	82	TOPAMAX SPRINKLE CPSP PO 25 MG (Use topiramate)	17
teriparatide SOPN	65	timolol maleate (ophth) SOLN	82	TOPAMAX TABS PO 200 MG (Use topiramate)	17
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	9	timolol maleate TABS PO	48	TOPAMAX TABS PO 25 MG, 100 MG (Use topiramate)	17
testosterone cypionate SOLN IM	9	TIMOPTIC SOLN (Use timolol maleate (ophth))	82	TOPAMAX TABS PO 50 MG (Use topiramate)	17
testosterone enanthate SOLN IM	9	TIMOPTIC-XE SOLG (Use timolol maleate (ophth))	82	TOPICORT CREA 0.25 % (Use desoximetasone)	61
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	89	tiopronin TBEC 100 MG	69	TOPICORT GEL (Use desoximetasone)	61
tetrabenazine PO	87	tiopronin TBEC 300 MG	69	TOPICORT OINT 0.25 % (Use desoximetasone)	61
tetracycline hcl CAPS PO	89	tiotropium bromide monohydrate CAPS	12	topiramate CPSP PO 15 MG	17
THALOMID PO	78	TIVICAY TABS	46	topiramate CPSP PO 25 MG	17
theophylline ELIX PO	14	tizanidine hcl CAPS PO	81	topiramate CS24 PO	17
theophylline SOLN PO	14	tizanidine hcl TABS PO	81	topiramate TABS PO 200 MG	17
theophylline TB12 PO	14	TOBI NEBU (Use tobramycin)	3	topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG	17
theophylline TB24 PO	14	TOBRADEX SUSP (Use tobramycin- dexamethasone)	84	topiramate TABS PO 50 MG	17
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	81	tobramycin (ophth) SOLN	83	topotecan hcl SOLR	41
THIOLA EC TBEC 100 MG (Use tiopronin)	69	tobramycin NEBU	3	TOPROL XL TB24 PO 200 MG (Use metoprolol succinate)	48
THIOLA EC TBEC 300 MG (Use tiopronin)	69	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML	3	TOPROL XL TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG (Use metoprolol succinate)	48
thioridazine hcl PO	44	tobramycin-dexamethasone SUSP 84		toremifene citrate PO	37
thiotepa 15 MG	35	TODAY SPONGE MISC	94	TORISEL (Use temsirolimus)	40
thiothixene PO	44	tolcapone PO	41	torsemide TABS PO	64
THYMOGLOBULIN	79	tolmetin sodium CAPS PO	5		
THYROGEN 0.9 MG	63	tolmetin sodium TABS PO 600 MG	5		
tiagabine hcl PO	18	TOLSURA CAPS PO	26		
TIAZAC PO (Use diltiazem hcl extended release beads)	49	tolterodine tartrate CP24 PO	91		

TOVIAZ (Use fesoterodine fumarate) .....	91	TRELSTAR MIXJECT .....	37	MG/ML .....	54
TRACLEER TABS 125 MG (Use bosentan) .....	50	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML .....	58	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG .....	64
TRACLEER TABS 62.5 MG (Use bosentan) .....	50	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML .....	58	triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO .....	64
TRACLEER TBSO .....	50	TREMFYA SOLN .....	58	triamterene CAPS PO .....	64
tramadol hcl TABS PO 50 MG .....	8	TREMFYA SOSY 100 MG/ML .....	59	triazolam PO .....	72
tramadol hcl TB24 PO .....	8	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML .....	58	TRIBENZOR PO (Use olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide) .....	31
tramadol-acetaminophen PO .....	9	treprostinil SOLN IJ .....	50	TRICARE TABS PO .....	81
trandolapril PO 1 MG, 2 MG .....	29	tretinoin (chemotherapy) PO .....	41	TRICOR TABS PO (Use fenofibrate) .	28
trandolapril PO 4 MG .....	29	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	56	TRIDESILON CREA 0.05 % (Use desonide) .....	61
trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	31	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	56	trientine hcl PO 250 MG .....	78
trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	31	tretinoin microsphere 0.1 % .....	56	trifluoperazine hcl TABS PO .....	44
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	71	TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	36	trifluridine .....	83
tranexamic acid TABS PO .....	71	TREXIMET PO (Use sumatriptan-naproxen sodium) .....	75	trihexyphenidyl hcl SOLN .....	41
TRANSDERM-SCOP (Use scopolamine) .....	25	triamcinolone acetonide (mouth) ..	79	trihexyphenidyl hcl TABS PO .....	41
TRANXENE-T TABS PO (Use clorazepate dipotassium) .....	11	triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	82	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	22
tranylcypromine sulfate PO .....	19	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	61	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	22
TRAVATAN Z SOLN (Use travoprost) .....	84	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	61	TRIKAFTA TBPK .....	88
travoprost SOLN .....	84	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	61	TRILEPTAL SUSP PO (Use oxcarbazepine) .....	17
TRAZIMERA .....	36	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	61	TRILEPTAL TABS PO 150 MG, 300 MG (Use oxcarbazepine) .....	17
trazodone hcl TABS PO .....	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	61	TRILEPTAL TABS PO 600 MG (Use oxcarbazepine) .....	17
TREANDA SOLR (Use bendamustine hcl) .....	35	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	61	TRILIPIX PO (Use choline fenofibrate) .....	28
TRECTOR PO .....	35	triamcinolone acetonide SUSP 40		trimethobenzamide hcl CAPS PO .	25
TRELEGY ELLIPTA .....	13				

trimethoprim TABS PO .....	32	MISC .....	74	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	50
trimipramine maleate CAPS PO ...	21	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE		UBRELVY PO .....	75
TRINTELLIX PO .....	21	MISC .....	74	UCERIS (Use budesonide	
TRIOSTAT SOLN (Use liothyronine		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST		(intrarectal)) .....	9
sodium) .....	89	MISC .....	74	UDENYCA ONBODY SOSY .....	71
TRIUMEQ TABS .....	46	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	75	UDENYCA SOAJ .....	71
TRIZIVIR PO .....	46	TRUSTEX		UDENYCA SOSY .....	71
TROJAN MAGNUM MISC .....	74	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		ULORIC (Use febuxostat) .....	70
TROJAN ULTRA THIN MISC .....	74	74		UNASYN IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1	
TROJAN ULTRA		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +		GM (Use ampicillin & sulbactam	
THIN/SPERMICIDAL MISC .....	74	LUBE MISC .....	75	sodium) .....	86
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE		UPTRAVI TABS 200 MCG .....	50
74		MISC .....	75	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .		MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200	
74		75		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	50
tropicamide SOLN 0.5 % .....	82	TRUSTEX-NONOXYNOL-		UPTRAVI TITRATION TBPk .....	50
tropicamide SOLN 1 % .....	82	9/RIB/STUD MISC .....	75	UROCIT-K 10 TBCR PO (Use	
tropium chloride CP24 PO .....	91	TRUVADA PO (Use emtricitabine-		potassium citrate (alkalinizer)) .....	69
tropium chloride TABS PO .....	91	tenofovir disoproxil fumarate) .....	46	UROCIT-K 15 TBCR PO (Use	
TRUE COVER DEVI .....	74	TRUXIMA .....	36	potassium citrate (alkalinizer)) .....	69
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE		TUKYSA .....	36	UROCIT-K 5 TBCR PO (Use	
TEST STRP .....	63	TURALIO PO .....	40	potassium citrate (alkalinizer)) .....	69
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	75	TUZISTRA XR PO .....	54	UROXATRAL PO (Use alfuzosin hcl)	
TRULICITY .....	23	TWINRIX SUSY .....	94	69	
TRUMENBA .....	92	TWIRLA .....	52	URSO 250 TABS PO (Use ursodiol) .	
TRUSOPT (Use dorzolamide hcl) .	84	TYBLUME CHEW .....	52	67	
TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYBOST .....	46	URSO FORTE TABS PO (Use	
LUBE MISC .....	74	TYGACIL (Use tigecycline) .....	88	ursodiol) .....	67
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED		TYKERB (Use lapatinib ditosylate)		ursodiol CAPS PO .....	67
MISC .....	74	40		ursodiol TABS PO .....	67
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST		TYMLOS .....	65	UVADEX .....	41
MISC .....	74	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	50	VAGIFEM TABS (Use estradiol	
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL		TYVASO SOLN IN .....	50	vaginal) .....	94



valacyclovir hcl PO 500 MG	47	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO	25	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	49
VALCYTE TABS PO (Use valganciclovir hcl)	46	VASCEPA 1 GM (Use icosapent ethyl)	27	verapamil hcl TABS PO	49
valganciclovir hcl TABS PO	46	VASERETIC PO 25 MG-10 MG (Use enalapril maleate & hydrochlorothiazide)	31	verapamil hcl TBCR PO	49
VALIUM TABS PO (Use diazepam)	11	VASOTEC TABS PO (Use enalapril maleate)	29	VEREGEN	56
valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML	18	VAXNEUVANCE	92	VERELAN CP24 PO (Use verapamil hcl)	49
valproic acid CAPS PO	18	VECAMYL PO	31	VERELAN PM CP24 PO (Use verapamil hcl)	49
valrubicin	38	VECTIBIX 100 MG/5ML	37	VERZENIO	40
valsartan TABS PO	29	VECTICAL (Use calcitriol (topical))	59	VESICARE TABS PO (Use solifenacin succinate)	91
valsartan-hydrochlorothiazide PO	31	VELCADE SOLR IJ (Use bortezomib)	40	VFEND TABS PO (Use voriconazole)	26
VALSTAR (Use valrubicin)	38	VELETRI (Use epoprostenol sodium)	50	VIAGRA PO (Use sildenafil citrate)	49
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	15	VELTIN (Use clindamycin phosphate-tretinoin)	56	VIBRAMYCIN CAPS PO (Use doxycycline hyclate)	89
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	15	venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG	21	VICTOZA (Use liraglutide)	23
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	15	venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG	21	VIDAZA SUSR (Use azacitidine)	36
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	15	venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG	21	vigabatrin PACK	18
VALTRESX PO 1 GM (Use valacyclovir hcl)	47	venlafaxine hcl TABS PO	21	vigabatrin TABS	18
VALTRESX PO 500 MG (Use valacyclovir hcl)	47	venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG	21	VIGAMOX SOLN OP (Use moxifloxacin hcl (ophth))	83
VANOCOCIN CAPS PO (Use vancomycin hcl)	32	venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	21	VIIBRYD STARTER PACK KIT PO	21
vancomycin hcl CAPS PO	32	VENTOLIN HFA AERS (Use albuterol sulfate)	14	VIIBRYD TABS (Use vilazodone hcl)	21
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	32	verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG	49	vilazodone hcl TABS	21
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	33	verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	49	VIMPAT SOLN PO 10 MG/ML (Use lacosamide)	17
VANOS CREA (Use fluocinonide)	61	VERAPAMIL HCL ER CP24 PO (Use verapamil hcl)	49	VIMPAT TABS PO (Use lacosamide)	18
VAQTA	94			vincristine sulfate	41
varenicline tartrate TABS PO	88			vinorelbine tartrate 10 MG/ML	41
varenicline tartrate TBPK	88				
VARIVAX SUSR	94				

VIRACEPT TABS PO .....	46	WELCHOL TABS PO (Use colesevelam hcl) .....	28	XELJANZ SOLN .....	3
VIREAD POWD .....	46	WELLBUTRIN SR TB12 PO 100 MG (Use bupropion hcl) .....	19	XELJANZ TABS 10 MG .....	3
VIREAD TABS PO (Use tenofovir disoproxil fumarate) .....	46	WELLBUTRIN SR TB12 PO 150 MG (Use bupropion hcl) .....	19	XELJANZ TABS 5 MG .....	3
VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	46	WELLBUTRIN SR TB12 PO 200 MG (Use bupropion hcl) .....	19	XELJANZ XR TB24 PO .....	3
VISTARIL CAPS PO (Use hydroxyzine pamoate) .....	10	WELLBUTRIN XL TB24 PO 150 MG (Use bupropion hcl) .....	19	XELODA PO (Use capecitabine) ..	36
VISTOGARD .....	24	WELLBUTRIN XL TB24 PO 300 MG (Use bupropion hcl) .....	19	XENAZINE PO (Use tetrabenazine) 87	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	95	WESTAB PLUS TABS PO .....	81	XEOMIN .....	82
VITATHELY WITH GINGER TABS PO .....	81	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60 .....	75	XGEVA SOLN .....	65
VITRAKVI CAPS PO .....	40	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65 .....	75	XHANCE EXHU .....	82
VITRAKVI SOLN .....	40	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70 .....	75	XIFAXAN PO 200 MG .....	32
VIVELLE-DOT PTTW (Use estradiol) 67		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75 .....	75	XIFAXAN PO 550 MG .....	32
VIVITROL .....	25	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80 .....	75	XIGDUO XR PO (Use dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	22
VIZIMPRO .....	37	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85 .....	75	XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	23
VOLTAREN ARTHRITIS PAIN GEL EX (Use diclofenac sodium (topical)) 57		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90 .....	75	XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	22
VORAXAZE .....	41	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95 .....	75	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	11
voriconazole TABS PO .....	26	XALATAN SOLN (Use latanoprost) 84		XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	11
VOSEVI .....	46	XALKORI CAPS .....	40	XOLAIR SOLR .....	11
VOTRIENT (Use pazopanib hcl) ..	40	XANAX TABS PO (Use alprazolam) ..	11	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	11
VYNDAMAX .....	50	XANAX XR TB24 PO (Use alprazolam) .....	11	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	12
VYNDAQEL .....	50	XARELTO STARTER PACK TBPK 14		XOPENEX (Use levalbuterol hcl) ..	14
VYTORIN PO (Use ezetimibe- simvastatin) .....	27	XARELTO SUSR .....	14	XOPENEX CONCENTRATE (Use levalbuterol hcl) .....	14
warfarin sodium TABS PO .....	14	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	14	XOPENEX HFA (Use levalbuterol tartrate) .....	14
water for irrigation, sterile .....	79	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	14	XOSPATA .....	40
WELCHOL PACK (Use colesevelam hcl) .....	28			XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG .....	38

XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG .....	38	YUFLYMA (1 PEN) AJKT .....	4	ZEMPLAR CAPS PO 1 MCG, 2 MCG (Use paricalcitol) .....	66
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG .....	38	YUFLYMA (2 PEN) AJKT .....	4	ZEMPLAR SOLN (Use paricalcitol) 66	
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG .....	38	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT .....	4	ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT- 79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT- 10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT- 63000 UNIT-20000 UNIT .....	63
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO .....	38	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT .....	4	ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	63
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG .....	38	ZADITOR 0.035 % (Use ketotifen fumarate (ophth)) .....	84	ZESTORETIC PO (Use lisinopril & hydrochlorothiazide) .....	31
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO .....	38	zafirlukast PO .....	12	ZESTRIL TABS PO (Use lisinopril) 29	
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG .....	38	zaleplon PO 10 MG .....	72	ZETIA PO (Use ezetimibe) .....	28
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO .....	38	zaleplon PO 5 MG .....	72	ZIAC PO (Use bisoprolol & hydrochlorothiazide) .....	31
XTANDI CAPS .....	37	ZALTRAP 100 MG/4ML .....	36	ZIAGEN SOLN PO (Use abacavir sulfate) .....	46
XTANDI TABS 40 MG .....	38	ZANAFLEX CAPS PO (Use tizanidine hcl) .....	81	ZIAGEN TABS PO (Use abacavir sulfate) .....	46
XTANDI TABS 80 MG .....	38	ZANAFLEX TABS PO 4 MG (Use tizanidine hcl) .....	81	ZIANA (Use clindamycin phosphate- tretinoin) .....	56
XULTOPHY .....	23	ZANOSAR .....	35	zidovudine CAPS PO .....	46
XYLOCAINE SOLN 0.5 %, 1 % (Use lidocaine hcl (local anesth.)) .....	73	ZARONTIN CAPS PO (Use ethosuximide) .....	18	zidovudine SYRP PO .....	46
XYLOCAINE-MPF SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % (Use lidocaine hcl (local anesth.)) .....	73	ZARONTIN SOLN PO (Use ethosuximide) .....	18	zidovudine TABS PO .....	46
XYNTHA .....	70	ZARXIO .....	71	zileuton TB12 PO .....	12
XYNTHA SOLOFUSE .....	70	ZAVESCA (Use miglustat) .....	71	ZIMHI SOSY .....	25
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN PO (Use levocetirizine dihydrochloride) .....	27	ZEGERID CAPS PO 1100 MG-20 MG (Use omeprazole-sodium bicarbonate) .....	91	ZIOPTAN (Use tafluprost) .....	84
XYZAL ALLERGY 24HR TABS PO (Use levocetirizine dihydrochloride) 27		ZEGERID CAPS PO 1100 MG-40 MG (Use omeprazole-sodium bicarbonate) .....	91	ziprasidone hcl PO .....	43
YASMIN 28 PO (Use drospirenone- ethinyl estradiol) .....	52	ZEGERID OTC CAPS PO (Use omeprazole-sodium bicarbonate) ..	91	ZIRABEV .....	36
YAZ PO (Use drospirenone-ethinyl estradiol) .....	52	ZEJULA CAPS PO .....	40		
YERVOY .....	36	ZEJULA TABS 100 MG .....	40		
YONSA .....	38	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	40		
		ZELBORAF PO .....	40		

ZIRGAN GEL .....	83	ZONALON (Use doxepin hcl (antipruritic)) .....	58	ZYTIGA 250 MG (Use abiraterone acetate) .....	38
ZITHROMAX SOLR (Use azithromycin) .....	73	ZONEGRAN CAPS PO 25 MG, 100 MG (Use zonisamide) .....	18	ZYTIGA 500 MG (Use abiraterone acetate) .....	38
ZITHROMAX SUSR PO (Use azithromycin) .....	73	zonisamide CAPS PO .....	18	ZYVOX SUSR (Use linezolid) .....	33
ZITHROMAX TABS PO 250 MG (Use azithromycin) .....	73	ZONTIVITY PO .....	70	ZYVOX TABS PO (Use linezolid) ..	33
ZITHROMAX TABS PO 500 MG (Use azithromycin) .....	73	ZORBTIVE SC .....	65		
ZITHROMAX TRI-PAK TABS PO (Use azithromycin) .....	73	ZORTRESS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG (Use everolimus (immunosuppressant)) .....	79		
ZITHROMAX Z-PAK TABS PO (Use azithromycin) .....	73	ZORTRESS 1 MG (Use everolimus (immunosuppressant)) .....	79		
ZOCOR TABS PO 10 MG, 20 MG, 40 MG (Use simvastatin) .....	28	ZOVIRAX CREA (Use acyclovir topical) .....	59		
ZOLADEX 10.8 MG .....	38	ZOVIRAX OINT (Use acyclovir topical) .....	59		
ZOLADEX 3.6 MG .....	38	ZOVIRAX SUSP PO (Use acyclovir) . 47			
zoledronic acid CONC .....	65	ZUBSOLV SUBL .....	9		
zoledronic acid SOLN .....	65	ZYDELIG .....	40		
ZOLINZA .....	40	ZYLOPRIM PO (Use allopurinol) ..	70		
zolmitriptan SOLN .....	77	ZYMAXID (Use gatifloxacin (ophth)) . 83			
zolmitriptan TABS PO .....	77	ZYPREXA SOLR (Use olanzapine) 44			
zolmitriptan TBDP PO .....	77	ZYPREXA TABS PO 2.5 MG, 5 MG (Use olanzapine) .....	44		
ZOLOFT CONC PO (Use sertraline hcl) .....	20	ZYPREXA TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG (Use olanzapine) ..	44		
ZOLOFT TABS PO 100 MG (Use sertraline hcl) .....	20	ZYPREXA ZYDIS TBDP PO 20 MG (Use olanzapine) .....	44		
ZOLOFT TABS PO 25 MG, 50 MG (Use sertraline hcl) .....	21	ZYPREXA ZYDIS TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG (Use olanzapine) ..	44		
zolpidem tartrate TABS PO .....	72	ZYRTEC ALLERGY TABS PO (Use cetirizine hcl) .....	27		
zolpidem tartrate TBCR PO .....	72				
ZOMIG SOLN (Use zolmitriptan) ..	77				
ZOMIG TABS PO 2.5 MG, 5 MG (Use zolmitriptan) .....	77				

Ambetter from SilverSummit Healthplan được bảo lãnh bởi SilverSummit Healthplan, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Nevada. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 SilverSummit Healthplan, Inc., [Ambetter.SilverSummitHealthplan.com](https://Ambetter.SilverSummitHealthplan.com). Để biết thông tin về quyền được nhận một chương trình Ambetter from SilverSummit Healthplan mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập [AmbetterHealth.com](https://AmbetterHealth.com) và cuộn xuống cuối trang.